

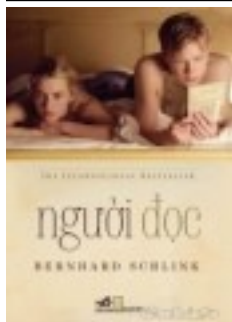
Người Đọc

Contents

Người Đọc	2
1. Chương 1	2
2. Chương 2	3
3. Chương 3	4
4. Chương 4	5
5. Chương 5	6
6. Chương 6	7
7. Chương 7	8
8. Chương 8	10
9. Chương 9	11
10. Chương 10	13
11. Chương 11	15
12. Chương 12	17
13. Chương 13	19
14. Chương 14	20
15. Chương 15	21
16. Chương 16	22
17. Chương 17	23
18. Chương 18	24
19. Chương 19	25
20. Chương 20	26
21. Chương 21	27
22. Chương 22	29
23. Chương 23	29
24. Chương 24	31
25. Chương 25	32
26. Chương 26	34
27. Chương 27	35
28. Chương 28	37
29. Chương 29	38
30. Chương 30	40
31. Chương 31	41
32. Chương 32	42
33. Chương 33	43
34. Chương 34	44
35. Chương 35	44
36. Chương 36	46
37. Chương 37	47
38. Chương 38	48
39. Chương 39	48
40. Chương 40	49
41. Chương 41	50

42. Chương 42	52
43. Chương 43	55
44. Chương 44	57

Người Đọc



Giới thiệu

“Thế giới này sẽ đơn giản biết bao khi kẻ ác luôn hiện nguyên hình là một con quỷ dữ. . .”- Bernhar

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nguoi-doc>

1. Chương 1

Hồi mười lăm tuổi tôi bị viêm gan. Bệnh phát vào mùa thu và dứt vào mùa xuân. Tiết trời càng lạnh và càng tối thì người tôi càng yếu đi. Sang đến năm sau thì tình hình mới khá lên. Tháng Giêng trời ấm, mẹ kê giường cho tôi ra ngoài bao lơn. Tôi nhìn thấy bầu trời, mặt trời, mây và nghe thấy lũ trẻ chơi trong sân. Sẩm tối một ngày tháng Hai tôi nghe con chim két hót.

Gia đình tôi ở trên tầng ba một ngôi nhà bề thế xây hồi cuối thế kỷ ở phố Blumenstrasse. Lần đầu ra đường, tôi đi từ nhà đến phố Ga. Vào một ngày thứ Hai trong tháng Mười, trên đường từ trường về nhà tôi đã bị nôn. Đã từ vài hôm tôi thấy yếu trong người, yếu như chưa bao giờ yếu thế trong đời. Chân cẳng nặng như chì. Ở nhà hay đến trường, mỗi khi lên thang gác là tôi không nhắc nổi chân. Ăn uống cũng không vào. Ngay cả khi đói bụng ngồi vào bàn thì chẳng mấy chốc đã ngán tận cổ. Sáng sớm ngủ dậy mồm khô khốc, có cảm giác gan ruột nặng như đá và nằm sai chỗ trong cơ thể. Tôi xấu hổ vì yếu nhược như thế. Tôi càng xấu hổ khi bị nôn. Đó cũng là chuyện chưa xảy ra lần nào trong đời. Mồm đầy ứ, tôi mím chặt môi định nuốt xuống, tay bưng mồm nhưng vẫn nôn ộc ra kẽ tay. Rồi tôi dựa vào tường nhà, nhìn đồng nôn dưới chân và ọe ra chất nhầy nhàn nhạt.

Một người phụ nữ chạy lại giúp tôi, và cô làm việc đó một cách thô bạo. Cô tóm tay và xềnh xệch lôi tôi qua một hành lang tối đi và sân sau. Phía trên là dây phơi quần áo chằng từ cửa sổ này qua cửa sổ kia. Ngoài sân xếp đầy gỗ, trong nhà xưởng mở toang có tiếng lưỡi cửa rít và mùn cửa bay. Bên cạnh cửa vào sân có vòi nước. Người phụ nữ mở vòi, trước tiên rửa tay tôi, rồi cô hứng nước trong lòng bàn tay khum khum táp vào mặt tôi. Tôi lấy khăn mùi soa lau khô mặt.

“Cầm lấy cái kia!” Bên cạnh vòi nước có hai cái xô, cô lấy một cái và vắn nước vào. Tôi hứng nước vào cái xô thứ hai và đi theo cô qua hành lang. Cô lấy đà thật mạnh, nước hắt tóe xuống vỉa hè và cuốn bãi nôn xuống cống. Cô lấy xô nước kia khỏi tay tôi và xối thêm lần nữa xuống vỉa hè.

Cô đứng thẳng lên và thấy tôi khóc. “Cậu bé,” cô ngạc nhiên nói, “kìa cậu bé.” Cô choàng tay ôm tôi. Tôi không cao hơn cô là mấy. Tôi cảm nhận bầu vú cô áp vào ngực mình, ngửi thấy hơi thở hơi hám của chính mình cùng mồ hôi mới của cô trong vòng tay ôm chặt và không biết để hai tay vào đâu. Tôi thôi khóc.

Cô hỏi nhà tôi ở đâu, đặt xô vào hành lang rồi đưa tôi về nhà. Cô đi cạnh tôi, một tay cầm cặp xách của tôi còn tay kia nắm tay tôi. Đường từ phố Ga về Blumenstrasse không xa. Cô đi nhanh và dứt khoát, làm tôi cũng dễ bước theo. Đến trước cửa nhà tôi cô chia tay.

Ông bác sĩ mà mẹ tôi mời đến nhà cùng ngày hôm ấy chẩn đoán chứng viêm gan. Một hôm nào đó tôi kể cho mẹ nghe về người phụ nữ. Nếu không thì tôi đoán là mình cũng chẳng đến thăm cô. Song đối với mẹ tôi thì dĩ nhiên là khi nào khỏe trở lại tôi nên bỏ tiền túi mua một bó hoa, đến chào và cảm ơn cô. Vậy là cuối tháng Hai tôi đi đến phố Ga.

2. Chương 2

Ngôi nhà ở phố Ga bây giờ không còn nữa. Tôi không nhớ nó bị phá đi bao giờ và tại sao. Đã nhiều năm tôi không về thành phố quê hương. Ngôi nhà hiện tại được xây hồi thập kỷ 1970 hay 89, có năm tầng và tầng mái hoàn thiện, không có cửa sổ nhô ra hoặc bao lơn, tường trơn nhẵn và sáng màu. Nhiều nút chuông cửa của các căn hộ nhỏ, những căn hộ mà người ta đến rồi đi, tựa như thuê xe hơi để đi rồi trả tiền. Hiện nay ở tầng trệt có một cửa hàng máy tính, ngày trước là một hiệu thuốc, một nhà bán thực phẩm và hiệu cho thuê băng video.

Ngôi nhà ngày xưa cũng cao như thế nhưng có bốn tầng, tầng trệt là các khối sa thạch mài góc, ba tầng trên xây gạch với các cửa sổ nhô ra, bao lơn và khung viền cửa sổ bằng sa thạch. Bậc tam cấp dẫn lên tầng trệt và cầu thang ở dưới rộng, trên hẹp dần, hai bên xây bệ chắn làm nền cho tay vịn bằng sắt rèn và đoạn kết xoắn tròn ốc. Hai bên cửa là đôi cột, mỗi góc kèo có một chiếc đầu sư tử, một con nhìn ngược lên phố Ga, con kia nhìn xuôi xuống. Lối đi vào nhà mà người phụ nữ dẫn tôi đến vòi nước trong sân là lối cửa bên.

Từ bé tôi đã để ý đến ngôi nhà này. Nó chế ngự cả dãy phố. Dường như nếu nó nặng hơn và rộng hơn chút nữa thì mấy nhà xung quanh phải né ra nhường chỗ cho nó. Tôi tưởng tượng ra trong đó là khoang cầu thang với đường diềm đắp nổi, lắp gương và trải thảm có họa tiết Đông phương được đề cặng bởi các thanh đồng bóng loáng. Tôi cho rằng trong một căn nhà quý phái thì phải có những người quý phái ở. Nhưng vì ngôi nhà đã ngả màu sẫm bởi năm tháng và khói tàu hỏa nên tôi hình dung ra những cư dân quý phái ấy cũng u ám, kỳ quặc, có khi điếc hay câm, biết đây lại gù lưng hoặc thọt chân cũng nên.

Những năm về sau tôi luôn nằm mơ về ngôi nhà ấy. Những giấc mơ tựa tựa nhau, là những biến thái của một giấc mơ hay một chủ đề. Tôi đi qua một thành phố lạ và nhìn thấy ngôi nhà. Trong một khu phố mà tôi không quen, tôi thấy nó đứng trong một dãy phố. Tôi đi tiếp, đầu óc rối bời vì tuy biết ngôi nhà nhưng lại không quen khu phố đó. Rồi tôi chợt nhớ ra là mình đã thấy nó rồi. Nhưng tôi lại không nghĩ đến phố Ga ở thành phố quê hương mà nghĩ đến một thành phố khác, một nước khác. Ví dụ tôi mơ đến thành Rome, nhìn thấy ngôi nhà và nhớ là đã từng thấy nó ở Bern. Với hồi ức trong mơ ấy, tôi cảm thấy yên tâm; nhìn thấy ngôi nhà trong một khung cảnh lạ lẫm tôi cảm thấy không có gì đặc biệt hơn là tình cờ gặp mặt một người bạn cũ ở chốn xa lạ. Tôi quay lại ngôi nhà ấy, đi lên bậc tam cấp. Tôi muốn vào nhà. Tôi ấn nắm đấm cửa.

Nếu tôi mơ thấy ngôi nhà ở nông thôn thì giấc mơ dài hơn, hoặc sau đó tôi hồi tưởng rõ hơn về các chi tiết. Tôi đi ô tô, tôi thấy ngôi nhà phía tay phải và đi tiếp, thoát tiên chỉ thấy bối rối vì một ngôi nhà rõ ràng ở trên phố mà nay lại đứng giữa cánh đồng. Sau đó chợt nhớ là tôi đã thấy nó ở đâu rồi, và lại càng bối rối gấp bội. Nếu tôi nhớ lại đã thấy nó ở đâu thì tôi quay xe trở lại. Đường sá trong mơ lúc nào cũng vắng bóng người, tôi quay đầu xe trong tiếng bánh xe rít ken két và phóng như bay. Tôi sợ đến quá chậm và phóng nhanh hơn. Rồi tôi thấy nó. Ngôi nhà đứng giữa những cánh đồng bao quanh, cái dẫu, lúa mạch hoặc nho ở vùng Pfalz, oải hương miền Đông Nam Pháp. Đồng rất bằng phẳng, đâu đó gợn đồi nhấp nhô. Không có cây cối. Trời rất sáng, nắng chói, không khí lung linh, và mặt đường loáng thoáng vì nóng. Những bức tường chắn chịu lửa làm cho ngôi nhà mang vẻ dị biệt và hệt hẫng. Như những bức tường chắn chịu lửa của bất kỳ nhà nào. Trông nó không u ám hơn ngôi nhà ở phố Ga, nhưng cửa sổ đầy bụi bặm và căn không cho thấy trong các phòng có gì, kể cả rèm cửa. Ngôi nhà mù.

Tôi dừng xe cạnh đường và đi ngang qua đường tới cạnh nhà. Không có ai cả, chẳng nghe thấy gì, kể cả tiếng động cơ xa xa hay tiếng gió, tiếng chim. Một thế giới chết. Tôi đi lên bậc tam cấp và ấn nắm đấm cửa.

Nhưng tôi không mở cửa. Tôi thức dậy và chỉ biết đã đặt tay lên và ấn nắm đấm cửa xuống. Thế rồi tôi nhớ lại toàn bộ giấc mơ, và nhớ cả cả là mình đã nằm mơ.

3. Chương 3

Tôi không biết tên người phụ nữ nọ. Với hoa trong tay, tôi ngập ngừng đứng trước cửa và hàng nút chuông. Có lẽ nên quay về thì hơn. Nhưng lúc ấy có một người đàn ông từ trong nhà đi ra hỏi tôi muốn tìm ai, và chỉ tôi lên nhà cô Schmitz ở tầng bốn.

Không có đường diềm đắp nổi, không có gương, không có thảm. Những gì của vẻ đẹp ngày xưa có lẽ từng có trong khoang cầu thang thì nay đã tàn lụi, và vẻ đơn sơ của nó không thể so sánh với mặt tiền tráng lệ. Màu sơn đỏ của các bậc thang bị vết chân mài vệt ở giữa, tấm nhựa đập nổi dán lên tường cao tới vai đã mòn, và những thanh gỗ bị khuyết ở tay vịn cầu thang được thay bằng dây buộc. Có mùi nước tẩy sàn. Cũng có thể mãi về sau này tôi mới nhận ra tất cả những điều đó. Lúc nào mọi thứ cũng vừa bệ rạc vừa sạch sẽ và toát ra vẫn một thứ mùi nước tẩy sàn, thỉnh thoảng trộn lẫn mùi cải và đậu, mùi xào nấu thức ăn hay quần áo ngấm sôi. Chẳng bao giờ tôi được biết gì hơn về những người khác sống trong nhà, ngoài những mùi ấy, những tấm thảm chùi chân trước cửa và tấm biển ghi tên dưới nút chuông. Tôi không nhớ đã gặp mặt ai đó trong số họ ở cầu thang.

Tôi cũng chẳng nhớ ra là đã chào cô Schmitz như thế nào. Chắc là tôi đã sắp xếp sẵn và nói vài ba câu về bệnh trạng của tôi, về chuyện cô giúp đỡ tôi và cảm ơn. Cô chỉ tôi đi vào bếp.

Phòng bếp là căn lớn nhất trong căn hộ. Trong bếp có bếp lò và bồn rửa, bồn tắm và lò đun nước tắm, bàn và hai ghế đầu, tủ lạnh, tủ quần áo và bộ ghế đệm. Trên ghế trải tấm chăn nhung the. Phòng bếp không có cửa sổ. Ánh sáng lọt qua ô kính trên cửa dẫn ra bao lơn, không nhiều lắm, bếp chỉ hừng lên khi cửa mở ra. Lúc ấy nghe được cả tiếng cửa rít và ngửi thấy mùi gỗ từ tường mộc dưới sàn.

Trong căn hộ còn có một phòng khách nhỏ và hẹp, với cái rương đựng bát đĩa, bàn, bốn chiếc ghế, ghế mềm có tựa đầu và lò sưởi. Phòng này hầu như không bao giờ được sưởi trong mùa đông, còn mùa hè đến thì chẳng mấy khi sử dụng. Cửa sổ mở ra hướng phố Ga và từ đó nhìn ra khuôn viên của nhà ga ngày xưa được đào đi xới lại nhiều lần, đây đó đã đổ xong lớp móng của các ngôi nhà mới cho tòa án và công sở. Cuối cùng, trong căn hộ còn một nhà xí không cửa sổ. Nếu trong nhà xí có mùi thì hành lang cũng có mùi.

Tôi cũng chẳng nhớ là chúng tôi nói chuyện gì trong bếp nữa. Cô Schmitz ủi quần áo, cô trải một chiếc chăn len và khăn lạnh lên bàn và lấy từng thứ quần áo một từ trong giỏ, ủi, gấp rồi đặt lên một trong hai chiếc ghế. Tôi ngồi trên ghế kia. Cô cũng ủi cả đồ lót của mình, và tôi không muốn nhìn, song cũng chẳng ngó ra chỗ khác được. Cô mặc một chiếc yếm dài không tay, nền xanh với những đốm hoa đỏ nhỏ nhỏ in chìm. Mái tóc vàng tro dài ngang vai, cặp lại sau gáy. Cánh tay để trần trắng bệch. Cô nắm lấy bàn ủi, đẩy và đặt trở lại, sau đó gấp và cất quần áo bằng những động tác chậm rãi và tập trung như thể khi cúi xuống ngẩng lên. Trong ký ức của tôi, những khuôn mặt mà cô có sau này lấp lên khuôn mặt cô ngày ấy. Khi tôi làm tái hiện hình ảnh cô ngày xưa trước mắt mình thì cô hiện ra không có mặt. Tôi phải tái tạo khuôn mặt ấy. Trán cao, lưỡng quyền cao, mắt xanh xám, cặp môi nở đều đặn không vết nhăn, cằm cương nghị. Một khuôn mặt to, nghiêm và nữ tính. Tôi biết là tôi thấy khuôn mặt cô đẹp. Nhưng tôi không hình dung ra được vẻ đẹp ấy.

4. Chương 4

“Đợi một chút,” cô nói khi tôi đứng dậy định đi, “tôi cũng phải đi, tôi đi cùng cậu một đoạn.”

Tôi đợi ngoài hành lang trong khi chờ cô thay quần áo trong bếp. Cửa hé mở một vết. Cô cởi chiếc yếm dài ra và đứng đó trong chiếc áo lót dài xanh nhạt. Hai chiếc tất dài treo trên lưng ghế. Cô cầm một chiếc, hai tay thay nhau dồn nó lại thành vòng cuốn. Cô lấy thẳng bằng trên một chân, tì gót lên đầu gối chân ấy, cúi người xuống trước và chụp chiếc tất đã cuốn lên đầu ngón chân, kê đầu gối lên ghế, kéo tất qua bắp chân, đầu gối và đùi, nghiêng người qua một bên và đính nó vào dây nịt tất. Cô đứng thẳng dậy, nhấc chân khỏi ghế và lấy chiếc tất kia.

Tôi không thể rời mắt nhìn cô. Không thể rời mắt nhìn gáy và bờ vai cô, hai bầu vú mà áo lót chỉ trùm lên chứ không che được, cặp mông kéo căng chiếc áo lót dài khi cô tì chân lên đầu gối và lên ghế, không thể rời mắt nhìn đùi cô thoát tiên để trần nhể nhại và sau đó ánh mịn như tơ dưới lớp tất.

Cô linh cảm thấy tia mắt của tôi. Đang với tay lấy chiếc tất kia, cô khựng lại quay ra phía cửa và nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi không biết ánh mắt cô ra sao - ngạc nhiên, dò hỏi, nghiêm khắc. Tôi đỏ mặt. Trong một tích tắc, tôi đứng đó với khuôn mặt nóng bừng. rồi không chịu nổi nữa, tôi lao ra khỏi căn hộ, chạy ào xuống cầu thang ra khỏi nhà.

Tôi đi chậm bước. Phố Ga, phố Haeuserstrasse, phố Blumenstrasse – đường tới trường của tôi từ mấy năm nay. Tôi quen từng ngôi nhà, mỗi mảnh vườn và những hàng rào mỗi năm được quét sơn lại, gỗ đã xám xịt và ải đến mức tôi có thể lấy tay ấn gãy, những hàng rào sắt mà lúc bé tôi cầm gậy quẹt càn cạch khi chạy dọc qua, bức tường gạch mà đằng sau nó tôi vẫn tưởng tượng ra đủ chuyện kì diệu và khủng khiếp cho đến khi tôi trèo được lên đó và nhìn thấy những luống đất trồng hoa, đậu và rau củ buồn tẻ. Tôi quen những viên đá lát và lớp nhựa đường phủ lên, những đoạn nối giữa các tấm đúc, đá núi lửa lát hình sóng, nhựa đường và đá dăm trên vỉa hè.

Với tôi, tất cả đều thân thuộc. Khi tìm tôi thôi đập thành thịch và mặt không nóng nữa, cuộc chạm mặt giữa phòng bếp và hành lang cũng lùi xa tít. Tôi bực mình. Tôi đã bỏ chạy như thằng nhãi ranh thay vì xử sự một cách tự chủ như tôi mong đợi ở chính mình. Tôi không phải lên chín nữa, tôi đã mười lăm rồi. Dù rằng tôi cũng chẳng rõ xử sự một cách tự chủ nghĩa là thế nào nữa.

Một điều nữa mà tôi không hiểu chính là cuộc chạm mặt giữa hành lang và bếp. Tại sao tôi lại không rời nổi ánh mắt khỏi cô ta? Cô có một cơ thể rất mạnh mẽ và rất nữ tính, nở nang hơn những con bé mà tôi ưa thích và liếc theo. Tôi chắc chắn rằng giả sử nhìn thấy cô ngoài bể bơi thì tôi sẽ không thấy cô có gì nổi bật. Cô cũng không hờ hạng hơn so với đám đàn bà con gái mà tôi từng thấy ngoài bể bơi. Thêm vào đó, cô già hơn hẳn những cô gái mà tôi ước mơ. Trên ba mươi? Người ta khó đoán lứa tuổi mà người ta chưa từng trải qua hoặc sắp đến gần.

Nhiều năm sau đó tôi ngộ ra, rằng tôi chẳng rời được mắt khỏi cô không vì hình dáng, mà vì tư thế và cử động của cô. Tôi bảo các cô bạn gái xỏ chân vào tất nhưng không tiết lộ chủ ý, không kể về cuộc gặp gỡ kì quặc giữa phòng bếp và hành lang. Do vậy đề nghị của tôi được các cô gái hiểu là thú vui ngắm dây nịt tất, đăng ten và các thứ hiếm hoi lạ lùng khác, và nếu đồng ý thì họ đáp ứng đề nghị ấy một cách điệu đà. Đó chẳng phải là cái mà tôi không thể rời mắt nhìn được. Người phụ nữ ấy không tạo dáng, không làm điệu. Tôi cũng không nhớ là cô đã từng làm chuyện đó bao giờ. Tôi nhớ là cơ thể cô, dáng điệu và cử động của cô nhiều khi còn có vẻ nặng nề. Không phải cô nặng cân đến thế, mà dường như cô lui vào bên trong cơ thể mình, thả cơ thể trôi với chính nó, và nhịp điệu riêng của nó không bị chi phối bởi mệnh lệnh nào của lý trí, quên hết thế giới xung quanh. Sự quên lãng thế giới xung quanh ấy cũng nằm trong dáng điệu và cử động của cô khi xỏ tất. Song lúc đó cô không nặng nề, mà uyển chuyển, duyên dáng và khêu gợi – sự khêu gợi không phải là vú, mông và đùi, mà là lời mời hãy quên thế giới xung quanh khi đã lui vào nội tâm.

Ngày ấy tôi không hiểu ra – nếu coi là hôm nay tôi đã hiểu chứ không chỉ suy đoán cho khớp. Nhưng vì tôi dạo đó vất óc để tìm ra lý do nào đó đã kích thích mình mà nổi kích thích ấy đã tái hiện. Để giải câu đố ấy, tôi hồi tưởng lại lần chạm mặt và khoảng cách mà tôi tạo ra cho mình bằng cách tôi lấy chính nó làm câu đố nay đã tan biến. Tôi lại thấy tất cả hiển hiện và lại không thể rời mắt khỏi nó.

5. Chương 5

Một tuần sau, tôi lại đứng trước cửa phòng cô.

Cả tuần liền tôi cố không nghĩ đến cô. Nhưng chẳng có gì làm tôi thanh thản và quên lãng được cả; bác sĩ chưa cho phép tôi đến trường, đọc sách mấy tháng liền cũng phát ớn, còn các bạn thì cũng ghé qua nhưng tôi ốm đã quá lâu nên những chuyến thăm viếng ấy không kết nối được cuộc sống thường nhật của chúng tôi và ngày càng ngắn đi. Tôi cần phải đi dạo, mỗi ngày lâu hơn một chút nhưng không được cố gắng. Mặc dù chính tôi lại cần cố gắng.

Hồi còn bé hay mới lớn, những lúc ốm đau thật đáng nguyên rủa! Chỉ có những âm thanh rời rạc của thể giới bên ngoài và của những cuộc chơi đùa lúc rảnh rỗi trong sân trong vườn hoặc ngoài đường lọt tới phòng bệnh. Còn trong này thì ngổn ngang một thể giới của các câu chuyện và nhân vật mà người ốm đọc. Con sốt làm cùn nhận thức và mài sắc trí tưởng tượng, biến phòng bệnh thành một không gian mới, vừa thân quen vừa lạ lẫm. Ma quỷ trợn trừng trong họa tiết của tấm rèm và giấy dán tường, bàn ghế tủ giường chất lên thành hình núi non, hình nhà và tàu thủy, vừa trong tầm tay lại vừa xa vời vợi. Những hồi chuông từ tháp chuông nhà thờ, tiếng gầm gừ của ô tô chốc chốc đi qua và ánh đèn pha loang loáng quét lên tường và mái nhà là bạn đồng hành của người ốm trong những đêm dài dằng dặc. Đó là những giờ trần trọc nhưng không phải mất ngủ, những giờ phút lấp đầy chứ không phải khiếm khuyết. Khát vọng, hồi ức, sợ hãi và vui sướng đan thành những mê hồn trận để trong đó người bệnh lạc lối, phát hiện và lại lạc lối. Đó là những giờ phút mà mọi sự đều được phép xảy ra, tốt cũng như xấu.

Khi sức khỏe người bệnh khá lên thì tình trạng ấy cũng bớt đi. Nhưng nếu bệnh kéo dài đủ mức thì phòng bệnh sẽ chìm đắm trong các mê hồn trận mà người bệnh mất tâm trong đó, cả khi đang hồi phục và dứt cơn sốt.

Mỗi buổi sớm mai tôi thức dậy với cảm giác bứt rứt, lắm khi quần ngủ bị ẩm hay dính vết. Những hình ảnh hay cảnh tượng tôi nằm mơ đều không ổn. Mẹ và ông linh mục, người giảng bài cho tôi trong lớp kiên tín mà tôi rất kính trọng, cũng như bà chị lớn mà tôi khai hết các bí mật của trẻ con, họ sẽ không mắng tôi đâu, tôi biết chứ. Nhưng họ sẽ cảnh báo tôi một cách âu yếm và lo âu – còn tệ hơn mắng mỏ. Dĩ nhất là, nếu tôi không thụ động mơ thấy những hình ảnh và cảnh tượng ấy thì tôi chủ động tưởng tượng ra chúng.

Tôi không biết là đã lấy đâu ra can đảm để tới chỗ cô Schmitz. Giáo dục luân lý đã quay mũi giáo trở ngược lại chính mình? Khi ánh mắt thêm khát cũng tệ hại như làm thỏa mãn sự thèm khát ấy, khi chủ động tưởng tượng tệ hại như chính hành sự trong tưởng tượng – tại sao không làm thỏa mãn và hành sự? Ngày nối tiếp ngày, tôi nhận ra mình không rũ bỏ được các ý nghĩ tội lỗi. Vậy tôi muốn thi hành tội lỗi ấy.

Còn một suy tính nữa. Đi đến đó có thể nguy hiểm. Song thực ra thì mối nguy hiểm ấy không thể nào xảy ra. Có thể cô Schmitz sẽ ngạc nhiên đón chào tôi, nghe lời xin tạ lỗi cho hành vi kì quặc của tôi rồi thân mật chia tay. Không đến đó mới nguy hiểm; tôi sẽ chịu nguy cơ không thoát được ra khỏi những hình ảnh tưởng tượng của mình. Vậy là tôi hành xử đúng, nếu tôi đến đó. Cô ấy sẽ xử sự bình thường, tôi sẽ xử sự bình thường, và tất cả sẽ trở lại bình thường.

Ngày ấy tôi tự sắp xếp mọi lý lẽ sao cho khớp, tôi biến sự thèm khát của mình thành một tính toán đạo đức li kì và trấn áp lương tâm đang dằn vặt. Nhưng không vì vậy mà tôi có can đảm đến nhà cô Schmitz. Tự vẽ ra cảnh mẹ tôi, ông linh mục khả kính và bà chị lớn sau khi nghĩ kĩ sẽ không thể ngăn cản tôi, mà còn thúc tôi đến cô Schmitz – đó là một chuyện. Thực sự đi đến đó lại là chuyện khác hẳn. Tôi không biết tại sao mình đã làm việc ấy. Song hôm nay tôi nhận ra trong sự việc ngày đó một mẫu hình mà trong cuộc đời tôi, tư duy và hành động thống nhất hay không thống nhất đều tuân theo mẫu hình đó. Tôi suy nghĩ, đi đến một kết quả, biến kết quả đó thành một quyết định rồi nhận ra hành động là một chuyện riêng biệt, hành động có thể nhưng không bắt buộc tuân thủ quyết định. Đã nhiều lần trong đời, tôi làm gì đó mà tôi không quyết định làm, và không làm khi đã quyết định phải làm. Nó, bất kể nó là gì, hành động, nó đi đến người đàn bà mà tôi không muốn gặp nữa, nó nói với sếp một câu mà tôi sống hay chết sẽ phụ thuộc vào đó, nó tiếp tục hút thuốc mặc dù tôi quyết tâm bỏ thuốc, và bỏ thuốc sau khi nhận ra mình đã và sẽ hút thuốc tiếp. Tôi không định nói là suy nghĩ và quyết định không ảnh hưởng đến hành động. Nhưng hành

động không đơn giản hoàn tất những cái gì trước đó đã được suy nghĩ và quyết định. Hành động có nguồn cội riêng, và hành động của tôi mang tính độc lập, giống như tư duy của tôi là tư duy của tôi và quyết định của tôi là quyết định của tôi.

6. Chương 6

Cô không có nhà. Cửa vào nhà khép hờ, tôi trèo lên cầu thang, nhấn chuông và đợi. Tôi nhấn chuông lần nữa. Tôi nhòm qua ô kính trên cửa ra vào, thấy các cánh cửa bên trong đều mở và nhận ra tấm gương trong hành lang, tủ quần áo và đồng hồ. Tôi nghe tiếng đồng hồ kêu tích tắc.

Tôi ngồi xuống bậc thang và đợi. Tôi không nhẹ người như tâm trạng một người hạ quyết tâm với cảm giác nôn nao và sợ đón hậu quả, nay thì vui mừng đã thực thi quyết tâm đó mà không phải gánh chịu hậu quả. Tôi cũng không thất vọng. Tôi quyết tâm gặp cô và đợi đến khi cô về.

Đồng hồ hành lang cứ mười lăm phút lại giống chuông một lần. Tôi có theo dõi tiếng tích tắc khe khẽ và đếm được chín trăm giây giữa hai hồi chuông, nhưng cứ liên tục bị lẫn. Tiếng cửa của thợ mộc rít lên dưới sân, trong nhà có tiếng nhạc hoặc người vắng ra từ một căn hộ, có tiếng cửa đóng mở. Rồi tôi nghe có tiếng chân ai đó đều đặn, chậm rãi và nặng nề lên thang gác. Tôi hy vọng người đó sống ở tầng ba. Nếu chẳng may người ấy thấy tôi – liệu tôi phải giải thích là đang làm gì ở đây? Nhưng bước chân không dừng ở tầng ba, bước lên tiếp. Tôi đứng dậy.

Đó là cô Schmitz. Một tay cô xách thùng than cốc, tay kia xách thùng than ép thối. Cô mặc bộ đồng phục, áo khoác và váy, và tôi nhận ra cô là người soát vé tàu điện. Cô không thấy tôi, cho đến khi lên đến bậc trên cùng. Ánh mắt cô không bức tức, không ngạc nhiên, không giấu cột – không chút gì như tôi từng lo ngại. Trông cô mệt mỏi. Lúc cô đặt than xuống và lục tìm chìa khóa trong túi áo khoác, xu rơi loảng xoảng xuống đất. Tôi nhặt lên đưa cho cô

“Dưới tầng hầm còn hai thùng nữa. Cậu xúc đầy rồi lấy lên được không? Cửa mở đây.”

Tôi chạy xuống cầu thang. Cửa xuống tầng hầm vẫn mở, đèn dưới hầm đang bật, cuối chân cầu thang dài dẫn xuống hầm tôi thấy một ngăn bằng ván ghép có cánh cửa đóng hờ và ổ khóa còng của móc trên then cửa để ngỏ. Căn hầm rộng rãi, than cốc chất đầy tới bầu cửa sổ sát trần, nơi đổ than từ ngoài đường vào hầm. Cạnh cửa là than thối xếp ngăn nắp và một bên, bên kia là các thùng đựng than cốc.

Tôi không biết đã làm gì sai. Ở nhà tôi cũng lấy than dưới hầm lên và chẳng bao giờ gặp vấn đề gì. Tuy nhiên than cốc ở nhà tôi không chất cao như thế. Lấy đầy thùng thứ nhất thì ổn. lúc tôi nắm lấy quai thùng thứ hai và định nhặt than cốc từ dưới đất vào thì núi than chuyển động. Từ trên cao, những cục than nhảy công cốc xuống đất, sâu phía dưới có gì trơn trượt, tận dưới nền là than lẫn và chảy. Một đám mây bụi đen tung lên. Tôi giật mình đứng trân ra, bị trúng mấy hòn than rơi vào và chẳng mấy chốc chân ngập đến mắt cá trong than cốc.

Khi hòn núi hết lở, tôi ra khỏi đống than cốc, chất đầy cái thùng thứ hai, kiếm được cái chổi và quét những hòn than lẫn ra ngoài lối đi vào lại ngăn hầm, khóa cửa và xách hai thùng lên gác.

Cô Schmitz đã trút bỏ áo khoác, nới lỏng cà vạt, mở khuy cổ và ngồi bên bàn với cốc sữa. Cô nhìn tôi, thoát tiên khẽ cười hích hích trong cổ, sau thì cười phá lên. Cô chỉ ngón tay vào tôi và đập tay kia lên bàn. “Trông kìa, cậu bé, trông kìa!” Lúc đó tôi cũng thấy khuôn mặt đen nhẻm của mình trong gương và cười theo.

“Cậu không thể dễ dãi về nhà được đâu. Tôi xả nước vào bồn tắm cho cậu rồi đập bụi khỏi quần áo của cậu.” Cô đi ra bồn tắm. Nước xối vào bồn ngút hơi. “Cởi quần áo cho cẩn thận nhé, tôi không muốn có bụi đen trong bếp đâu.”

Tôi ngập ngừng, cởi áo len và sơ mi rồi ngập ngừng tiếp. Nước dâng lên nhanh, bồn đã gần đầy.

“Cậu không định đi giày và mặc quần áo vào bồn tắm đấy chứ? Tôi không nhìn đâu, cậu bé ạ.” Nhưng lúc tôi tắt vòi nước và cởi quần lót thì cô thản nhiên ngắm nhìn. Tôi đỏ mặt, trèo vào bồn và ngụp xuống nước. Lúc tôi ngoi lên thì cô đang ở ngoài bao lơn với quần áo của tôi. Tôi nghe cô đập đôi giày vào nhau rồi giữ bụi khỏi áo len và sơ mi. Cô nói gì đó về bụi than và mùn cửa xuống phía dưới, có tiếng người nói vọng lên và cô cười. Quay vào bếp, cô đặt quần áo của tôi lên ghế. Cô chỉ thoáng nhìn tôi. “Lấy dầu gội đầu mà gội đi. Tôi đem khăn bông đến ngay.” Cô lấy gì đó trong tủ quần áo rồi ra khỏi bếp.

Tôi tắm rửa. Nước trong bồn bắn, và tôi xả thêm nước mới để tráng cho sạch đầu và mặt. Sau đó tôi nằm nghe tiếng lò đun kêu lục đục, cảm thấy trên da mặt không khí lạnh lọt vào qua khe cửa bếp mở hé và nước ấm quanh người. Tôi thấy dễ chịu, một sự dễ chịu kích thích, và dương vật tôi cương lên.

Tôi không nghe tiếng cô vào bếp, mà mãi đến khi cô đứng trước bồn mới ngẩng lên. Hai tay cô đang rộng chiếc khăn lớn. “Ra đây!” Tôi xoay lưng lại phía cô khi nhổm dậy và leo ra khỏi bồn. Cô trùm khăn lên người tôi từ phía sau, từ đầu đến chân, cọ khô người tôi. Sau đó cô thả khăn rơi xuống đất. Tôi không dám động dậy. Cô tiến sát lại đến mức tôi cảm thấy vú cô chạm vào lưng và bụng cô chạm hông tôi. Cô cũng trần truồng. Cô vòng tay ôm, một tay để lên ngực tôi, tay kia đặt lên dương vật tôi cương cứng.

“Cậu đến đây vì thế chứ gì!”

“Cháu...” Tôi không biết phải nói gì. Không vâng, nhưng cũng chẳng chối. Tôi xoay người lại. Tôi không nhìn thấy cô nhiều vì chúng tôi đứng sát nhau quá. Nhưng tôi bị thân thể lõa lồ của cô làm choáng ngợp. “Cô đẹp quá!”

“Chao ôi, cậu bé nói gì vậy.” Cô cười và vòng tay ôm cổ tôi. Tôi cũng ôm cô.

Tôi sợ - sợ đụng chạm, sợ hôn, sợ không hài lòng và không đáp ứng được ý cô. Nhưng sau khi chúng tôi ôm nhau một hồi lâu, tôi ngửi mùi cô, cảm thấy hơi ấm và sức mạnh của cô thì mọi chuyện trở nên hiển nhiên. Tìm tòi trên cơ thể của cô bằng tay và miệng, hai miệng gặp nhau, rồi rút cuộc, cô trên người tôi, mất đối mắt, đến khi tôi lên khoái cực và nhắm nghiền mắt, mới đầu cổ tự chủ và sau đó thì kêu to đến mức cô lấy tay bịt lên miệng tôi chặn đứng tiếng kêu.

7. Chương 7

Đêm hôm sau thì tôi yêu cô say mê. Tôi ngủ không sâu, ước ao gặp cô, mơ đến cô, tưởng như chạm vào cô, cho đến khi nhận ra là tôi đang ôm gối hay chăn. Miệng tôi đau vì hôn. Dương vật tôi luôn cương lên, nhưng tôi không muốn tự làm thỏa mãn. Tôi sẽ không bao giờ tự làm thỏa mãn nữa, tôi muốn cùng cô.

Tôi yêu cô say mê, phải chăng đó là cái giá phải trả cho việc cô ngủ với tôi? Cho đến giờ, sau một đêm với phụ nữ, tôi có cảm giác là mình đã được chiều chuộng và nay phải đền đáp lại – đền đáp cho người phụ nữ ấy, bằng cách là dù sao tôi cũng cố tìm cách yêu cô ta, và đền đáp cho thể giới mà tôi dám đương đầu.

Một trong số ít kỷ ức sinh động từ hồi trẻ con là một buổi sớm mùa đông, lúc tôi lên bốn tuổi. Phòng ngủ của tôi hồi ấy không được sưởi, thường rất lạnh lúc đêm đến hay sáng sớm. Tôi nhớ đến phòng bếp ấm áp và cái bếp lò nóng, một cái lò gang nặng nề, trong đó nhìn thấy lửa nếu lấy cái móc kéo tấm dày và vòng kiềng ở chỗ nấu ra, và có cả một bồn luôn trữ nước nóng sẵn sàng. Mẹ tôi đẩy chiếc ghế tôi đang đứng trên đó ra trước bếp lò, tắm rửa và mặc quần áo cho tôi. Tôi nhớ lại cảm giác khoan khoái của hơi ấm, sự sung sướng được tắm rửa và mặc quần áo trong hơi ấm đó. Tôi vẫn còn nhớ là mỗi khi hồi tưởng lại cảnh ấy tôi vẫn tự hỏi tại sao mẹ chiều tôi như thế. Vì tôi có bệnh? Vì các anh chị đã được thứ gì mà tôi không được? Liệu trong ngày sẽ xảy ra điều bất trắc và khó khăn mà tôi phải vượt qua?

Cũng vì người đàn bà không có danh tính trong tâm tưởng của tôi lúc chiều đã chiều chuộng tôi đến mức ấy mà hôm sau tôi đi học trở lại. Thêm vào đó, tôi muốn thể hiện tính cách đàn ông mà tôi mới có được. Không phải là tôi muốn khoe khoang gì, song tôi cảm thấy trống kiện và hiên ngang, tôi muốn ra trước mặt các bạn và giáo viên với sức mạnh và sự hiên ngang đó. Ngoài ra, tuy không nói chuyện ấy với cô nhưng tôi

nghỉ là công việc soát vé của cô thường kéo dài đến tối hoặc đến đêm. Làm sao tôi có thể gặp cô hằng ngày nếu tôi phải ở nhà và chỉ đi dạo đường sức?

Lúc tôi từ chỗ cô về đến nhà, bố mẹ và các anh chị tôi đang ăn tối. “Sao con về muộn thế? Mẹ lo cho con đấy.” Giọng bố tôi nghe bức bối hơn là lo lắng.

Tôi nói là bị lạc đường khi định đi qua nghĩa trang liệt sĩ sang trại sữa dưỡng bệnh, lang thang mãi ở đâu đó và cuối cùng đến tận Nussloch. “Con không có tiền và phải đi bộ từ Nussloch về đây.”

“Đáng lẽ con có thể vậy xe đi nhờ.” Em gái tôi thỉnh thoảng vậy xe đi nhờ, bố mẹ tôi không ưa chuyện đó.

Anh tôi khịt khịt mũi đầy khinh miệt. “Trại sữa dưỡng bệnh và Nussloch nằm hoàn toàn ngược hướng nhau.

Chị tôi nhìn tôi dò xét.

“Ngày mai con sẽ đi học trở lại nhé?”

“Thế thì nhớ học cho tử tế môn Địa. Nhớ là có hướng Bắc và hướng Nam, còn mặt trời thì mọc ở...”

Mẹ tôi ngắt lời anh. “Bác sĩ bảo còn ba tuần nữa.”

“Nếu nó đi được qua nghĩa trang liệt sĩ đến Nussloch rồi từ đó quay trở về thì cũng đến trường được. Nó không thiếu sức khỏe, chỉ thiếu trí khôn thôi.” Lúc còn bé, anh tôi và tôi toàn đánh lộn, sau này chỉ khẩu chiến. Hơn tôi ba tuổi nên anh tôi trội hơn ở cả hai lĩnh vực. Đến lúc nào đó tôi thôi trả miếng và mặc xác tính hiếu chiến của anh. Từ đó trở đi anh chỉ còn hậm hực gây sự.

“Bố nghĩ sao?” mẹ tôi quay sang hỏi bố. Ông đặt dao đĩa xuống đĩa, dựa vào lưng ghế và chấp tay trong lòng. Ông im lặng và trầm tư như mỗi khi nghe mẹ tôi nói chuyện về con cái hay nhà cửa. Và mỗi lần đó tôi tự hỏi, liệu ông có suy nghĩ thật sự về câu hỏi của mẹ hay đang nghĩ công việc riêng. Có thể ông cũng nghĩ ngợi về câu hỏi của mẹ, song một khi đã tập trung suy nghĩ là ông không thể nghĩ đến gì khác ngoài công việc của mình. Ông là giáo sư Triết, và cuộc đời ông là tư duy. Tư duy và đọc và viết và giảng dạy.

Thỉnh thoảng tôi có cảm giác là chúng tôi, gia đình của ông, đối với ông chỉ như thú nuôi trong nhà. Như con cún để dắt đi dạo, chú mèo để cùng chơi hay gừ gừ nằm co trong lòng và được vuốt ve – có thể người ta thích, thậm chí cần thiết về phương diện nào đó, nhưng đi mua đồ ăn cho chúng, rửa khay cát đựng cứt mèo và đưa đến thú y thì quá phiền nhiễu. Vì cuộc sống là một cái gì khác cơ. Thực ra tôi chỉ muốn rằng chúng tôi, gia đình của ông, chính là cuộc đời ông. Lắm khi tôi cũng không ưa ông anh trai hay gây sự và cô em gái nhỏ láo toét của tôi, nhưng tới đến đột nhiên tôi lại yêu tất cả một cách khủng khiếp. Đưa em gái bé bỏng của tôi. Làm đưa nhỏ nhất trong số bốn anh chị em chắc không hề đơn giản, không hẳn là một chút thì không tự vệ được. Còn ông anh của tôi. Chúng tôi vốn ở chung phòng, đối với anh ấy thì chắc khó chịu hơn là đối với tôi, thêm vào đó, từ khi tôi ốm anh phải nhường cả phòng cho tôi và ra ngủ ngoài ghế sofa, làm sao tránh được gây sự cơ chứ? Còn bố tôi? Tại sao chúng tôi phải là cuộc đời của ông cơ chứ? Chúng tôi đã lớn, sắp phương trưởng và ra khỏi nhà cơ mà.

Tôi thấy cứ như cả nhà ngồi với nhau lần cuối bên bàn dưới chùm đèn bằng đồng thau có năm nhánh và năm ngọn đèn, cứ như là ăn với nhau lần cuối từ những cái đĩa cổ với đường vân xanh viền mép, cứ như là nói với nhau lần cuối một cách thân ái. Tôi cảm giác như khi chia tay. Tôi còn đó nhưng đã đi rồi. Tôi nhớ mẹ, nhớ bố và các anh chị em, và ước ao ở gần người phụ nữ nọ.

Bố nhìn qua phía tôi. “Mai con sẽ đi học trở lại – con vừa nói thế đúng không?”

“Vâng ạ.” Té ra là ông cũng nhận ra rằng tôi hỏi ông chứ không hỏi mẹ, và cũng không nói là tôi tự hỏi có nên đi học trở lại hay không.

Ông gật đầu. “Mọi người hãy để con đến trường. Nếu thấy quá sức thì con lại ở nhà.”

Tôi mừng. Đồng thời tôi cảm thấy sự chia tay đã diễn ra.

8. Chương 8

Những hôm sau đó cô làm ca sáng. Mười hai giờ trưa cô về đến nhà, và ngày nào tôi cũng trốn học tiết cuối để ngồi đợi cô trên bậc cầu thang trước căn hộ của cô. Chúng tôi tắm và làm tình, trước một rười tôi hấp tấp mặc quần áo rồi chạy vù đi. Hai giờ là bữa ăn trưa. Chủ nhật ăn trưa sớm vào mười hai giờ, nhưng ca sáng của cô cũng bắt đầu và kết thúc sớm hơn.

Thật ra thì tôi muốn bỏ tắm. Cô sạch sẽ kinh khủng, sáng sớm đã tắm rồi, và tôi ưa mùi nước hoa, mùi mồ hôi mới và mùi tàu điện mà cô đem theo từ nơi làm việc về. Song tôi cũng thích cơ thể cô ướt nước, xát xà phòng; tôi thích để cô xát xà phòng cho mình và thích xát xà phòng cho cô, và cô dạy tôi đừng ngại ngần làm việc đó, mà phải làm kỹ lưỡng một cách tự nhiên và chiếm hữu. Cả khi làm tình cô cũng chiếm hữu tôi một cách hiển nhiên. Miệng cô chiếm lấy miệng tôi, lưỡi cô đùa với lưỡi tôi, cô bảo tôi chạm vào cô ở đâu và như thế nào, và khi cô cưỡi lên tôi cho đến khoái cực thì tôi chỉ tồn tại để cô vui thú với tôi và thông qua tôi. Không phải là cô không âu yếm và không làm tôi sướng. Nhưng cô làm việc đó để vui chơi thỏa mãn cho chính mình, cho đến khi tôi cũng học được cách chiếm hữu cô.

Đó là chuyện về sau. Tôi không bao giờ học được cho thấu đáo. Một thời gian dài tôi cũng không lấy đó làm thiếu. Tôi còn trẻ, và tôi nhanh xong, và sau đó trong khi dần dần hồi sức tôi thích để cô chiếm hữu tôi. Tôi ngắm nhìn cô khi cô ở trên tôi, ngắm bụng cô có một vết gấp sâu trên rốn, ngắm vú bên phải cô to hơn bên trái một chút xíu, khuôn ngực cô với miệng đang mở. Cô chống hai tay lên ngực tôi và hất tung tay lên trong khoảnh khắc cuối, ôm đầu và hất ra tiếng kêu nắc nhen không ra hơi, lần đầu khiến tôi phát sợ, về sau lại hau háu chờ.

Sau đó chúng tôi mệt nhoài. Thường thì cô ngủ thiếp đi trên tôi. Tôi nghe tiếng cửa trong sân, tiếng hò hét của những người thợ bên máy cửa át cả tiếng máy. Khi máy cửa tắt đi thì tiếng xe cộ yếu ớt từ phố Ga lọt vào phòng bếp. Nghe tiếng trẻ con hò hét và chơi đùa, tôi biết là tan trường và đã quá một giờ. Ông hàng xóm về qua nhà buổi trưa tung thức ăn cho chim ra bao lơn, những con bồ câu bay đến và gù.

“Tên em là gì?” Tôi hỏi cô vào ngày thứ sáu hay thứ bảy gì đó. Cô nằm thiếp đi trên tôi và vừa tỉnh dậy. Cho đến lúc ấy tôi tránh gọi cô, tránh dùng cách xưng hô khách sáo hay thân mật.

Cô bật dậy. “Gì cơ?”

“Tên em ấy mà!”

“Tại sao cậu muốn biết?” Cô nhìn tôi vẻ nghi ngờ.

“Em và anh... Anh biết họ của em, nhưng mà không biết tên em là gì. Anh muốn biết tên gọi của em. Có gì sai đâu mà...”

Cô cười. “Không sao, cậu bé ạ, không có gì sai cả. Em tên là Hanna.” Cô cười tiếp, không ngừng lại được, làm lây sang cả tôi.

“Em vừa nhìn rất lạ!”

“Em còn nửa thức, nửa ngủ. Anh tên gì?”

Tôi cứ tưởng là cô biết rồi. Hồi đó bọn tôi không cho sách vở vào túi mà cặp dưới nách, thế mới là sành điệu. Khi tôi đặt sách lên bàn nhà cô thì tên tôi có trên vở, cả trên các cuốn sách mà tôi bọc bằng giấy cứng và dán nhãn ghi đầu đề sách và tên tôi. Nhưng cô không để ý.

“Anh tên là Micheal Berg.”

“Micheal, Micheal, Micheal.” Cô thử đọc tên tôi. “Cậu bé của tôi tên là Micheal, là sinh viên...”

“Học sinh.”

“... là học sinh, và, mấy nhĩ, mười bảy tuổi?”

Tôi tự hào về hai năm tuổi dư mà cô gán cho tôi, và gật đầu.

“... mười bảy tuổi, và lớn lên muốn nổi danh là một...” cô ngập ngừng.

“Anh không biết sẽ định làm gì.”

“Nhưng anh học chăm chỉ.”

“Không hẳn.” Tôi nói với cô rằng đối với tôi, cô còn quan trọng hơn là học hành và nhà trường. Rằng tôi muốn đến với cô nhiều hơn nữa. “Đằng nào anh chả bị lưu ban.”

“Lưu ban lớp nào?” Cô ngồi dậy. Đây là cuộc trò chuyện tử tế đầu tiên giữa hai chúng tôi.

“Lưu ban lớp 10. Anh nghỉ học qua nhiều trong mấy tháng bị bệnh vừa rồi. Nếu định qua được lớp này thì anh phải làm việc như một thằng điên mới được. Giờ này đáng lẽ anh phải ở trường mới đúng.” Tôi kể cho cô nghe chuyện tôi trốn học.

“Cút.” Cô lật chăn ra. “Cút khỏi giường tôi. Và đừng bao giờ quay lại nếu chưa làm xong việc của mình. Công việc của anh là điên à? Điên? Thế anh tưởng bán vé và bấm lỗ vé là gì?” Cô đứng dậy, đứng khóa thân trong bếp và làm động tác của người soát vé. Tay trái cô mở cuốn sổ con với những tập vé, dùng ngón tay trái có bọc một đầu chụp bằng cao su đẩy ra hai tấm vé, hất tay phải để tóm lấy cán chiếc kim bấm lỗ đeo lưng lẳng ở cổ tay và bấm hai nhát. “Hai vé đi Rohrbach.” Cô thả rơi chiếc kim, chìa tay ra, cầm lấy tờ tiền giấy, mở túi đựng tiền đeo trước bụng ra, cho tiền vào, đóng túi tiền lại và ấn xu lẻ ra từ hộp đựng xu gắn bên ngoài túi. “Còn ai chưa có vé không?” Cô nhìn tôi. “Điên? Anh không biết thế nào là điên đâu.”

Tôi ngồi ở mép giường. Như bị mê muội. “Xin lỗi. Anh sẽ làm công việc của mình. Anh không biết có làm nổi không, sáu tuần nữa là xong năm học. Anh sẽ cố xem sao. Nhưng anh sẽ không làm nổi nếu không được phép gặp em nữa. Anh...” Tôi vừa định nói “Anh yêu em”. Nhưng tôi lại không muốn nói. Có thể cô có lý. Nhất định cô có lý. Nhưng cô không có quyền đòi hỏi tôi phải học nhiều hơn và việc chúng tôi gặp nhau bị phụ thuộc vào đó. “Anh không thể không gặp em.”

Đồng hồ trong hành lang gõ một rưỡi. “Anh phải đi đi.” Cô ngáp ngừng. “Từ mai em làm ca chính. Năm rưỡi, sau đó em về nhà và anh có thể đến. Nếu trước đó anh đã xong việc.”

Chúng tôi đứng đối diện nhau, trần trụi, nhưng vẻ lạnh nhạt của cô đối với tôi thì có mặc đồng phục chẳng nữa cũng không thể tệ hơn. Tôi không hiểu được tình thế. Cô làm như vậy vì tôi? Hay vì chính mình? Nếu công việc của tôi là điên thì công việc của cô mới lại càng điên – điều đó đã xúc phạm cô? Nhưng tôi hoàn toàn không nói là việc của tôi hay của cô điên. Hay cô không muốn có người tình là một kẻ vô dụng? Nhưng liệu tôi có phải là người tình của cô? Tôi là gì của cô? Tôi mặc quần áo, chùng chình và hy vọng cô sẽ nói điều gì. Song cô không nói gì cả. Lúc tôi đã mặc xong thì cô vẫn khóa thân đứng đó, và khi tôi ôm cô từ biệt thì cô không phản ứng gì.

9. Chương 9

Tại sao hồi ức về ngày ấy lại làm tôi buồn phiền đến thế? Phải chăng vì khát khao về niềm hạnh phúc đã qua – và đúng là tôi đã hạnh phúc trong hai tuần kế tiếp, hai tuần mà tôi làm việc như một thằng điên và được lên lớp và chúng tôi yêu nhau như không còn gì đáng đếm xỉa trong thế giới bên ngoài nữa. Phải chăng vì nhận biết cái gì sẽ xảy ra sau đó, và biết rằng sau đó chỉ biểu hiện những gì vốn đã tồn tại?

Tại sao? Tại sao khi nhìn lại quá khứ thì những gì đẹp đẽ của chúng ta lại rạn nứt bởi sự xấu xa tiềm ẩn trong đó? Tại sao hồi ức về những năm tháng hôn nhân nhuộm cay đắng khi lộ ra rằng người kia chừng ấy năm có một người tình? Vì người ta không thể hạnh phúc trong tình cảnh đó được? Song người ta đã hạnh phúc cơ mà? Có lúc hồi ức không trung thành với hạnh phúc, nếu kết cục diễn ra đau đớn. Vì hạnh phúc chỉ đúng thật nếu nó vĩnh viễn tồn tại? Vì chỉ cái gì đã từng đau đớn, cho dù không ý thức và không nhận ra, mới kết thúc đau đớn? Nhưng thế nào là nỗi đau không ý thức và không nhận ra?

Tôi nhớ lại ngày xưa và nhìn lại mình trước đây. Tôi mặc cho đến khi rách những bộ com lê lịch sự do một ông bác giàu có để lại, cùng với mấy đôi giày hai màu, đen và trắng, đen và nâu, da trơn và da lộn. Tay và chân tôi quá dài, không hợp với những bộ com lê mà mẹ tôi cho đem ra dùng, nhưng hợp với những cử động

của tôi. Kính của tôi có gọng rẻ tiền của quỹ bảo hiểm y tế, tóc tôi là một mớ bờm xồm dù tôi có làm gì đi chăng nữa. Ở trường, tôi không giỏi cũng không dốt. Tôi tin là giáo viên và tất cả những đứa học sinh có máu mặt trong lớp chẳng biết đến mặt tôi. Tôi không ưa diện mạo, cách ăn mặc và cử động của mình, không ưa những gì mình làm ra và vị thế của mình. Nhưng bao nhiêu năng lượng có trong tôi, bao nhiêu tin tưởng rằng sẽ có một ngày trở nên đẹp trai và khôn ngoan, vượt trội và được khâm phục, bao nhiêu mong đợi khi gặp những người mới và hoàn cảnh mới.

Phải chăng điều đó làm tôi buồn? Có phải đó là sự nỗ lực đón nhận và niềm tin tràn trề trong tôi ngày ấy về lời hứa từ phía cuộc sống, một lời hứa mà cuộc sống không và mãi mãi không bao giờ đáp ứng? Thỉnh thoảng tôi thấy sự nỗ lực và niềm tin giống như thể trên khuôn mặt của trẻ con và lũ mới lớn, và tôi nhìn nó với một nỗi buồn, hết như khi tôi nghĩ lại về chính mình. Có phải nỗi buồn ấy chỉ đơn thuần là nỗi buồn? Có phải đó là nỗi buồn đến với chúng ta khi những hồi ức đẹp dễ bị rạn nứt trong cái nhìn về quá khứ, vì hạnh phúc trong hồi ức không chỉ sinh ra từ một tình cảnh, mà còn từ một lời hứa không được đáp ứng?

Cô ta – có lẽ tôi nên nhắc đến cô với cái tên Hanna như tôi hồi bắt đầu gọi cô là Hanna – dĩ nhiên cô ta không sống bằng một lời hứa mà sống trong tình cảnh, và chỉ trong tình cảnh mà thôi.

Tôi hỏi cô về quá khứ của cô, và câu trả lời của cô tựa như phải lục lọi từ trong một cái rương bụi bặm ra. Cô lớn lên ở Siebenbuergen, mười bảy tuổi tới Berlin, làm công nhân cho Siemens và vào quân đội ở tuổi hăm mốt. Sau chiến tranh cô kiếm sống bằng đủ mọi nghề. Trong nghề soát vé tàu điện mà cô làm từ nhiều năm nay thì cô thích bộ đồng phục và sự chuyển động, khung cảnh thay đổi và bánh xe lăn dưới chân. Chứ còn cô không ưa cái nghề ấy. Cô không có gia đình. Cô đã ba sáu tuổi. Tất cả chuyện ấy cô kể như không phải chuyện của mình mà là của người khác, người mà cô không quen và cũng chẳng có dây mơ rễ má gì. Điều gì mà tôi muốn biết rõ hơn thì cô cũng chẳng nhớ nữa, và cô cũng không hiểu tại sao tôi quan tâm đến bố mẹ cô ra sao, cô có anh chị em gì không, cô sống ở Berlin thế nào và làm gì trong quân đội. “Cái gì cũng muốn biết thế hả cậu bé!”

Chuyện tương lai cũng vậy. Cố nhiên tôi không có kế hoạch gì về hôn thú và gia đình. Song tôi quan tâm đến quan hệ của Julien Sorel với bà Renal nhiều hơn là với Mathilde de la Mole. Tôi thích thấy Felix Krull rớt cuộc ngã vào vòng tay bà mẹ thay vì yêu con gái bà. Chị tôi học Đức ngữ, trong bữa ăn hay nói về cuộc tranh cãi liệu quý ông von Goethe có quan hệ yêu đương với bà von Stein, và cả nhà ngạc nhiên khi tôi nhất quyết bảo vệ ý kiến đó. Tôi tưởng tượng quan hệ của chúng tôi sau năm hay mười năm nữa sẽ đi đến đâu. Tôi hỏi Hanna mừng tượng chuyện ấy ra sao. Cô thậm chí không muốn nghĩ xa đến quá lễ Phục Sinh, vào dịp tôi sẽ được nghỉ học và cùng cô làm một chuyến đi xe đạp. Chúng tôi có thể cùng lấy một phòng như mẹ con và ở với nhau suốt đêm. Cũng lạ là ý tưởng ấy không làm tôi ngần ngại. Nếu giả sử đi du lịch với mẹ thì tôi sẽ cố lấy phòng riêng bằng được. Ở tuổi tôi mà còn được mẹ đưa đến bác sĩ hay đi mua áo choàng mới hoặc đón từ chuyến du lịch trở về thì có vẻ không thích hợp lắm. Khi cùng mẹ ra đường và gặp mặt các bạn cùng trường, tôi chỉ sợ bị gọi là thằng bám vé mẹ. Nhưng đi cùng Hanna, dù cho cô có trẻ hơn mẹ tôi mười tuổi song vẫn có thể coi là mẹ tôi, tôi chẳng thấy hề hấn gì. Mà còn thấy tự hào nữa.

Hôm nay nếu nhìn thấy một phụ nữ năm sáu tuổi thì tôi cho là trẻ. Nhưng nếu gặp một thằng mười lăm tuổi thì tôi thấy nó là con nít. Tôi ngạc nhiên thấy Hanna đã đem lại cho tôi biết bao tự tin. Thành tích học tập của tôi làm các giáo viên chú ý và tôi tin là được họ tôn trọng. Những cô gái mà tôi tiếp xúc nhận ra và thích thú khi thấy tôi không ngại họ. Tôi thấy thoải mái với con người mình.

Hồi ức làm sáng tỏ và khắc ghi những lần đầu tiên gặp gỡ Hanna đã trộn lẫn những tuần lễ đầu tiên giữa lần chuyện trò thứ nhất của chúng tôi và giai đoạn cuối năm học. Một lí do là sự đều đặn của những lần gặp nhau và diễn biến của chúng. Một lí do khác nữa là trước đó tôi chưa bao giờ có được những ngày yên tĩnh, cuộc sống của tôi chưa bao giờ khảnh trương và tập trung như vậy. Khi nhớ lại công việc của tôi vào những tuần ấy, có cảm giác là tôi ngồi vào bàn học và ở lại đó cho đến khi tất cả những bài học bị bỏ lỡ trong thời gian mắc bệnh được truy bù, học hết từ vựng, các chứng minh toán học, các hợp chất hóa học. Trên giường bệnh tôi đã đọc về nền Cộng hòa Weimar và Đế chế thứ ba. Những lần chúng tôi gặp nhau trong hồi ức đối với tôi cứ như một cuộc hội ngộ duy nhất kéo dài. Sau cuộc chuyện trò ấy chúng tôi toàn gặp nhau vào buổi chiều – từ ba giờ đến bốn rưỡi vì cô làm ca muộn, ngoài ra thì vào lúc năm rưỡi. Bấy giờ là giờ ăn tối, mới đầu Hanna hay giục tôi về nhà đúng giờ. Ít lâu sau tôi không chỉ ở lại đó có một tiếng rưỡi nữa, mà bắt đầu bịa ra lý do để bỏ bữa tối.

Lý do là đọc truyện. Một ngày sau cuộc nói chuyện, Hanna muốn biết là tôi học gì ở trường. Tôi kể về trường ca Homer, cái bài diễn thuyết của Cicero, truyện Hemingway về ông già và cuộc vật lộn với con cá và biển cả. Cô muốn nghe âm hưởng tiếng Hy Lạp và Latinh ra sao, và tôi đọc cho cô nghe Odyssey và lời buộc tội Catilina.

“Anh cũng học cả tiếng Đức?”

“Em hỏi thế nghĩa là gì?”

“Anh chỉ học ngoại ngữ hay còn học thứ gì trong tiếng mẹ đẻ nữa?”

“Ở lớp phải đọc luận văn.” Trong lúc tôi bị bệnh, ở lớp đã đọc Emilia Galotti, âm mưu và tình yêu, và sắp tới sẽ viết bài về chủ đề đó. Nghĩa là tôi phải đọc cả hai vở kịch, và làm tôi làm việc đó lúc mọi bài vở đã xong xuôi. Lúc ấy đã tối, tôi mệt, và đọc gì thì sáng hôm sau quên hết, phải đọc lại lần nữa.

“Đọc cho em nghe đi!”

“Em tự đọc lấy đi, anh đem sách lại đây cho em.”

“Anh có giọng rất hay, cậu bé a, em thích nghe anh đọc hơn là tự mình đọc.”

Cô nói nghiêm chỉnh. Tôi phải đọc cho cô nghe Emilia Galotti nửa tiếng, trước khi cô cho tôi đi tắm rồi lên giường. Bây giờ thì tôi lại thích đi tắm. Sự ham muốn mà tôi mang theo đã nguội lạnh trong khi đọc truyện. Muốn đọc ra sao để ít nhiều phân biệt được tư cách nhân vật, đòi hỏi phải tập trung tinh thần một chút. Sự ham muốn quay trở lại dưới vòi nước tắm. Đọc truyện, tắm, làm tình rồi nằm rón lại cạnh nhau đã trở thành nghi thức của những lần chúng tôi gặp nhau.

Cô là một thính giả chăm chú. Cách cô cười, khịt mũi khinh bỉ, thốt ra những lời cảm phần hay đồng tình rõ ràng cho thấy rằng cô hồi hợp theo dõi, coi Emilia và Luise là bọn ngu xuẩn. Những lúc cô sốt ruột bảo tôi đọc tiếp chứng tỏ cô hy vọng rằng sự ngu dại đó rồi sẽ phải chấm dứt. “Chuyện không thể tin được!” Nhiều lúc tôi tự thúc mình đọc tiếp. Khi ngày đã dài hơn, tôi đọc lâu hơn để cùng nằm cạnh cô trên giường lúc trời đã nhập nhoạng. Khi cô ngủ thiếp đi trên tôi, máy cửa im tiếng, con chim hót và các đồ vật trong bếp chỉ còn mang màu xám ở các độ đậm nhạt, đó là lúc tôi tràn đầy hạnh phúc.

10. Chương 10

Hôm đầu tiên của kì nghỉ Phục sinh, tôi thức dậy lúc bốn giờ. Hanna làm ca sáng. Bốn giờ mười lăm cô đạp xe đến bãi đỗ tàu điện, đúng bốn rưỡi tàu đi Schwezingen. Nghe cô kể là chuyến đó tàu thường vắng. Chuyến quay trở lại thì đông.

Tôi lên xe ở bến thứ hai. Toa sau không có người. Hanna đứng cạnh lái tàu ở toa trước. Tôi ngập ngừng không biết nên ngồi toa trước hay toa sau, rồi quyết định lên toa sau. Hứa hẹn một không khí riêng tư, một vòng ôm, một nụ hôn. Nhưng Hanna không đến. Nhất định cô nhìn thấy tôi đợi ở bến và lên tàu. Tàu dừng lại vì thế. Song Hanna ở lại bên ông lái tàu, nói chuyện và cười đùa. Tôi nhìn thấy hết.

Tàu bỏ hết bến này đến bến kia. Không có người nào đứng đợi. Đường phố không một bóng người. Mặt trời chưa lên, mọi vật nhợt nhạt trong ánh sáng nhợt nhạt – nhà cửa, ô tô đỗ, lá cây mới mọc xanh và hoa nở trong các bụi cây, téc chứa gas và núi non phía xa xa. Tàu điện chạy chậm chậm, chắc vì lịch trình gắn liền với giờ đi và giờ vào bến nên phải kéo dài giờ đi sau khi đã bỏ bến. Đầu tiên tôi ngồi ghế, sau đó tôi đứng ra sàn phía trước toa và chăm chú nhìn Hanna. Cô phải cảm thấy ánh mắt của tôi sau lưng chứ. Một lát sau cô quay lại, thỉnh thoảng nhìn tôi. Rồi lại nói chuyện tiếp với lái tàu. Tàu vẫn đi tiếp. Qua khỏi Eppellheim đường ray không ở trên mặt đường mà chạy ven đường trên nền đá rải trên đê. Tàu đi nhanh hơn, tiếng xập xình đều đặn như tàu hỏa. Tôi biết là tàu chạy qua nhiều khu dân cư rồi mới đến Schwetzingen. Nhưng tôi thấy mình bị hất hủi, bị bỏ rơi, bị tống ra khỏi thế giới thường nhật nơi mọi người sinh sống, làm việc và yêu nhau. Tựa như bị kết án phải đi vô hướng và vô tận trên một toa tàu trống rỗng.

Rồi tôi thấy một bến dừng, một nhà đợi nho nhỏ giữa đồng. Tôi kéo dây chuông mà soát vé vẫn dừng để báo cho lái tàu đỗ lại hay đi tiếp. Tàu dừng lại. Cả Hanna lẫn lái tàu lúc nghe chuông đều không ngoảnh lại nhìn tôi. Trong lúc lái tàu, tôi cảm thấy họ vừa nhìn theo tôi vừa cười, nhưng tôi không chắc chắn. Tàu chuyển bánh, tôi ngóng theo cho đến khi nó xuống một đoạn dốc rồi biến mất sau một quả đồi. Tôi đứng giữa đê và đường, xung quanh là cánh đồng, cây ăn quả, đằng xa là khu vườn với những nhà kính. Không khí mát lạnh tràn tiếng chim hót. Bầu trời trắng ửng hồng phía trên núi.

Chuyến đi trên tàu điện như một cơn ác mộng. Nếu không nhớ rõ những gì sau đó xảy ra thì có lẽ tôi cố cho đó là một cơn ác mộng thật sự. Đứng ở bến đợi, nghe chim hót và ngắm mặt trời lên giống như tỉnh giấc. Nhưng tỉnh dậy sau một cơn ác mộng không nhất thiết làm ta nhẹ người. Nó còn cho ta cảm nhận rõ hơn những gì khủng khiếp đã mơ thấy, thậm chí chỉ ra sự thật khủng khiếp nào ta đã chứng kiến trong mơ. Tôi lên đường về nhà, nước mắt tuôn trào, đến tận Eppelheim tôi mới thôi khóc.

Tôi đi bộ về nhà. Vài lần toan vẫy xe đi nhờ nhưng không được. Đi được nửa đường thì tàu điện vượt tôi. Tàu đầy người. Tôi không thấy Hanna.

Tôi đợi cô trên bậc thang trước phòng, buồn bã, sợ hãi và căm tức.

“Anh lại trốn học à?”

“Anh được nghỉ. Chuyện gì sáng nay vậy?”

Cô mở khóa, tôi theo chân cô vào nhà đi vào bếp.

“Có chuyện gì sáng nay cơ chứ?”

“Tại sao em làm ra bộ như không quen anh? Anh định...”

“Em ra bộ không quen anh?” Cô quay lại và lạnh nhạt nhìn tôi. “Chính anh không muốn quen em. Anh lên toa sau mặc dù đã thấy em ở toa trước.”

“Có lý do gì để ngày đầu kì nghỉ anh lại lên tàu lúc bốn rưỡi đi Schwetzingen? Chỉ vì anh định làm em bất ngờ chứ sao, vì anh tưởng là em vui mừng. Anh lên toa sau...”

“Tôi nghiệp cậu bé. Bốn rưỡi đã dậy, lại còn trong kỳ nghỉ nữa chứ.” Tôi chưa thấy cô nói mĩa bao giờ. Cô lắc đầu. “Làm sao em biết được anh đi Schwetzingen làm gì. Làm sao em biết lý do anh không muốn quen em. Chuyện của anh, không phải của em. Anh có định đi khỏi đây không?”

Tôi tức không tả nổi. “Hanna, thế thì không công bằng. Em đã biết, em biết là anh đi cùng chỉ vì em. Vậy thì làm sao em có thể tin rằng anh không muốn quen em? Nếu không muốn tỏ ra quen em thì anh đã không đi cùng.”

“Trời ạ, để cho em yên, em đã nói rằng anh làm gì là chuyện của anh, không phải chuyện của em.” Cô đứng bên kia chiếc bàn bếp chắn giữa hai người, ánh mắt, giọng nói và điệu bộ của cô coi tôi là kẻ quấy quả và bảo tôi hãy đi khỏi đây.

Tôi ngồi xuống sofa. Cô đã đối xử không tốt với tôi, và tôi chỉ muốn được cô giải thích. Nhưng tôi không lại gần cô được. Thay vào đó, cô tấn công tôi. Và tôi bắt đầu thấy yếu thế. Có lẽ cô có lý, về khách quan thì không, nhưng chủ quan? Liệu cô có thể hoặc bắt buộc phải hiểu nhầm tôi? Liệu tôi có xúc phạm cô mà tôi không chú ý hoặc đi ngược với chủ ý, nói cho cùng là vẫn xúc phạm?

“Xin lỗi, Hanna, mọi chuyện đều sai cả. Anh không định làm em phiền lòng, nhưng hình như...”

“Hình như? Anh định nói là hình như anh đã làm em phiền lòng? Không, anh không thể làm em phiền lòng. Bây giờ anh có đi khỏi đây không thì bảo? Em đã làm việc, em muốn tắm, em muốn nghỉ ngơi.” Cô nhìn tôi thôi thúc. Thấy tôi không đứng dậy, cô nhún vai quay đi, xả nước vào bồn và cởi quần áo.

Giờ thì tôi đứng dậy và đi. Tôi nghĩ là tôi sẽ bỏ đi hẳn. Nhưng nửa tiếng sau tôi lại đứng trước cửa phòng. Cô để tôi vào, và tôi nhận hết về mình. Tôi đã hành động không suy nghĩ, không để ý đến ai, không tình cảm. Tôi nhận ra là cô không phiền lòng. Tôi nhận ra là tôi không thể làm cô phiền lòng, song cô cũng không thể cho phép tôi cư xử như thế. Cuối cùng thì tôi sung sướng thấy cô thú nhận là tôi đã xúc phạm cô. Nghĩa là cô không phải lạnh lùng và vô cảm như cô đã tỏ vẻ như vậy.

“Em tha lỗi cho anh?”

Cô gật đầu.

“Em có yêu anh không?”

Cô lại gật đầu. “Bồn tắm đầy nước đấy. Lại đây, em tắm cho anh.”

Về sau tôi tự hỏi, có phải cô xả nước vào bồn vì cô biết là tôi sẽ quay lại. Có phải cô cởi quần áo là vì biết tôi không quên hình ảnh đó và nó sẽ kéo tôi quay lại? Có phải cô muốn giành phần thắng trong trò chơi độ sức? Sau khi chúng tôi làm tình và nằm bên nhau, và tôi kể cho cô tại sao tôi leo lên toa sau chứ không lên toa trước thì cô trêu tôi. “Trên tàu điện mà anh muốn làm chuyện ấy với em à? Cậu bé ơi là cậu bé!” Có vẻ như lý do để chúng tôi cãi cọ chẳng có ý nghĩa gì.

Nhưng hậu quả thì có ý nghĩa. Tôi không chỉ thua lần cãi nhau này. Tôi đã đầu hàng sau một cuộc chiến ngắn ngủi khi cô dọa sẽ xua đuổi tôi, không thêm dính dáng đến tôi. Trong những tuần tiếp sau thậm chí tôi cũng chẳng có lấy một cuộc chiến ngắn. Cô cứ dọa là tôi đầu hàng vô điều kiện. Tôi nhận những lỗi lầm mà tôi không phạm phải, những chủ ý mà tôi không ấp ủ. Khi cô tỏ ra lạnh lùng và cứng rắn, tôi xin cô hãy tử tế với tôi, hãy tha thứ, hãy yêu tôi. Có lúc tôi cảm thấy rằng cô cũng đau khổ khi lạnh lùng và cố chấp. Tựa như cô mong tìm hơi ấm của lời tạ tội, hứa hẹn và thể thốt. Có lúc tôi nghĩ đơn giản cô đã thống trị được tôi. Nhưng dù thế nào chăng nữa, tôi không có sự lựa chọn nào khác.

11. Chương 11

Sau ngày đầu tiên của kỳ nghỉ Phục sinh không phải là Hanna và tôi không hạnh phúc nữa. Chưa bao giờ chúng tôi hạnh phúc hơn những tuần thắng Tư ấy. Cho dù trận cãi cọ đầu tiên ấy hay nói chung việc chúng tôi cãi nhau có đảo lộn đến đâu – chúng tôi tận hưởng tất cả những gì đã khơi mở nghi lễ đọc truyện, tắm, làm tình và nằm bên nhau. Thêm vào đó, lời trách móc rằng tôi giả bộ không quen biết cô đã làm lộ ra chỗ đứng của cô. Khi tôi muốn cùng cô ra trước mắt mọi người, cô hoàn toàn không thể trách cứ gì cả. “Vậy có nghĩa là em không muốn người ta thấy em đi cùng anh sao” – đó là câu nói mà cô không muốn bị nghe tôi nói. Tuần tiếp sau lễ Phục sinh, chúng tôi muốn đạp xe bốn ngày đi xa, qua Wimpfen, Amorbach và Miltenberg.

Tôi không nhớ đã nói gì với bố mẹ. Đi xe đạp với cậu bạn Matthias? Với một nhóm bạn? Đến thăm một người bạn cũ? Ất hẳn là mẹ tôi lo lắng, như vẫn hay lo lắng, và bố tôi, như từ xưa đến nay, bảo mẹ không việc gì mà lo lắng cả. Chẳng phải tôi vừa được lên lớp, một việc mà chẳng ai tin tôi làm nổi hay sao?

Hồi bị ốm tôi không tiêu đến tiền riêng. Nhưng nếu muốn trả tiền cho cả Hanna thì sẽ không đủ. Do đó tôi đem bộ tem sưu tầm của mình ra mời bán cho cửa hàng tem bên cạnh nhà thờ. Đó là cửa hàng duy nhất có biển báo mua lại các bộ sưu tập. Người bán hàng xem kỹ các sổ tem của tôi và trả tôi 60 Mark. Tôi chỉ cho ông ta xem báu vật của tôi, một con tem Ai Cập chữ nhật không răng cưa in hình Kim tự tháp có giá 400 Mark trong danh mục. Ông ta nhún vai. Nếu cậu quý bộ sưu tập đến thế thì có lẽ nên giữ lại thì hơn. Mà cậu có được phép bán không nhỉ? Bố mẹ cậu nói sao? Tôi có mặc cả. Nếu con tem Kim tự tháp không quý lắm thì đơn giản tôi sẽ giữ nó lại. Vậy thì ông ta chỉ trả tôi có 30 Mark thôi. Nghĩa là con tem quý thật đấy chứ. Rốt cuộc tôi được 70 Mark. Tôi nghĩ là mình bị lừa, nhưng chuyện đó không đáng bận tâm.

Không chỉ mình tôi hồi hộp trước khi khởi hành. Điều làm tôi ngạc nhiên là Hanna mấy ngày trước khi đi cũng chộn rộn. Cô suy đi tính lại phải đem gì theo, mở ra gói vào cái túi đeo hàng và ba lô mà tôi mua cho cô. Lúc tôi định chỉ cho cô quen trên bản đồ tuyến hành trình mà tôi vạch ra thì cô không muốn nghe và nhìn gì cả. “Bây giờ em hồi hộp quá. Anh đã làm thì ổn rồi, cậu bé ạ.”

Ngày thứ Hai Phục sinh chúng tôi lên đường. Mặt trời sáng rực, sáng cả bốn ngày liền. Sáng sớm trời se lạnh, ban ngày ấm lên, không quá ấm để đạp xe nhưng đủ ấm để đi picnic. Những cách rừng như thảm xanh với các chấm, vệt và mặt bằng xanh vàng, xanh chai, xanh lơ và xanh lục.

Những cây ăn quả đầu tiên đã nở hoa ở đồng bằng sông Rhein. Trong rừng Odenwald những bông hoa đầu tiên của cây đầu xuân vừa bung ra.

Chúng tôi hay đạp xe cạnh nhau, chỉ cho nhau xem những gì chúng tôi thấy: thành trì, người câu cá, tàu thủy trên sông, lều trại, một gia đình nối đuôi nhau đi trên bờ sông, chiếc xe Mỹ mui trần to tướng. Lúc nào đi sang hướng khác hay theo đường khác, tôi phải đi trước; cô không muốn quan tâm đến hướng đi hay đường đi. Còn thì lúc cô đi sau tôi, lúc tôi đi sau nếu đường nhiều xe quá. Cô đi một chiếc xe đạp có lưới che nan hoa và chắn xích đĩa, mặc chiếc áo dài xanh, nửa dưới rộng tung bay trong gió. Mất một hồi lâu tôi mới hết lo áo dài quần vào nan hoa hay đĩa xích làm cô bị ngã. Sau đó tôi thích ngắm cô đi trước.

Tôi thích chờ đến đêm. Tôi đã tưởng tượng ra cảnh chúng tôi làm tình, ngủ thiếp đi, thức dậy, lại làm tình, lại ngủ, rồi lại thức dậy v.v. đêm nào cũng thế. Nhưng chỉ có đêm đầu là tôi tỉnh dậy một lần. Cô nằm xây lưng lại phía tôi, tôi cúi xuống hôn cô, cô nằm ngửa ra, kéo tôi vào lòng rồi ôm tôi trong vòng tay. “Cậu bé, cậu bé của em.” Rồi tôi ngủ thiếp đi trên người cô. Các đêm khác chúng tôi ngủ một mạch, một mối vì đạp xe, vì nắng và gió. Chúng tôi làm tình vào sáng sớm.

Hanna không chỉ để tôi tự chọn hướng đi và đường đi. Tôi chọn nhà trọ để ngủ qua đêm, ghi tên vào giấy đăng ký, trong thực đơn tôi không chỉ chọn món ăn cho mình mà chọn cho cả cô nữa. “Em thích thế mà, em thích không phải bận tâm chuyện gì.”

Lần chúng tôi cãi nhau duy nhất là ở Amorbach. Tôi dậy sớm, rón rén mặc quần áo và lẩn ra khỏi phòng. Tôi định bưng bữa sáng lên phòng và cũng tìm xem có thấy một cửa hàng hoa nào đã mở để kiếm cho Hanna một bông hồng. Tôi đặt một mảnh giấy lên bàn ngủ. “Chào em! Anh đi lấy quà sáng, về ngay” hay đại loại như vậy. Khi tôi quay về, cô đứng trong phòng, quần áo mặc dở, run lên vì giận dữ và mặt trắng bệch.

“Tại sao anh có thể tự nhiên bỏ đi như vậy?”

Tôi đặt khay đồ ăn sáng và bông hồng xuống, định ôm cô. “Hanna...”

“Đừng chạm vào tôi.” Cô cầm thắt lưng da hẹp bản vẫn thắt quanh áo dài, lùi lại một bước và quất vào mặt tôi. Mối tôi đập ra và tôi thấy vị máu. Tôi không thấy đau. Tôi hoảng sợ kinh khủng. Cô lại vung tay lấy đà.

Nhưng cô không đánh nữa. Cô thả xuôi tay, buông rơi thắt lưng và òa khóc. Tôi chưa thấy cô khóc bao giờ. Khuôn mặt cô biến dạng méo mó. Mắt trợn, mồm há, mí mắt sưng mọng vì những giọt nước mắt đầu tiên, trên má và cổ nổi những đám đỏ. Từ miệng cô thốt ra những âm thanh khô khè trong cổ, giống như những tiếng kêu không ra tiếng khi chúng tôi làm tình. Cô đứng đó, nhìn tôi qua hàng nước mắt.

Đúng ra là tôi định dang tay ra ôm cô, nhưng không làm được. Tôi không biết tại sao. Ở nhà tôi không ai khóc như vậy. Không ai đánh, không đánh bằng tay, bằng roi da lại càng không. Chỉ nói thôi. Song, tôi có gì để nói?

Cô tiến hai bước đến tôi, ập vào ngực tôi, nắm tay nắm tôi, bám chặt lấy tôi. Bây giờ tôi có thể giữ chặt cô. Vai cô giật giật, cô đập trán vào ngực tôi. Rồi cô thở dài thật sâu và rúc vào vòng tay tôi.

“Mình ăn sáng nhé?” Cô rời tôi ra. “Lạy Chúa tôi, trông anh kìa, cậu bé!” Cô lấy khăn ướt lau mồm và cầm tôi. “Áo cũng đầy máu kìa.” Cô cởi áo tôi ra, và chúng tôi làm tình.

“Có chuyện gì vậy? Tại sao em lại giận dữ như vậy?” Chúng tôi nằm cạnh nhau. Mãn nguyện và hài lòng, khiến tôi nghĩ rằng bây giờ sẽ sáng tỏ được mọi việc.

“Chuyện gì vậy, chuyện gì vậy – anh cứ hay hỏi dốt nát vậy. Anh không thể tự nhiên bỏ đi như vậy.”

“Nhưng anh đã để lại cho em mảnh giấy...”

“Mảnh giấy?”

Tôi ngồi dậy. Trên bàn ngủ, nơi tôi đặt mảnh giấy, bây giờ không thấy nó đâu. Tôi đứng lên tìm bên cạnh và dưới bàn, dưới gầm và trên giường. Không thấy. “Anh không hiểu. Anh có viết cho em một mảnh giấy là anh đi lấy đồ ăn sáng và trở lại ngay.”

“Thế à? Em không thấy mảnh giấy nào.”

“Em không tin anh?”

“Em muốn tin anh. Nhưng em không thấy mảnh giấy nào cả.”

Chúng tôi thôi cãi nhau. Có cơn gió lùa, cuốn mảnh giấy đi đâu mất tăm? Phải chăng là sự hiểu lầm, cơn giận dữ của cô, môi tôi bầm dập, khuôn mặt sưng lên của cô, nỗi bất lực của tôi?

Đáng lẽ tôi nên tìm tiếp mảnh giấy, tìm tiếp nguyên nhân cho cơn thịnh nộ của Hanna, cho nỗi bất lực của mình? “Đọc chút gì đi, cậu bé!” Cô áp chặt vào tôi, tôi lấy cuốn *Đồ vô dụng* của Richendorff và đọc tiếp từ đoạn dừng lần trước. *Đồ vô dụng* dễ đọc hơn Emilia Galotti và âm mưu và tình yêu. Hanna lại theo dõi một cách hồi hộp đồng cảm. Cô thích những đoạn thơ xen vào. Cô thích những chuyện hóa trang, lầm lẫn, rối rắm, bám đuổi mà người hùng bị cuốn vào ở Ý. Đồng thời cô khó chịu việc hán là *đồ vô dụng*, không làm được trò trống gì. Cô suy tính và hàng tiếng đồng hồ sau khi tôi đã thôi đọc vẫn hỏi tiếp. “Nghề thu thuế - cũng là một nghề hay đấy chứ?”

Kể về vụ chúng tôi cãi cọ đã quá chi tiết, giờ thì tôi phải kể về chúng tôi đã hạnh phúc ra sao. Trận cãi nhau làm quan hệ của chúng tôi càng thâm thiết hơn lên. Tôi đã thấy cô khóc, một Hanna cũng biết khóc gần gũi với tôi hơn là Hanna luôn mạnh mẽ. Cô bắt đầu hé mở vẻ dịu dàng mà tôi chưa từng biết. Cho đến khi môi tôi lành hẳn, cô luôn ngắm nhìn và âu yếm sờ vào.

Chúng tôi làm tình khác đi. Lâu nay tôi để cho cô hoàn toàn chủ động và chiếm hữu. Sau đó tôi cũng học được cách chiếm hữu cô. Trong chuyện đi và từ sau đó, chúng tôi không chỉ còn biết chiếm hữu nhau.

Ngày ấy tôi có viết một bài thơ. Về thi ca thì nó chẳng có giá trị gì. Hồi đó tôi mê mẩn Rilke và Benn, và tôi nhận thấy mình đồng thời muốn bắt chước cả hai. Nhưng tôi cũng lại nhận ra là ngày đó chúng tôi gần nhau đến mức nào. Bài thơ ấy đây:

Khi mình tự mở ra

Em cho anh và anh cho em

Khi mình chìm đắm

Em vào anh và anh vào em

Khi mình mê muội

Em trong anh và anh trong em

Thì anh là anh

Và em là em

12. Chương 12

Trong khi không nhớ đã nói dối bố mẹ ra sao trước chuyến đi với Hanna thì tôi lại nhớ được cái giá mà tôi phải trả để được ở nhà một mình trong tuần lễ cuối cùng của kì nghỉ. Tôi đã quên là bố mẹ và hai anh chị của tôi đi đâu. Vấn đề là đứa em gái của tôi. Nó đáng lẽ phải đến ở nhà một đứa bạn gái. Nhưng nếu tôi ở nhà thì nó cũng muốn ở nhà. Bố mẹ tôi không thích thế, vậy là tôi cũng phải đến ở nhà một người bạn.

Nhìn lại, tôi thấy bố mẹ tôi cũng đáng phục khi sẵn sàng để tôi, một thằng bé 15 tuổi, ở nhà một mình cả tuần. Có phải là bố mẹ tôi nhận ra tính tự lập đã phát triển trong tôi từ khi tôi gặp Hanna? Hay đơn giản là thấy tôi dù ốm mấy tháng vẫn được lên lớp, từ đó suy ra là tôi có ý thức trách nhiệm hơn và đáng tin cậy hơn so với trước? Tôi cũng không nhớ ngày ấy có bị truy hỏi đã ở đâu trong những giờ mà tôi ở chỗ Hanna. Chắc là bố mẹ tôi tin rằng sau khi khỏi bệnh tôi thích đi chơi nhiều và học cùng với các bạn. Thêm vào đó, không thể nào chăm chút từng đứa trong bảy bốn đứa trẻ con, mà chỉ tập trung vào đứa nào đang có vấn đề đặc biệt. Tôi đã gây vấn đề đủ rồi; bố mẹ tôi nhẹ cả người khi tôi đã khỏe và được lên lớp.

Lúc tôi hỏi em gái xem nó muốn gì để đi đến chỗ bạn gái trong lúc tôi ở nhà, nó đòi một cái quần bò – ngày ấy chúng tôi gọi là quần bò xanh hay quần đinh – và một cái nicki, đó là một loại áo bằng nhung the. Tôi hiểu. Quần bò thời bấy giờ là một thứ đặc biệt và sành điệu, lại còn hứa hẹn giải phóng khỏi bộ đồ dẹt vân xương cá và áo dài in hoa to. Giống như tôi phải mặc đồ thừa của ông bác, em gái tôi phải mặc quần áo của chị. Nhưng tôi không có tiền.

“Thế thì đi ăn cắp!” Cô em gái tỏ vẻ bất cần.

Thật đơn giản đến kinh ngạc. Tôi mặc thử mấy cái quần bò, đem cả một cái đúng cỡ của nó vào phòng thay quần áo, mặc vào dưới chiếc quần rộng và đem ra khỏi cửa hàng. Áo nicki tôi ăn trộm ở cửa hàng Kaufhof. Hôm trước tôi lang thang với em gái từ quầy này đến quầy khác trong ngăn đồ mốt, cho đến khi tìm thấy đúng quầy và đúng cái nicki mong muốn. Hôm sau tôi đi nhanh và dứt khoát qua ngăn hàng đó, cầm lấy cái áo giấu xuống dưới áo vét và biến luôn ra ngoài. Hôm sau nữa tôi lấy trộm cho Hanna một chiếc váy ngủ bằng lụa, bị tay thám tử nhìn thấy, tôi chạy bán sống bán chết và thoát trong gang tấc. Mấy năm liền tôi không đặt chân vào Kaufhof nữa.

Từ những đêm nằm cạnh nhau trong chuyến đi, đêm nào tôi cũng khát khao được cảm thấy cô bên cạnh, rúc vào sườn cô, áp bụng vào hông và tay đặt lên vú cô, khi tỉnh dậy quờ tay tìm và thấy cô, áp mặt vào vai cô. Một tuần ở nhà một mình là bảy đêm với Hanna.

Một buổi tối, tôi mời cô đến nhà và nấu cho cô ăn. Cô đứng trong bếp khi tôi vừa nấu ăn xong. Cô đứng trong khung cửa mở giữa phòng ăn và phòng tiếp khách lúc tôi bày đồ ăn lên bàn. Cô ngồi vào chỗ bố tôi mọi khi bên chiếc bàn tròn. Cô ngắm quanh.

Ánh mắt cô chiếu đến mọi thứ, những đồ gỗ kiểu Beidermeier, cây đàn piano cánh, đồng hồ đứng, giá sách, chén đĩa và dao đĩa trên bàn. Tôi để cô một mình để đi làm món tráng miệng, lúc quay lại không thấy cô bên bàn. Cô đi từ phòng nọ qua phòng kia và dừng chân trong phòng làm việc của bố tôi. Tôi khẽ tựa lưng vào khung cửa và ngắm cô. Cô đưa mắt dọc các giá sách đứng kín tường, tựa như đang đọc chúng. Rồi cô đến bên một giá sách, chậm chậm quệt ngón tay trở dọc theo các gáy sách ở tầm cao ngang ngực, đi sang giá sách bên cạnh và quệt tiếp ngón tay qua từng gáy sách một, rồi đo bước chân dọc phòng. Đến cửa sổ thì cô dừng chân, nhìn vào bóng tối, nhìn ánh phản chiếu từ các giá sách và bóng của mình.

Đó là một trong những hình ảnh về Hanna còn đọng lại trong tôi. Tôi lưu giữ những hình ảnh đó, có thể chiếu chúng lên một màn ảnh nội tâm để qua sát mà không sợ chúng thay đổi hay cũ mòn. Thỉnh thoảng tôi lâu lâu nghĩ đến cô. Nhưng cô luôn luôn hiện ra trong tâm tưởng, và khi ấy tôi phải chiếu hình cô lên màn hình nội tâm mấy lần liền và ngắm nhìn. Một hình là Hanna xỏ tất ở trong bếp. Một hình khác là Hanna đứng ở bồn tắm và dang tay nâng chiếc khăn bông. Hình khác nữa là Hanna đi xe đạp, vấy tung bay trong gió, rồi đến hình ảnh Hanna đứng trong phòng làm việc của bố tôi. Cô mặc chiếc áo dài sọc xanh trắng, hồi đó còn gọi là áo váy. Trong chiếc áo dài ấy nom cô trẻ trung. Cô quệt ngón tay dọc theo các gáy sách và nhìn vào cửa sổ. Rồi cô quay sang phía tôi, đủ nhanh để vấy sọc lên chân trước khi phẳng phiu rủ xuống. Ánh mắt cô mệt mỏi.

“Sách này bố anh chỉ đọc hay viết ra?”

Tôi biết một quyển về Kant và một quyển về Hegel do bố tôi viết, tìm thấy cả hai và đưa cô xem.

“Đọc cho em nghe một chút trong đó được không hả cậu bé?”

“Anh..” Tôi không muốn đọc, nhưng cũng không muốn từ chối cô. Tôi lấy cuốn sách về Kant của bố và đọc cho cô nghe về phân tích và biện chứng mà cả tôi lẫn cô đều mù tịt như nhau. “Thế đã đủ chưa?”

Cô nhìn tôi, tựa như hiểu tất cả, hoặc không quan trọng là chỗ nào hiểu và chỗ nào không. “Một ngày nào đó, anh sẽ viết những cuốn sách như thế chứ?”

Tôi lắc đầu.

“Anh sẽ viết sách khác?”

“Anh không biết.”

“Anh sẽ viết kịch?”

“Hanna, anh không biết.”

Cô gật đầu. Sau khi ăn tráng miệng, chúng tôi đi đến nhà cô. Tôi muốn ngủ với cô trong giường mình, nhưng cô không muốn. Ở nhà tôi, cô thấy mình như kẻ đột nhập. Chuyện ấy cô không nói ra lời, nhưng nói qua cách cô đứng trong bếp hay trong khung cửa mở, đi từ phòng nọ sang phòng kia, đo bước chân trong phòng bố tôi và ngồi bên tôi trong bữa ăn.

Tôi tặng cô chiếc váy lụa màu cà tím với hai dây đeo mỏng để lộ vai và cánh tay, dài đến tận mắt cá. Chiếc áo lấp lánh. Hanna sung sướng, cười tươi tắn. Cô nhìn dọc theo người, quay mình, nhảy nhót vài bước, ngấm mình trong gương, ngấm hình mình trong đó một chút rồi nhảy tiếp. Đó cũng là một hình ảnh của Hanna lưu lại trong tôi.

13. Chương 13

Tôi luôn coi ngày bắt đầu năm học mới như một bước ngoặt. Chuyển từ lớp mười lên lớp mười một là một sự thay đổi sâu sắc. Lớp tôi bị giải tán và chia vào ba lớp song song. Khá nhiều học sinh không vượt qua được kỳ thi lên lớp mười một, do đó bốn lớp nhỏ bị dồn thành ba lớp lớn.

Trường trung học của tôi lâu nay chỉ nhận học sinh nam. Khi có cả học sinh nữ thì ban đầu có ít đến mức họ không thể chia đều được vào các lớp song song, mà tất cả vào một lớp, sau này cũng vào hai và ba lớp, cho đến khi số học sinh nữ chiếm một phần ba sĩ số từng lớp. Cùng tuổi tôi không có nhiều học sinh nữ nên ở lớp cũ không có ai được phân vào. Lớp tôi là lớp thứ tư cùng bậc, toàn con trai, do vậy bị giải tán và chia ra chứ không phải một lớp khác.

Mãi tới đầu niên khóa chúng tôi mới hay tin. Ông hiệu trưởng gọi chúng tôi vào một phòng học, thông báo chúng tôi đã bị chia ra chia theo kiểu nào. Cùng với sáu bạn khác, tôi đi dọc hành lang trống trải tới phòng học mới. Chúng tôi nhận các chỗ ghế còn thừa, tôi ngồi ở dãy thứ hai. Đó là các ghế đơn, nhưng trong ba hàng dọc cứ hai ghế kê thành một hàng. Tôi ngồi hàng giữa, bên trái là Rudolf Bergen, một đứa cùng lớp cũ, to béo, trầm tính và đáng tin cậy, chơi cờ và khúc côn cầu. Ở lớp cũ tôi hầu như không chơi với nó, nhưng chúng tôi rất nhanh chóng thân nhau. Bên phải tôi, cách lối đi là các bạn gái.

Ngồi sát tôi là Sophie. Tóc nâu, mắt nâu, da rám nắng hè, lông măng vàng óng trên cánh tay để trần. Khi tôi ngồi xuống và quay nhìn xung quanh, cô cười với tôi.

Tôi cười đáp. Tôi thấy dễ chịu, vui vẻ với sự bắt đầu mới mẻ với các nữ sinh. Tôi đã quan sát các bạn trai cùng trường hồi lớp mười: bất kể có con gái trong lớp hay không, bọn họ đều ngại con gái, tránh mặt chúng, làm bộ làm tịch trước mặt hoặc si mê bọn con gái. Tôi đã biết đàn bà nên có đủ tư thế để bình thản hoặc thân mật. Bọn con gái thích thế. Tôi sẽ quan hệ bình thường với bọn nó và qua đó được bọn con trai chấp nhận.

Ai cũng thế ư? Hồi còn trẻ, hoặc là tôi cảm thấy quá tự tin hoặc là quá thiếu tự tin. Hoặc là tôi thấy mình hoàn toàn bất tài, xấu trai và hèn mọn, hay là tôi cho rằng nhìn chung thì tôi thành đạt và tôi làm gì cũng phải trôi chảy. Khi cảm thấy tự tin thì tôi chinh phục được những khó khăn lớn nhất. Nhưng chỉ một thất bại nhỏ nhất là đủ thuyết phục tôi tin vào sự hèn mọn của mình. Thành công không bao giờ giúp tôi lấy lại được tự tin; so với những gì mà tôi mong đợi khả năng của mình hay so với lời khen ngợi của mọi người thì thành công nhỏ nhoi một cách thảm hại. Để tôi cảm nhận được sự thảm hại đó hay tự hào về thành công, điều đó còn phụ thuộc vào tâm trạng của tôi. Hằng tuần liền bên cạnh Hanna, tâm trạng của tôi ổn – mặc cho những chuyện xích mích, mặc cho cô luôn xua đuổi tôi và tôi luôn nuốt nhục. Nhìn như vậy thì mùa hè ở lớp cũng mới bắt đầu tốt đẹp.

Tôi còn thấy rõ phòng học trước mắt: phía trước bên phải là cánh cửa, trên tường bên phải có tấm ván với những mắc áo, bên trái là dãy cửa sổ nối tiếp nhau để tầm mắt nhìn tới núi Heiligenberg, và giờ nghỉ đứng bên cửa sổ chúng tôi nhìn được xuống đường, thấy con sông và đồng cỏ phía bên kia bờ. Đằng trước là bảng, giá treo bản đồ và tranh ảnh, bàn giáo viên và ghế kê trên bục. Tường quét sơn dầu màu vàng cao

đến đầu, trên đó sơn trắng, hai ngọn đèn hình cầu trắng đục treo từ trần xuống. Căn phòng không có gì thừa, không có tranh ảnh, không có cây lá, không có ghế nào thừa, không có tủ đựng sách vở bị bỏ quên hay phần màu. Ngược mắt lên, ánh mắt sẽ phóng qua cửa sổ hoặc vụng trộm đưa sang người ngồi cạnh. Khi nhận ra tôi ngắm cô, Sophie quay sang cười với tôi.

“Berg, Sophia là một cái tên Hy Lạp, nhưng không có nghĩa là trong giờ học tiếng Hy Lạp, em cứ nghiên cứu cô bé ngồi bên cạnh đâu. Em dịch đi!”

Chúng tôi đang dịch Odyssey. Tôi đã đọc bản tiếng Đức, tôi thích Odyssey, đến tận bây giờ vẫn thích. Nếu bị gọi đến lượt, tôi chỉ cần một giây để tìm thấy đoạn cần dịch và dịch được. Sau khi thầy giáo lấy Sophie ra để trêu tôi và cả lớp đã ngừng cười, tôi lắp bắp vì một lý do khác. Nausikaa với thân hình và vẻ mặt như tiên nữ, trinh bạch với cánh tay trắng ngần – tôi nên tưởng tượng ra hình ảnh của Hanna hay Sophie nhỉ? Nhất định là một trong hai người đó.

14. Chương 14

Khi động cơ máy bay bị hỏng, chuyến bay chưa phải chấm dứt ngay. Máy bay không rơi như hòn đá từ trên trời xuống. Nó tiếp tục lượn, những chiếc máy bay chở khách khổng lồ nhiều động cơ còn lượn hàng nửa tiếng đến bốn lần phút trước khi nổ tung lúc cố gắng hạ cánh. Hành khách không cảm thấy gì. Cảm giác bay khi tắt động cơ không khác gì lúc động cơ còn làm việc. Tiếng ồn ít đi nhưng không đáng kể, vì tiếng gió mài vào thân và cánh máy bay còn to hơn tiếng động cơ. Một lúc nào đó nhìn qua cửa thấy mặt đất hay biển gần sát đến phát sợ. Hay đang lúc chiếu phim và các tiếp viên đã hạ tấm che cửa sổ xuống. Thậm chí có khi hành khách còn thấy dễ chịu khi tiếng ồn của máy bay giảm đi chút ít.

Mùa hè ấy là chuyến bay mất động cơ đối với mối tình của chúng tôi. Hay đúng hơn là đối với tình yêu của tôi cho Hanna; cô yêu tôi đến mức nào thì tôi hoàn toàn không rõ.

Chúng tôi giữ nguyên nghi lễ đọc truyện, tắm, làm tình và nằm bên nhau. Tôi đọc cuốn Chiến tranh và hòa bình, với tất cả các giải trình của Tolstoy về lịch sử, vĩ nhân, nước Nga, tình yêu và hôn nhân, phải đến bốn mươi hay năm mươi tiếng đồng hồ. Hanna lại hồi hộp theo dõi diễn biến trong sách. Nhưng khác với từ trước đến nay, cô không bày tỏ nhận xét của mình nữa, không biến Natasha, Andery và Pierre thành một phần trong thế giới của mình như cô đã làm với Luise và Emilia, mà bước vào thế giới của họ, như ai đó ngơ ngác trên một chuyến viễn du hay được phép bước vào một lâu đài, nhưng không thể rời hết được về rụt rè. Cho đến giờ, tôi đã biết trước tất cả các truyện mà tôi đọc cho cô nghe. Chiến tranh và hòa bình thì tôi chưa đọc. Chúng tôi cùng bước vào chuyến viễn du ấy.

Chúng tôi đặt ra những cái tên để nựng nhau. Cô không những bắt đầu bỏ chữ “cậu bé” để gọi tôi, mà còn thay vào đó những từ chỉ đặc tính và âu yếm, cóc và nhái, chó con, viên sỏi và bóng hồng. Tôi để nguyên tên Hanna cho đến khi cô hỏi: “Anh nghĩ đến con vật nào khi anh ôm em rồi nhắm mắt lại và nghĩ đến các con vật?” Tôi nhắm mắt và nghĩ đến các con vật. Chúng tôi nằm áp sát vào nhau, đầu tôi cạnh cổ cô, cổ tôi áp vào ngực cô, tay phải đỡ dưới cô còn tay trái đặt lên mông. Tôi xoa tay lên tấm lưng nở nang, cặp đùi khỏe mạnh, bờ mông rắn chắc và cảm thấy vú và bụng cô ép vào cổ và ngực tôi. Da cô trơn và mềm, thân thể cô mạnh mẽ và che chở. Khi để tay lên bắp chân cô, tôi cảm thấy các cơ động đập liên hồi. Nó làm tôi nghĩ đến con ngựa giật giật lớp da để đuổi ruồi. “Con ngựa.”

“Ngựa à?” Cô buông tôi ra, ngồi lên và nhìn tôi. Ánh mắt kinh hoàng.

“Em không thích à?” Anh nghĩ đến ngựa vì da em rất đẹp, trơn và mềm, phủ lên sự cứng rắn và mạnh mẽ. Và vì bắp chân em giật giật.” Tôi giải thích cho cô nghe mỗi liên tưởng của mình.

Cô nhìn xuống bắp chân mình. “Ngựa,” cô lắc đầu, “em không biết nữa...”

Đó không phải kiểu của cô. Mọi khi cô hoàn toàn rạch ròi, đồng ý hay từ chối. Nhìn ánh mắt kinh hoàng của cô, tôi sẵn lòng rút lại mọi câu nói của mình nếu buộc phải làm thế, sẵn sàng nhận tội và xin thứ lỗi. Nhưng bây giờ thì tôi muốn xin cô dàn hòa với con ngựa. “Anh cũng có thể gọi em là Cheval, hay Hottehueh, hay

Equin yêu dấu, hay Bukeffel bé nhỏ. Nói đến ngựa, anh không nghĩ tới hàm răng hay sọ dừa hay thứ gì mà em không ưa, mà một cái gì đó tốt đẹp, ấm áp, mềm mại, mạnh mẽ. Em không phải là con thỏ con hay con mèo con, và con hổ thì có vẻ độc ác, không phải là em.”

Cô đặt lưng xuống, lót tay sau gáy. Bây giờ tôi ngồi dậy và nhìn cô. Ánh mắt cô dõi vào hư vô. Một lát sau cô quay sang nhìn tôi. Về mặt cô biểu hiện nội tâm rất lạ. “Có chứ, em thích anh gọi em là ngựa hay các tên khác của ngựa. Anh giải thích cho em đi.”

Có lần chúng tôi đến nhà hát ở thành phố bên cạnh xem vở âm mưu và tình yêu. Đó là lần đầu Hanna đến nhà hát. Cô tận hưởng mọi thứ, từ vở diễn cho đến ly sâm banh trong giờ giải lao. Tôi quàng tay qua eo cô, và không bận tâm xem người khác nghĩ gì về đôi chúng tôi. Tôi tự hào là đã không phải bận tâm. Đồng thời cũng biết là nếu ở nhà hát thành phố thì mình tôi sẽ không như thế. Liệu tôi có biết điều đó?

Cô biết là cuộc sống của tôi trong mùa hè không chỉ xoay quanh một mình cô nữa. Mỗi ngày một thường xuyên hơn, lúc chiều muộn tôi đi từ bể bơi về chỗ cô. Ở đó bọn con trai và con gái trong lớp gặp nhau, cùng làm bài tập, chơi bóng đá, bóng chuyền và bài tay ba. Đó là nơi diễn ra sinh hoạt xã hội của lớp mà tôi muốn được góp mặt. Tuy vào giờ làm việc của Hanna mà tôi đến muộn hay về sớm hơn các bạn, chuyện đó không làm giảm thể diện mà còn khiến tôi được chú ý. Tôi biết chứ. Tôi cũng biết là không bị bỏ lỡ gì cả, tuy nhiên tôi thường có cảm giác rằng khi tôi vắng mặt thì có trời mới biết có chuyện gì xảy ra. Một quãng thời gian dài tôi không dám hỏi tự mình thích ra bể bơi hay ở bên Hanna hơn. Nhưng hồi tháng Bảy, khi sinh nhật tôi được tổ chức ở bể bơi thì mọi người luyện tiệc chia tay tôi ra về, và Hanna một mình bần tĩnh khi đón tôi. Cô không biết là tôi có sinh nhật. Đã có lần tôi hỏi sinh nhật cô và được biết là ngày 21 tháng Mười, cô không hỏi lại xem sinh nhật tôi là bao giờ. Hôm nay cô cũng không bần tĩnh hơn mỗi lần một mỗi khác, nhưng tôi bức mình, và tôi chỉ muốn biến khỏi đây, ra bể bơi, đến với các bạn cùng lớp, đến với sự thanh thản khi chuyện trò, đùa cợt, vui chơi và tán tỉnh. Khi tôi cũng phản ứng một cách cẩu thả, chúng tôi cãi nhau và Hanna lạnh nhạt với tôi thì nỗi sợ mất Hanna lại trở lại. Tôi nhịn nhục và xin lỗi, cho đến khi cô chấp nhận tôi. Nhưng trong lòng tôi đầy căm hận.

15. Chương 15

Đó là lúc tôi bắt đầu phản bội cô.

Không phải tôi đã kể ra việc gì bí mật hoặc làm tổn hại đến Hanna. Tôi chẳng để lộ điều gì mà lẽ ra phải giữ gìn. Tôi đã giữ kín những gì đáng lẽ phải công khai ra. Tôi không thú nhận có quan hệ với cô. Tôi biết, chối bỏ là một hình thức rõ rệt của phản bội. Bên ngoài không thể phân biệt được ai đó chối bỏ hay chỉ kín đáo, tôn trọng người khác, tránh rắc rối và phiền phức. Nhưng người nào không chịu thú nhận, người đó biết rõ. Sự chối bỏ làm hại đến mối quan hệ không khác gì phản bội trắng trợn.

Tôi không nhớ lần đầu tiên tôi phủ nhận quan hệ với Hanna vào lúc nào. Từ những quan hệ đồng môn của các buổi chiều hè đã nảy nở tình bạn. Ngoài cậu bạn ngồi cạnh mà tôi đã quen từ lớp cũ, ở lớp mới tôi thích nhất Holger Schlueter, người say mê môn Sử và Văn giống tôi, chúng tôi nhanh chóng thân nhau. Tôi cũng nhanh làm thân với Sophie, nhà cô cách có mấy phố và chúng tôi đi cùng đường tới bể bơi. Thoạt tiên tôi tự nhủ rằng độ thân mật với bạn bè chưa đủ để tôi kể về Hanna, kể đó là tôi không tìm được cơ hội, không tìm được thời điểm và câu chữ thích hợp. Rốt cuộc thì mọi sự đã quá muộn để còn kể về Hanna và khoe cô cùng các bí mật trẻ con khác. Tôi tự nhủ, muộn đến thế này mới kể về cô thì ắt sẽ gây ấn tượng sai lạc, rằng tôi ngậm miệng về Hanna bởi quan hệ với cô có gì không hay làm tôi phải áy náy. Nhưng muốn tự huyễn hoặc mình ra sao thì tùy – tôi biết là mình đã phản bội Hanna khi làm ra vẻ để cho các bạn biết hết các việc quan trọng trong cuộc đời mình, nhưng lại không nói gì về Hanna.

Bọn bạn nhận ra rằng tôi không hẳn cởi mở, nhưng như thế cũng chẳng có ích gì. Một buổi tối trên đường về nhà, Sophie và tôi gặp cơn dông và trú mưa dưới mái hiên một ngôi nhà vườn ở khu Neuenheim, hồi ấy chưa có khu nhà của trường đại học mà toàn ruộng và vườn. Trời sấm chớp, bão mưa nặng hạt. Nhiệt độ phải sụt đến năm độ. Chúng tôi rét run, và tôi quàng tay ôm cô.

“Hỏi bạn nhé?” Cô không nhìn tôi, mà nhìn vào cơn mưa.

“Gì cơ?”

“Bạn ốm lâu đúng không, bị viêm gan, có phải vì thế mà bạn có vấn đề. Bạn sợ không bình phục hẳn à? Hay các bác sĩ nói gì? Ngày nào bạn cũng phải đến bệnh viện để lọc máu hay truyền dịch à?”

Căn bệnh tên là Hanna. Tôi xấu hổ, song lại càng không thể kể về Hanna. “Không phải đâu, Sophie, tớ hết bệnh rồi. các chỉ số về gan bình thường, một năm nữa thậm chí tớ còn được phép uống rượu nếu muốn, nhưng tớ không muốn. Tớ đang...” Đã xoay quanh Hanna thì tôi không muốn nói rằng tôi đang có vấn đề. “Tại sao tớ đến muộn hoặc về sớm, đó là chuyện khác.”

“Bạn không muốn nói chuyện ấy, hay thật ra có muốn nhưng không biết nói như thế nào?”

Tôi không muốn, hay không biết làm thế nào? Tôi cũng chẳng biết nữa. Nhưng khi chúng tôi đứng đó dưới ánh chớp, trong tiếng sấm vang rền sát gần, trong tiếng mưa sầm sập, cùng run rẩy và sưởi ấm cho nhau đôi chút – tôi có cảm giác là nên kể cho Sophie, cho chính Sophie nghe chuyện Hanna. “Có lẽ lần khác tớ sẽ kể cho bạn nghe.”

Nhưng chuyện ấy không bao giờ xảy ra.

16. Chương 16

Tôi không bao giờ được biết Hanna làm gì ngoài giờ đi làm và ngoài lúc chúng tôi ở bên nhau. Nếu tôi có hỏi thì cô đẩy ngược câu hỏi về phía tôi. Chúng tôi không có một thể giới chung, mà cô dành cho tôi một vị trí trong cuộc đời mình như cô muốn. Tôi phải chấp nhận. Muốn có nhiều hơn nữa, hay chỉ muốn biết nhiều hơn nữa đã là quá đáng. Khi nào rất hạnh phúc bên nhau và tôi hỏi cô, vì đoán rằng lúc đó làm gì cũng được, thì có thể cô lảng tránh câu hỏi của tôi thay vì đẩy ngược câu hỏi. “Cái gì cũng muốn biết thế hả cậu bé!” Hoặc cô đặt tay tôi lên bụng cô. “Anh có muốn hỏi thủng cả bụng em ra không?” Hay cô đếm trên đầu các ngón tay. “Em phải giặt giũ, em phải ủi quần áo, em phải quét nhà, em phải lau nhà, em phải đi chợ, em phải nấu ăn, em phải lay cây mận, gom quả, đem về nhà và nhanh nấu mứt cho vào lọ.” Cô lắc ngón út giữa ngón trỏ và ngón cái tay kia. “Không thì một mình cái ngón út này có ăn hết sạch mứt!”

Tôi cũng không bao giờ tình cờ gặp cô ngoài phố, trong cửa hiệu hay ở rạp phim là nơi cô vẫn kể là cô thích và hay đến đó. Mấy tháng đầu tôi vẫn liên tục muốn cùng cô đi xem phim, nhưng cô không muốn. Thịnh thoảng chúng tôi chuyện trò về những bộ phim mà cả hai cùng xem. Có điều lạ là cô đi xem phim một cách bừa bãi, xem tất cả các phim từ phim chiến tranh và phim đồng quê của Đức, phim cao bồi cho đến phim hiện đại, còn tôi thích phim Hollywood, bất kể đề tài La Mã cổ đại hay hiện đại miền Tây hoang dã. Có một phim cao bồi mà chúng tôi đặc biệt thích xem: Richard Widmark thủ vai một cảnh sát trưởng trước ngày đầu súng, biết nhất định là sẽ thua và buổi tối đến gõ cửa phòng Dorothy Malone, người đã uống công khuyên ông trốn đi. Cô mở cửa. “Anh muốn gì bây giờ? Cả cuộc đời anh trong một đêm?” Thịnh thoảng Hanna trêu tôi khi tôi đến chỗ cô ấy và đầy thềm muốn. “Anh muốn gì bây giờ? Cả cuộc đời anh trong một giờ?”

Chỉ một lần tôi thấy Hanna mà không hẹn trước. Vào cuối tháng Bảy hoặc đầu tháng Tám, mấy ngày cuối cùng trước kì nghỉ hè.

Đã mấy hôm nay Hanna ở trong tâm trạng khó lường, ủ rũ và vô đoán, đồng thời rõ ràng chịu một áp lực đang hết sức đè nén, làm cô mất cảm và dễ tổn thương. Cô gắng sức làm chủ mình để khỏi nổ tung dưới áp lực đó. Khi tôi hỏi có chuyện gì thì cô cúi kinh phản ứng. Tôi không biết phải làm gì. Ít nhất thì tôi không những cảm thấy mình bị hắt hủi, mà còn nhận ra cả sự bối rối của Hanna. Tôi cố làm chỗ dựa cho cô, đồng thời muốn để cô yên. Rồi một hôm áp lực đó biến mất. Đầu tiên tôi tưởng là Hanna lại trở lại như xưa. Sau khi đọc xong Chiến tranh và hòa bình chúng tôi chưa bắt đầu ngay một quyển mới. Tôi hứa sẽ lo kiếm, và đưa mấy quyển sách ra để chọn.

Nhưng cô không muốn. “Để em tắm cho anh, cậu bé nhé!”

Không phải cái oi bức của mùa hè trùn lên tôi như một tấm chăn khi bước vào bếp. Hanna đã đốt lò nước tắm. Cô xả nước vào bồn, cho thêm mấy giọt dầu oải hương và tắm cho tôi. Chiếc yếm dài xanh nhạt in hoa mà ở dưới cô không mặc đồ lót dán vào cơ thể toát mồ hôi của cô trong không khí nóng và ẩm. Cô rất kích thích tôi. Trong khi làm tình tôi cảm thấy cô muốn đưa tôi đến những cảm giác vượt lên những gì mà tôi đã từng cảm nhận thấy. Cô cũng tự thả mình như chưa bao giờ từng làm thế. Không phải buông thả, cô chưa khi nào buông thả cả. Nhưng tựa như cô muốn cùng tôi chết đuối.

“Giờ thì ra chỗ các bạn anh đi.” Cô chia tay, và tôi ra đi. Không khí nực nội chen giữa các ngôi nhà, phủ lên ruộng vườn và lung linh trên mặt đường nhựa. Tôi chênh choáng. Tiếng la hét của lũ trẻ vui chơi vầy nước ở bể bơi vọng đến tai tôi như từ đâu đó xa lắc. Tôi đi qua thế giới này như nó không thuộc về tôi và tôi không thuộc về nó. Tôi ngụp vào làn nước nhờ nhờ đượm mùi clo và chẳng có ý định ngoi lên. Tôi nằm bên cạnh lũ bạn, nghe chúng nói chuyện và thấy những gì chúng nói đều ngớ ngẩn và vô nghĩa.

Một lúc nào đó tâm trạng ấy tan biến. Một lúc nào đó buổi chiều ở bể bơi trở lại bình thường, với bài tập về nhà và bóng chuyền, hóng hớt và tán tỉnh. Tôi không nhớ là mình vừa đang làm việc gì khi tôi ngước lên và nhìn thấy cô.

Cô đứng cách đó vài chục mét, mặc quần soóc, áo mở khuy và thắt nút ngang eo, nhìn về phía tôi. Tôi nhìn lại. Từ xa tôi không nhận ra được biểu cảm trên mặt cô. Tôi không nhảy bật dậy để chạy ra chỗ cô. Ý nghĩ thoáng qua óc tôi là cô ra bể bơi làm gì, cô có muốn để tôi thấy mặt hoặc để người khác nhìn thấy cô cùng tôi, liệu tôi có thích để ai thấy mặt cùng cô, tôi làm gì đây khi chúng tôi chưa bao giờ ngẫu nhiên gặp nhau. Sau đó tôi đứng dậy. Trong giây lát ấy, khi tôi rời mắt khỏi Hanna thì cô biến mất.

Hanna mặc soóc và áo thắt nút, mặt quay về phía tôi mà tôi không nhận ra biểu cảm gì – đó cũng là một hình ảnh của cô mà tôi ghi nhớ.

17. Chương 17

Hôm sau cô biến mất. Tôi đến đúng giờ mọi hôm và nhấn chuông. Tôi nhìn qua cửa, tất cả nom vẫn như mọi khi, và tôi nghe tiếng đồng hồ tích tắc.

Tôi lại ngồi lên bậc thang. Mấy tháng đầu tôi luôn biết rõ cô làm mọi việc trên tuyến nào, cho dù tôi không bao giờ định tiến hay chỉ định đón cô nữa. Đến lúc nào đó tôi không hỏi cô nữa, cũng chẳng quan tâm làm gì. Bây giờ tôi mới thực sự nhớ ra điều đó.

Từ trạm điện thoại ở quảng trường Wilhelm tôi gọi tới công ty tàu điện, người ta nói máy mấy lần và cho biết là Hanna Schmitz không đến chỗ làm việc. Tôi trở lại phố Ga, hỏi thăm trong xưởng mộc tên của chủ nhà, nhận được tên và số điện thoại ở Kirchheim. Tôi đi đến đó.

“Bà Schmitz? Sáng sớm nay bà ấy ra khỏi nhà rồi.”

“Thế còn đồ gỗ của bà ấy?”

“Đồ gỗ không phải của bà ấy.”

“Thế bà Schmitz ở căn hộ ấy từ bao giờ ạ?”

“Liên quan gì đến anh?” Người phụ nữ vừa nói chuyện với tôi qua khung cửa sổ liền đóng lại.

Ở tòa nhà văn phòng của công ty tàu điện, tôi hỏi đến tận phòng nhân sự. Ông phụ trách tỏ vẻ thân thiện và lo lắng.

“Cô ấy có gọi điện lúc sáng sớm, kíp để chúng tôi kiếm người làm thay, và nói là sẽ không đến. Không bao giờ đến nữa.” Ông lắc đầu. “Cách đây hai tuần tôi mời cô ấy đi học nghề lái tàu, vậy mà cô ấy vứt bỏ tất cả.”

Mãi mấy hôm sau tôi mới nghĩ ra là phải đến phòng đăng kí hộ tịch. Cô đã chuyển hộ khẩu đến Hamburg, nhưng không cho biết địa chỉ.

Tôi mệt mỏi mấy ngày liền. Tôi cẩn thận để bố mẹ và anh chị không nhận ra chuyện gì. Ngồi ở bàn, tôi gọt vài củ, cùng ăn một ít, và nếu bị nôn thì vẫn kịp ra đến phòng vệ sinh. Tôi đến trường và ra bể bơi. Các buổi chiều ở đây tôi lánh vào một chỗ khuất để không ai nhìn thấy. Cơ thể tôi khao khát Hanna. Nhưng tôi tệ hơn cả niềm khao khát thể chất là mặc cảm tội lỗi. Tại sao khi tôi đứng đó tôi lại không ngay lập tức vùng dậy chạy ra với cô! Một giây phút ngắn ngủi đã thấu tóm sự hồi hộp của mấy tháng cuối, sự hồi hộp khiến tôi phủ nhận cô, phản bội cô. Sự ra đi của cô là đòn trừng phạt dành cho tôi.

Thỉnh thoảng tôi cố tự huỷ hoại mình rằng người mà tôi nhìn thấy không phải là cô. Làm sao tôi có thể chắc chắn đó là cô khi tôi không nhận rõ khuôn mặt. Nếu đó đúng là Hanna thì tôi phải nhận ra mặt cô chứ? Vậy thì tôi không thể chắc chắn đó là cô?

Nhưng tôi biết đó là Hanna. Cô đã đứng đấy, nhìn tôi – quá muộn.

18. Chương 18

Sau khi Hanna bỏ thành phố ra đi, một thời gian dài trôi qua trước khi tôi thôi để mắt tìm cô, trước khi tôi quen dần với những buổi chiều đã mất hình bóng, trước khi tôi ngắm sách và mở trang mà không tự hỏi xem có thích hợp để đọc cho người khác nghe hay không. Một thời gian dài trôi qua, trước khi cơ thể tôi thôi khao khát về cơ thể Hanna; thỉnh thoảng tôi tự nhận ra trong khi ngủ vẫn quơ tay chân tìm cô, và nhiều lần anh tôi kể trong bữa ăn là tôi gọi “Hanna” trong khi ngủ. Tôi cũng nhớ lại những giờ trên lớp mà tôi chỉ mơ về cô, chỉ nhớ đến cô. Cảm giác tội lỗi từng hành hạ tôi mấy tuần đầu đã qua đi. Tôi tránh ngôi nhà cô ở, đi đường khác, và nửa năm sau nhà tôi chuyển sang quận khác. Không phải là tôi quên cô. Nhưng đến lúc nào đó những kỷ niệm của tôi về Hanna thôi đeo đẳng. Hanna ở lại đằng sau, như một thành phố ở lại khi con tàu đi tiếp. Thành phố vẫn đấy, đầu đó đằng sau ta, ta có thể quay trở lại đó để chắc chắn nó vẫn còn đấy, nhưng để làm gì cơ chứ.

Trong ký ức tôi, những năm học cuối và những năm đầu ở đại học là những năm hạnh phúc. Đồng thời cũng chẳng có mấy chuyện gì đáng kể. Đó là những năm nhàn tản. Kỳ thi tốt nghiệp trung học và môn Luật mà tôi chọn hù họa đều không khó, tình bạn, yêu đương và chia tay đều không nặng nề, đối với tôi chẳng có gì nặng nề cả. Cái gì cũng dễ, cái gì cũng nhẹ nhàng. Hay vì thế mà mớ kỷ niệm cũng thành ra nhỏ bé? Hay tôi làm cho nó phải nhỏ bé? Tôi cũng tự hỏi, liệu kỷ niệm hạnh phúc có thật hay không. Càng nghĩ sâu xa tôi lại càng nhớ ra đủ các tình tiết đáng xấu hổ và đau khổ, và tôi biết rằng mình đã từ giã kỷ niệm với Hanna chứ không vượt qua được chúng. Sau Hanna, tôi không bao giờ hạ nhục và để ai hạ nhục mình, không bao giờ mắc lỗi và cảm thấy tội lỗi, chẳng yêu ai đến mức phải đau đớn khi rời bỏ - ngày đó tôi không nghĩ rành mạch như thế, song nhất định phải cảm thấy.

Tôi tạo cho mình một vẻ ngạo mạn hãnh tiến, tôi khoa trương như chẳng có gì khiến mình phải bận tâm, xúc động và rối trí. Tôi không tham gia vào chuyện gì. Và tôi nhớ đến một giáo viên, khi ông bắt thóp được tôi và có lời góp ý thì tôi đã ngang ngạnh phẩy tay. Tôi cũng nhớ đến Sophie. Ít lâu sau khi Hanna rời khỏi thành phố, người ta phát hiện cô bị bệnh lao. Cô phải đến trại dưỡng bệnh ba năm, khi cô quay lại thì tôi vừa trở thành sinh viên. Sophie cô đơn và tìm đến các bạn bè cũ, và tôi không khó khăn mấy để len vào trái tim cô. Sau khi ngủ với nhau, Sophie nhận ra rằng tôi không thật vì cô và nói trong nước mắt: “Anh có chuyện gì, có chuyện gì vậy?” Tôi nhớ đến ông tôi, có lần tôi đến thăm trước khi ông mất. Ông muốn làm lễ cầu phúc cho tôi. Tôi đã nói cho ông biết là tôi không tin và cũng chẳng ưa gì chuyện đó. Thật khó tưởng tượng là ngày ấy tôi thấy thỏa mãn với cách cư xử như vậy. Tôi còn nhớ là khi chứng kiến một cử chỉ âu yếm nhỏ nhất nào là cổ như nghẹn lại, bất kể cử chỉ đó dành cho tôi hay cho ai khác. Nhiều khi đó chỉ là một cảnh trong phim. Nhấn tâm và mẫn cảm song song tồn tại như một điều ám muội cả với chính tôi.

19. Chương 19

Tôi gặp lại Hanna ở tòa án.

Đó không phải vụ án đầu tiên về trại tập trung, cũng không phải vụ lớn nhất. Giáo sư của chúng tôi ngày ấy là một trong số ít ỏi các giáo sư nghiên cứu về quá khứ của chủ nghĩa dân tộc và các vụ án liên quan. Ông lấy vụ án làm đối tượng cho lớp chuyên đề, vì ông hy vọng qua các sinh viên sẽ theo dõi và đánh giá được toàn bộ trình tự vụ án. Tôi không còn nhớ là ông muốn thẩm định, khẳng định hay phản biện chuyện gì. Tôi nhớ là trong lớp chuyên đề có tranh luận về việc cấm hồi tố. Chỉ cần chiếu theo điều luật đã tồn tại trong bộ luật hình sự vào thời điểm xảy ra hành động là đủ để tuyên án các quản tù và lính canh trại tập trung? Hay bản chất sự việc là, vào thời điểm hành động thì điều khoản ấy được quán triệt và ứng dụng ra sao, và như vậy thì không được áp dụng cho các bị can? Luật pháp là gì? Là câu chữ trong sách hay là điều được xã hội thực sự công nhận và tuân thủ? Hay luật pháp là, bất kể có ghi trong sách hay không, điều lẽ ra phải được mặc nhiên công nhận và tuân thủ nếu mọi việc diễn ra một cách logic? Ông giáo sư, một người đã cao tuổi, sau thời kỳ tị nạn đã hồi hương nhưng vẫn đứng ngoài lề của khoa Luật học ở Đức. Ông tham gia tranh luận với toàn bộ tầm cỡ uyên bác của mình, đồng thời với sự cách biệt của một người không muốn giải quyết vấn đề bằng sự uyên bác đó nữa: “Anh chị hãy quan sát các bị can - và sẽ không thấy một ai trong họ thực sự cho là mình hồi đó được phép giết người”.

Lớp chuyên đề bắt đầu vào mùa đông, vụ án vào mùa xuân, kéo dài lê thê nhiều tuần. Phiên tòa xử vào các ngày từ thứ Hai đến thứ Năm, mỗi ngày trong đó giáo sư phân công một nhóm sinh viên ghi biên bản từng chữ một. Thứ Sáu họp lớp để khảo cứu mọi sự kiện trong tuần.

Khảo cứu! Khảo cứu quá khứ! Chúng tôi, các sinh viên của lớp chuyên đề coi mình là mũi tiên phong đi khảo cứu. Chúng tôi giật toang cửa sổ cho không khí tràn vào, cho gió ùa vào thổi tung lớp bụi bặm mà xã hội để phủ lên những nỗi kinh hoàng của quá khứ. Chúng tôi sẽ làm cho mọi người được hít thở và mở mắt nhìn. Cả chúng tôi cũng không dựa trên kiến thức kinh viện của môn Luật. Án phải được tuyên, đó là điều chắc chắn. Và đối với chúng tôi cũng chắc chắn hết như vậy, chuyện tuyên án quản tù này hay lính canh nọ của trại tập trung chỉ là bề nổi. Cả một thể hệ đã từng sử dụng những quản tù và lính canh đó, hoặc không chặn tay chúng hay ít nhất thì cũng không tẩy chay chúng khi đáng lẽ đã có thể tẩy chay chúng sau 1945, thể hệ đó giờ đây đứng trước tòa. Và trong một phiên tòa khai minh chúng tôi buộc tội họ phải xấu hổ.

Trong Đế chế thứ ba, lớp cha mẹ chúng tôi đóng nhiều vai trò khác nhau. Một số ông bố tham gia chiến tranh, dăm ba người trong họ làm sĩ quan và một là sĩ quan của lính SS vũ trang, vài người thăng quan tiến chức trong bộ máy tư pháp hay hành chính. Chúng tôi cũng có bố mẹ làm giáo viên, bác sĩ, một người có bác là viên chức cấp cao bên cạnh Bộ trưởng Nội vụ. Tôi tin rằng, giả sử chúng tôi hỏi họ và nếu họ trả lời, họ sẽ có nhiều chuyện để nói. Bố tôi không muốn kể về mình. Nhưng tôi biết là ông bị mất vị trí giảng viên đại học môn Triết sau khi thông báo sẽ giảng một bài về Spinoza. Ông kiếm sống cho mình và gia đình suốt thời chiến tranh bằng nghề biên tập viên cho một nhà xuất bản sách và bản đồ lữ hành. Vậy có gì mà tôi buộc tội ông phải xấu hổ. Nhưng tôi vẫn làm. Tất cả chúng tôi buộc tội cha mẹ mình phải xấu hổ, kể cả chỉ vì họ sau 1945 còn dung túng cho các thủ phạm ở cạnh mình.

Chúng tôi, các sinh viên lớp chuyên đề đã tạo ra một bản sắc riêng mạnh mẽ. Đó là lớp Trại tập trung - mới đầu các sinh viên khác đặt tên chúng tôi như thế, sau đó chúng tôi cũng làm theo. Công việc của chúng tôi không làm người khác quan tâm, có khi còn làm nhiều người phật lòng, thậm chí ghê sợ. Giờ thì tôi nghĩ rằng quả thật sự năng nổ muốn tiếp nhận và đưa những nỗi kinh hoàng ấy cho mọi người biết cũng ghê sợ. Những sự kiện mà chúng tôi nghe và đọc được càng kinh khủng bao nhiêu thì chúng tôi càng tin tưởng hơn bấy nhiêu vào nhiệm vụ soi sáng và buộc tội của mình. Cả khi có những sự kiện làm chúng tôi sững sờ - chúng tôi vẫn đắc thắng giương chúng lên cao: Mọi người hãy nhìn đây!

Hoàn toàn vì tò mò mà tôi ghi tên vào lớp chuyên đề. Thôi thì cũng có gì mới mẻ chứ không chỉ luật kinh doanh, luật hình sự, không chỉ luật thông lệ hay luật cổ đại. Tôi cũng mang theo điệu bộ ngang tàng và hãnh tiến quen thuộc của mình đến lớp. Nhưng qua hết mùa đông thì tôi càng ngày càng ít né tránh nỗi những sự kiện mà chúng tôi đọc và nghe thấy, cũng như sự năng nổ đã lôi kéo tất cả các sinh viên của lớp chuyên đề. Thoạt đầu tôi tự dối mình là chỉ muốn chia sẻ lòng hăng hái ấy về khía cạnh khoa học hay cả chính trị và luân lý. Nhưng tôi còn muốn hơn nữa, tôi muốn chia sẻ cả lòng hăng hái chung. Có thể những sinh viên khác vẫn cho tôi là xa rời và kiêu căng. Chính tôi thì trong mấy tháng mùa đông lại có cảm giác

tốt đẹp được là một phần trong quần thể, được thanh thản với mình, với công việc của mình và với những người tôi làm chung công việc đó.

20. Chương 20

Phiên tòa diễn ra ở thành phố khác, nếu đi ô tô mất gần một tiếng. Bình thường thì tôi cũng chẳng có việc gì ở đó cả. Một sinh viên khác đi xe, cậu ta lớn lên ở đó và thạo thung thổ.

Hôm đó là thứ Năm. Phiên tòa đã khai mạc hôm thứ Hai. Ba ngày đầu xét đơn của các luật sư xin thay người hành tố tụng. Chúng tôi là nhóm thứ tư, đến dự buổi thẩm vấn nhân thân của các bị cáo, đó mới chính là buổi xử án đầu tiên.

Chúng tôi đi dọc phố Bergstrasse dưới hàng cây ăn quả đang đâm hoa. Mọi người đang vui vẻ và hưng phấn; rốt cuộc đã đến lúc đem thử thách những gì mà chúng tôi đã chuẩn bị. Chúng tôi thấy mình không chỉ là khán giả, thỉnh giả và người ghi biên bản. Quan sát, lắng nghe và ghi chép là đóng góp của chúng tôi vào công tác khảo cứu.

Tòa án là một ngôi nhà xây cuối thế kỷ, nhưng không có vẻ hoành tráng và u ám như các tòa án thời bấy giờ. Phiên tòa đại hình ở trong một phòng lớn, phía trái là dãy cửa sổ lớn lắp kính mờ không nhìn ra ngoài được nhưng để nhiều ánh sáng lọt vào. Các công tố viên ngồi như những bóng đen trước cửa sổ vào những ngày xuân và hè sáng sủa. Hội đồng xét xử gồm ba thẩm phán trong áo choàng đen và sáu bồi thẩm ngồi ở trước bức tường đầu phòng, bên phải là ghế băng cho các bị cáo và luật sư. Do nhiều bàn ghế nên được mở rộng ra đến giữa phòng, trước khu hàng ghế khán giả. Một số bị cáo và luật sư ngồi quay lưng lại phía cử tọa. Hanna ngồi quay lưng lại phía chúng tôi. Khi tòa gọi, cô đứng dậy tiến lên phía trước thì tôi mới nhận ra cô. Tất nhiên là tôi nhận ngay ra tên cô: Hanna Schmitz. Sau đó tôi cũng nhận ra hình dáng cô, tóc buộc thành búi trông lạ lẫm, nhận ra gáy cô, bàn lưng rộng và cánh tay mập mạp. Cô đứng thẳng và nghiêm, để xuôi tay thoải mái. Cô mặc áo dài xám ngắn tay. Tôi nhận ra cô, nhưng tôi không có cảm xúc gì. Không hề có cảm xúc gì.

Vâng, tôi muốn đứng. Vâng, tôi sinh ngày 21 tháng Mười 1922 ở Hermannstadt và năm nay 43 tuổi. Vâng, ở Berlin tôi làm việc cho Siemens và mùa thu 1943 gia nhập quân SS.

“Bà tình nguyện gia nhập SS?”

“Vâng”.

“Tại sao?”

Hanna không trả lời.

“Có phải bà gia nhập SS, mặc dù ở Siemens bà được mời làm tổ trưởng sản xuất?”

Luật sư của Hanna bật dậy. “Tại sao lại dùng chữ mặc dù? Tại sao lại gán cho một người phụ nữ là nên thích làm tổ trưởng sản xuất hơn là gia nhập SS? Không có lý do gì biện hộ cho việc đem quyết định của thân chủ tôi ra chất vấn như vậy”.

Anh ta ngồi xuống. Anh ta là luật sư trẻ duy nhất, những người kia lớn tuổi, một số là phần tử Nazi cũ như sẽ chống lộ ra sau này. Luật sư của Hanna tránh dùng giọng điệu và luận cứ của họ. Nhưng sự năng nổ hấp tấp của anh ta có hại cho Hanna không khác gì những lời lẽ sắc mùi quốc xã của các đồng nghiệp làm hại thân chủ của họ. Anh đã thành công khi làm thẩm phán lúng túng và thôi bám tiếp vào câu hỏi tại sao Hanna gia nhập SS, nhưng ấn tượng rằng Hanna làm việc đó có suy nghĩ và không bị ép vẫn vương lại. Tuy một thành viên của hội đồng xét xử hỏi Hanna biết gì về công việc trong SS, và Hanna trả lời rằng SS tìm người làm công tác canh gác ở Siemens và cả ở các xí nghiệp khác, cô đã xin làm việc đó và được nhận vào làm, nhưng ấn tượng xấu hoàn toàn không được cải thiện chút nào.

Hanna khẳng định nhất gừng lời quan tòa, rằng cô được điều động tới Auschwitz cho đến xuân 1944, và cho đến mùa đông 1944/1945 ở một trại nhỏ gần Krakov, cô cùng các tù nhân đi về phía Tây và cũng đến nơi được, gần cuối chiến tranh cô ở Kassel rồi vài lần chuyển nhà đây đó. Tám năm liền cô sống ở thành phố quê tôi, là quãng thời gian dài nhất mà cô trụ lại một nơi.

“Chuyển nhà nhiều lần phải chăng là lý do nghi vấn có nguy cơ trốn?” Luật sư không giấu diếm giọng mỉa mai: “Thân chủ của tôi mỗi lần chuyển nơi ở đều đăng ký tại cảnh sát. Chẳng có lý do gì để nghi trốn, chẳng có gì để gây khó khăn điều tra. Thẩm phán giữ lệnh bắt giam chẳng lẽ không thể chịu được cảnh để thân chủ của tôi được tại ngoại, vì cáo trạng trầm trọng và tác động lớn đến xã hội? Đó là, kính thưa tòa, một lý do bắt người của bọn Nazi, lý do ấy bọn Nazi đưa ra và lại được xóa bỏ sau thời Nazi. Lý do ấy nay không còn nữa”. Luật sư phát biểu với giọng nhẹ nhàng cay nghiệt mà người ta vẫn dùng để tiết lộ một sự thật kỳ thú.

Tôi giật mình. Tôi nhận ra cảm giác của mình rằng Hanna bị tù là dĩ nhiên và xứng đáng. Không vì lời cáo trạng, không vì mức độ trầm trọng hay độ nghi vấn cao - lúc đó tôi chưa hề biết gì. Mà vì ở trong tù thì cô sẽ ra khỏi thế giới của tôi, ra khỏi cuộc đời tôi. Tôi muốn cô ở thật xa tôi, xa ngoài tầm với, để cô chỉ còn là một kỷ niệm nữa mà thôi, như cô mấy năm cuối đã từng như vậy đối với tôi. Nếu như luật sư thành công, tôi sẽ phải chuẩn bị tinh thần gặp cô, và tôi sẽ phải xác định rõ, liệu có muốn và nên gặp cô ra sao. Và tôi không thấy lý do gì khiến anh ta không thành công. Nếu Hanna cho đến nay chưa tìm cách trốn thì tại sao bây giờ lại thử trốn được? Cô có thể cản trở điều tra ở đâu? Các nguyên nhân khác để giữ trong tù hồi đó chưa có.

Lại một lần nữa quan tòa tỏ vẻ lúng túng, và tôi bắt đầu ngộ ra đó là mẹo của ông. Cứ mỗi khi nhận thấy một lời phát biểu mang tính cản trở hay khiêu khích, ông lại hạ kính xuống, bối rối ngó kỹ mặt người phát biểu với cặp mắt cận thị, nhăn trán và một là phớt lờ câu phát biểu ấy, hai là ông bắt đầu vào câu “À, ông nói thế nghĩa là” hay “Ông định nói là” rồi lặp lại lời phát biểu bằng một giọng điệu không để ai phải nghi ngờ rằng ông chẳng muốn để tâm đến nó, cũng như đừng có hoài công vô ích thúc ép ông.

“À, ông nói như vậy nghĩa là thẩm phán ban lệnh bắt giam đã đánh giá sai việc bị cáo không trả lời thư, không tuân thủ trát mời, không trình diện tại cảnh sát, tại sở công tố và tại thẩm phán? Ông định đệ đơn xin bãi lệnh bắt giam chứ gì?”

Luật sư đệ đơn, và tòa án bác đơn.

21. Chương 21

Chỉ có một lần Hanna nhìn vào khán giả và về phía tôi. Còn thì trong tất cả các ngày xử án cô chỉ nhìn về phía ghế băng khi được một nữ cảnh sát dẫn vào và ngồi xuống. Trông có vẻ ngạo mạn, và cũng có vẻ ngạo mạn khi cô không nói chuyện với các bị cáo khác và hầu như cũng chẳng nói chuyện với luật sư của mình. Các bị cáo khác cũng ít chuyện trò với nhau hơn, khi phiên xử ngày càng kéo dài. Họ đứng với người nhà và bạn bè trong giờ giải lao. Vẫy tay gọi mỗi sáng khi nhìn vào khán giả. Hanna ngồi tại chỗ trong giờ nghỉ.

Và tôi nhìn cô từ phía sau. Tôi thấy đầu, gáy và đôi vai cô. Tôi đọc ý nghĩ qua đầu, gáy và đôi vai cô. Nếu nói đến cô, cô ngẩng đầu thật cao. Khi cảm thấy mình bị đối xử bất công, vu khống, tấn công và cố tìm lời đáp lại thì vai cô vươn ra trước, gáy vồng lên làm lộ rõ những làn cơ. Những phản ứng của cô thường thất bại, và vai cô cũng thường xuôi xuống. Không bao giờ cô nhún vai, không bao giờ lắc đầu. Cô quá tập trung tinh thần nên không thể vô tình nhún vai hay lắc đầu. Cô cũng không cho phép mình nghiêng đầu, gục đầu hay chống đầu lên tay. Cô ngồi đó như khối băng. Ngồi như thế chắc mỗi lần.

Thỉnh thoảng vài sợi tóc tuột ra khỏi búi, xoắn lại, thả xuống gáy và bị gió thổi cọ đi cọ lại trên gáy. Thỉnh thoảng Hanna mặc áo dài khoét cổ đủ rộng để lộ ra vết chàm trên vai trái. Lúc đó tôi nhớ đã từng thổi bay tóc khỏi gáy cô, đã từng hôn lên gáy này và vết chàm này. Nhưng hồi ức chỉ là một nhận thức. Tôi không có cảm xúc nào cả.

Trong phiên xử kéo dài hàng tuần lễ, tôi không cảm thấy gì, cảm giác của tôi như bị đánh thuốc tê. Vài lần tôi kích động bằng cách tưởng tượng ra Hanna trong những tội danh người ta buộc cho cô một cách rõ rệt như tôi có thể. Cũng như Hanna trong kỷ niệm trào lên trong tôi khi thấy lọn tóc trên gáy và vết chàm của cô. Tựa như khi cầu vào cánh tay bị tiêm thuốc tê đã mất cảm giác. Cánh tay không biết là bị tiêm thuốc tê đã mất cảm giác. Cánh tay không biết là bị ngón tay cầu, còn ngón tay biết là vừa cầu vào cánh tay, và bộ não thoát tiên không phân biệt được hai quá trình đó. Nhưng liền đó nó phân biệt chính xác được ngay. Có thể cầu mạnh đến nỗi để lại trên cánh tay một vết trắng bệch. Nhưng máu lại chảy, và vết cầu lại có màu. Nhưng không vì thế mà cảm giác đã có lại.

Ai đã cho tôi mũi thuốc tê? Tự tôi, vì nếu không có thuốc tê thì tôi không chịu đựng nổi? Thuốc tê không chỉ có tác dụng trong tòa án và không chỉ gây hậu quả để tôi coi tôi là một người khác, người ấy đã yêu và thêm khát Hanna, người ấy tôi rất biết, nhưng đó không phải là tôi. Kể cả trong các việc khác, tôi vẫn đứng cạnh tôi, quan sát tôi, thấy tôi ở trường, ở cạnh bố mẹ và anh chị em, ở cạnh bạn bè, nhưng trong thâm tâm tôi không hề tham dự.

Một thời gian sau, tôi cho rằng có thể thấy ở các bạn khác cũng tồn tại cảm giác tê liệt như vậy. Không kể đến các luật sư, vốn là những người trong toàn bộ phiên tòa luôn luôn dao to búa lớn, gây gỗ hiếu thắng, tỉ mẩn mỗ xẻ hay cũng tàn nhẫn vô liêm sỉ, tùy theo tính khí cá nhân và chính trị. Tuy phiên tòa có khi to mồm hơn, nhưng qua ngày hôm sau họ lại nạt đủ lực để gào thét như sáng sớm hôm trước. Các công tố viên cố giữ cân bằng và thể hiện từ ngày nọ qua ngày kia sự năng nổ hết như thế. Song họ không thành công, ban đầu vì những sự kiện và kết quả xử làm họ thất kinh, về sau tác dụng mạnh nhất đối với các thẩm phán và bồi thẩm. Trong mấy tuần đầu của phiên tòa, những sự việc khủng khiếp được trình bày lúc thì đầm nước mắt, lúc thì với giọng nghẹn ngào, lúc thì hoảng sợ và thẳng thốt, làm cho họ xúc động ra mặt hay phải cố gắng trấn tĩnh. Về sau các khuôn mặt trở lại bình thường, họ lại có thể mỉm cười thì thầm với nhau một nhận xét nào đó, hay cũng tỏ ra chút sốt ruột khi nhaan chứng nhằm lẫn vặt vãnh. Khi nói đến một chuyến đi sang Israel để lấy lời kể của một nhân chứng, ai nấy vui vẻ nghĩ đến chuyến du lịch. Chỉ có các sinh viên khác là lúc nào cũng luôn bị sốc. Mỗi tuần họ chỉ ra tòa có một lần, và lần nào cũng lại tái diễn nỗi kinh hoàng ập vào khung cảnh thường nhật. Còn tôi, do ngày nào cũng có mặt nên tôi quan sát phản ứng của họ từ xa.

Như một tù nhân ở trại tập trung quen sống sót qua từng tháng một và ghi nhận nỗi kinh hoàng của những người mới đến một cách vô cảm, ghi nhận với sự tê liệt mà họ vẫn có khi chứng kiến cảnh giết chóc. Tất cả hồi ký của những người sống sót nói về sự tê liệt này, nó làm mọi động thái của cuộc sống bị thu hẹp, làm con người trở nên vô cảm và tàn nhẫn, biến phòng hơi ngạt và là thiêu người thành chuyện hằng ngày. Cả trong những bút tích hiếm hoi của các thủ phạm, phòng hơi ngạt và lò thiêu người trở thành môi trường thường nhật, bản thân thủ phạm rút gọn thành một vài động thái, chúng như kẻ bị đánh thuốc mê hay say rượu trong bản tính riêng tàn nhẫn, vô cảm và tê liệt. Các bị cáo trong mắt tôi vẫn và sẽ mãi mãi mắc chân trong nỗi tê liệt ấy, nói cách khác là tê liệt đến trợ như đá.

Ngay từ ngày ấy và đến hôm nay tôi đã có cảm giác nặng nề khi nghĩ đến nỗi tê liệt chung và cả khi nghĩ đến sự tê liệt ấy không chỉ đè lên thủ phạm và nạn nhân, mà cả lên chúng tôi là thẩm phán hay bồi thẩm, công tố viên hay thư ký tòa án. Cảm giác nặng nề đó xuất hiện từ ngày ấy và cả bây giờ, khi tôi so sánh thủ phạm, nạn nhân, người chết, người sống sót và lớp hậu bối với nhau. Có được phép so sánh họ với nhau không? Trong khi nói chuyện, khi đề cập đến so sánh kiểu ấy thì mặc dù tôi vẫn nhấn mạnh rằng so sánh ấy không cào bằng điểm khác biệt giữa những người bị cưỡng bức vào trại tập trung và những kẻ tự bước vào đó. Giữa những người chịu đau khổ và những kẻ gây ra đau khổ, điểm khác biệt đó cần được nêu ý nghĩa quan trọng có tính quyết định toàn diện nhất. Song bản thân tôi vấp phải phản ứng ngạc nhiên và bất bình, kể cả tôi nói ra điều đó không phải để đáp lại lời phê phán của người khác, mà trước khi họ nói ra những lời phê phán.

Đồng thời tôi tự hỏi, như tôi ngày đó đã bắt đầu tự hỏi: kỳ thực thì thể hệ hậu sinh của tôi đã và đang phải hiểu những sự kiện kinh hoàng về cuộc tàn sát người Do Thái ra sao? Chúng ta không nên cho rằng phải hiểu được những gì không thể hiểu, chúng ta không được phép so sánh những gì không thể so sánh, chúng ta không được phép hỏi sâu hơn khi người hỏi - tuy không nghi vấn những nỗi kinh hoàng song vẫn đem ra để bàn luận - không thấy đó là lý do buộc phải câm miệng bởi kinh hoàng, hổ thẹn và mặc cảm tội lỗi. Phải chăng chúng ta nên câm miệng trước nỗi kinh hoàng, hổ thẹn và mặc cảm tội lỗi? Để đi đến kết

cục nào? Không phải là lòng hăng hái đi khảo cứu và minh chứng của tôi mang theo đến lớp chuyên đề đã nguội lạnh trong phiên xử, nhưng khi một hậu sinh phải câm miệng trước nỗi kinh hoàng, hổ thẹn và mặc cảm tội lỗi. Có thể thôi sao?

22. Chương 22

Tuần thứ hai để đọc cáo trạng. Đọc mất một ngày rưỡi, một ngày rưỡi với các sự kiện ở thể giả định. Bị cáo ở mục một có thể đã..., ngoài ra có thể..., ... thêm vào đó có thể đã..., qua đó vi phạm điều luật số nào đó, ngoài ra bị cáo có thể đã vi phạm..., và đã có hành vi bất hợp pháp. Hanna là bị cáo ở mục bốn.

Năm nữ bị cáo đều là quản tù ở một trại giam nhỏ gần Krakov, trại ngoại vi của Auschwitz. Đầu năm 1944 họ được chuyển tù bị chết hay bị thương trong một vụ nổ ở nhà máy nơi phụ nữ của trại làm việc. Một trong những nội dung cáo trạng xoay quanh hành vi của họ ở Auschwitz, nhưng không quan trọng như những nội dung khác. Tôi không nhớ rõ nữa. Vì không liên quan tới Hanna mà chỉ dính dáng đến những người kia? Vì không có ý nghĩa gì lớn, hay không lớn so với các nội dung khác của cáo trạng? Hay có vẻ như không thể không truy tố hành vi một kẻ từng ở Auschwitz và nay đã sa lưới?

Tất nhiên là cả năm bị cáo không chỉ huy trại. Ở đó có một số chỉ huy, đội lính canh và các nữ quản tù khác. Đa số các lính canh và quản tù bị chết bom khi đoàn tù nhân đi về phía Tây bị ném bom trong đêm. Một số đã trốn trong đêm đó, không sao tìm ra được, giống như viên chỉ huy đã lủi mất trước khi đoàn người xuất hành.

Thật ra không có tù nhân nào qua nổi trận bom. Trừ hai mẹ con sống sót. Cô con gái đã viết một cuốn sách về trại tập trung và đoàn tù đi về phía Tây, xuất bản ở Mỹ. Cảnh sát và sở công tố không chỉ tìm ra năm bị cáo, mà cả một số nhân chứng sống ở ngôi làng mà đêm hôm ấy đoàn tù nhân bị trúng bom. Hai nhân chứng quan trọng nhất là cô con gái được mời sang Đức, và bà mẹ ở Israel. Để lấy lời khai của bà mẹ, tòa án, các công chứng viên và luật sư đi sang Israel - giai đoạn duy nhất của phiên tòa mà tôi không chứng kiến.

Một nội dung chính của cáo trạng nói về quá trình chọn lọc ở trại tập trung. Hằng tháng, Auschwitz chuyển đến khoảng 60 nữ tù mới và cũng nhận lại chừng ấy người, trừ những người chết giữa hai chuyển. Mọi người đều biết rõ là số phụ nữ đó bị giết ở Auschwitz; những người bị chuyển trở lại là do không được nhà máy tuyển dụng nữa. Đó là nhà máy sản xuất đạn, công việc chính cũng chẳng nặng nhọc mấy, nhưng thật ra họ hãn hữu mới làm việc chính, mà phải ra công trường vì vụ nổ hồi xuân đã gây ra hư hại trầm trọng.

Nội dung chính nữa của cáo trạng là đêm đoàn tù nhân bị bom. Đội lính canh và các quản tù đã dồn mấy trăm nữ tù nhân vào nhà thờ của làng và khóa lại. Dân làng đã bỏ đi gần hết. Một vài quả bom nữa có thể nhằm vào tuyến đường sắt gần đó, vào nhà máy, hay chỉ là số bom thừa sau khi oanh tạc vào một thành phố lớn bị quẫn đi. Một quả trúng nhà linh mục, nơi lính canh và quản tù ngủ. Những quả khác xuyên qua tháp chuông. Trước tiên tháp chuông bắt lửa, rồi đến mái nhà, sau đó cả bộ khung rực cháy sập vào trong nhà thờ và các hàng ghế bốc cháy. Những cánh cửa kiên cố vẫn nguyên. Lẽ ra các quản tù có thể mở khóa. Họ không làm gì, và những người phụ nữ bị khóa trong nhà thờ đã chết thiêu.

23. Chương 23

Đối với Hanna, diễn biến phiên tòa không thể tồi tệ hơn được nữa. Ngay từ khi khai về nhân thân, cô đã gây ấn tượng xấu cho tòa. Sau khi cáo trạng được đọc xong, cô xin phát biểu vì có gì đó không đúng; thẩm phán bối rối giải thích cho cô rằng trước khi khai mạc phiên xử chính cáo bị cáo đã có đủ thời gian để nghiên

cứ cáo trạng. Bây giờ là phiên xử chính, đúng hay sai chỗ nào sẽ được sáng tỏ trong phần đánh giá chứng cứ.

Mở đầu phần xét chứng cứ, thẩm phán đề nghị bỏ qua phần đọc bản tiếng Đức từ cuốn sách của cô gái vì một nhà xuất bản Đức đã chuẩn bị phát hành và các bên liên quan đã nhận được bản thảo, ông ngạc nhiên thấy luật sư của Hanna phải thuyết phục để cô đồng ý. Cô không muốn. Cô cũng không muốn tin rằng, trong một lần thẩm phán lấy cung trước đây cô đã thừa nhận rằng cô có chìa khóa cửa nhà thờ trong tay. Cô nói rằng cô không có chìa khóa, chẳng ai có cả, nhà thờ không có một mà nhiều chìa khóa cắm bên ngoài các cửa. Nhưng trong biên bản lấy cung của thẩm phán mà cô đã được đọc và ký tên thì không phải thế. Câu hỏi của cô - rằng tại sao người ta cứ muốn gán tội cho cô - không làm tình thế tốt hơn. Cô không cao giọng hỏi, không đòi có lý, nhưng dai dẳng và, như tôi đánh giá, rõ ràng là rất lúng túng và bối rối. Qua câu hỏi tại sao người ta muốn gán tội cho cô, cô không định trách cứ thẩm phán bẻ luật. Luật sư của Hanna bật dậy và hăng hái vội vã phát biểu. Khi bị hỏi là có ý định tán đồng lời trách cứ của thân chủ, anh ta ngồi xuống.

Hanna muốn làm đúng. Cô cãi lại khi cảm thấy bị đối xử bất công, và cô thừa nhận cô cho rằng lời buộc tội đúng. Cô cãi bằng được và sẵn sàng thừa nhận, cứ như đã thừa nhận rồi thì được quyền cãi lại, hay đã cãi rồi thì phải có trách nhiệm thừa nhận những gì mà cô không dễ dàng chối cãi được. Nhưng cô không nhận ra rằng ông quan tòa bực mình với lối dai dẳng của cô. Cô không biết cảm thụ ngữ cảnh và luật chơi, không cảm thụ được cách thức phát biểu đối nghịch của mình và những người khác về có tội và vô tội, buộc tội và tha tội. Lẽ ra luật sư của cô phải có nhiều kinh nghiệm và bản lĩnh hơn, hay đơn giản là phải giỏi hơn, khả dĩ bù lại sự thiếu hụt về linh cảm của cô. Hay lẽ ra Hanna không được làm khó cho anh ta. Rõ ràng là cô không tín nhiệm anh, nhưng cô cũng không chọn một luật sư mà mình tin cậy. Luật sư của cô là luật sư được chỉ định, do quan tòa gọi.

Thỉnh thoảng Hanna cũng đạt được gì đó có thể gọi là thành công. Tôi nhớ đến buổi lấy cung cô về chọn lựa tù nhân ở trại. Các bị cáo khác phủ nhận đã từng dính líu đến việc ấy. Hanna tự giác công nhận không phải mình là người duy nhất, nhưng có tham gia, như những người khác và làm cùng với họ. Quan tòa cho là phải hỏi cô cho rõ thêm.

“Việc lựa chọn như thế nào?”

Hanna tả lại là các nữ quản tù thống nhất với nhau để đưa ra một lượng tù nhân tương đương từ sáu ban, mỗi ban chọn mười người, tổng cộng sáu chục. Con số này tuy nhiên cũng khác nhau, tùy theo lượng người ốm trong mỗi ban nhiều hay ít, và tất cả các nữ quản tù trực nhật hôm đó cùng nhau kết luận xem ai bị chuyển trở lại trại tập trung.

“Không ai trong các bà trốn tránh nhiệm vụ, tất cả cùng làm?”

“Vâng”

“Bà không biết là chuyển họ đến chỗ chết?”

“Có chứ, nhưng có người mới đến, và người cũ phải dọn lấy chỗ cho người mới”.

“Có nghĩa là để lấy chỗ thì bà đã nói: mày, mày và mày nữa phải chuyển về trại và bị giết?”

Hanna không hiểu câu hỏi của quan tòa mang ý gì.

“Tôi đã... tôi muốn nói là... ở địa vị tôi thì ông sẽ làm gì?” Đó là một câu hỏi nghiêm túc của Hanna. Cô không biết là đáng lẽ nên hành động khác ra sao, có thể hành động khác ra sao, do đó muốn nghe quan tòa nói rằng ở địa vị cô ông sẽ làm gì, vì ông là người có vẻ cái gì cũng biết.

Im lặng một hồi lâu. Trong phiên tòa hình sự Đức không có lệ bị cáo đặt câu hỏi cho quan tòa. Nhưng câu hỏi đã đặt rồi, và tất cả đợi câu trả lời của thẩm phán. Ông phải trả lời, không thể bỏ qua câu hỏi hoặc nghiêm khắc cảnh cáo hay phản bác bằng một câu hỏi ngược lại. Mọi người đều biết, bản thân ông cũng biết thế, và tôi hiểu tại sao ông giữ mẹo tỏ ra lúng túng. Ông lấy nó làm mặt nạ, nấp sau đó để câu giờ và tìm ra câu trả lời. Nhưng không được quá lâu, ông chờ càng lâu thì sự hồi hộp và mong đợi càng lớn, và câu trả lời càng phải xuất sắc hơn.

“Có những việc mà người ta không được phép nhúng tay vào, và nếu không nhất thiết nguy kịch đến tính mạng thì phải tránh nó ra”.

Nếu ông định nói về Hanna hay cả về chính mình thì câu đó có lẽ là đủ. Song nói về cái gì người ta phải làm và cái gì không được phép làm và nguy kịch đến đâu thì không đáp ứng đúng tính nghiêm túc trong câu hỏi của Hanna. Cô chỉ muốn biết trong tình cảnh ấy đáng lẽ cô nên làm gì, chứ không muốn biết có những việc gì mà người ta không được làm. Câu trả lời của quan tòa thể hiện vẻ bất lực và thảm hại. Mọi người đều nhận thấy thế. Họ phản ứng bằng tiếng thở dài thất vọng và ngạc nhiên nhìn về phía Hanna là người mà về mặt nào đó đã thắng thế trong cuộc đấu khẩu. Riêng cô vẫn tư lự suy nghĩ.

“Nghĩa là... lẽ ra tôi... lẽ ra không được đăng ký ở Siemens mới phải?”

Đó không phải câu hỏi đặt ra cho vị thẩm phán. Cô chỉ nói ra lời, tự hỏi mình, ngập ngừng, vì chính mình cũng chưa tự đặt câu hỏi đó bao giờ, và nghi ngại liệu đó có phải là câu hỏi thích hợp và câu trả lời thích hợp.

24. Chương 24

Sự dai dẳng trong cách tranh cãi của Hanna đã làm quan tòa bức bối ra sao thì lời khai báo thành khẩn của cô cũng làm bức bối các bị cáo khác như thế. Nó đem lại hậu quả tai hại cho việc bào chữa của họ cũng như của chính Hanna.

Thật ra thì sau khi xét bằng chứng, tình thế có lợi cho các bị cáo. Các bằng chứng cho nội dung thứ nhất của cáo trạng chỉ vền vện lời khai của bà mẹ sống sót, của cô con gái và cuốn sách cô viết. Một luật sư tốt lẽ ra không cần động chạm đến cốt lõi lời khai của hai mẹ con cô mà vẫn có thể phản bác thành công rằng chính các bị cáo không phải là người trực tiếp lựa chọn. Về khía cạnh ấy, lời khai của nhân chứng không cụ thể và cũng không thể cụ thể được; tối thiểu thì ở trại có một viên chỉ huy, nhóm lính canh, các nữ quản tù khác và một tôn ti cấp bậc về nhiệm vụ và mệnh lệnh mà tù nhân chỉ phần nào đụng chạm đến và cũng chỉ thấu hiểu được phần nào mà thôi. Về nội dung thứ hai của cáo trạng cũng tương tự như vậy. Bà mẹ và cô con gái bị giam trong nhà thờ, không thể cung cấp thông tin gì về những việc xảy ra bên ngoài. Các bị cáo dù không thể nói rằng họ không có mặt ở đó, vì các nhân chứng khác sống ở làng hồi ấy đã tiếp xúc với họ và nhớ ra họ, song các nhân chứng ấy cũng phải cẩn thận để không chịu búa rìu của lời trách cứ rằng lẽ ra họ có thể giải cứu số tù nhân. Nếu chỉ có các nữ quản tù ở đó - chẳng lẽ dân làng không thể áp đảo được mấy mục đàn bà và tự mở khóa cửa nhà thờ hay sao? Họ cũng phải kiếm đường tự bào chữa cho mình, hết như các bị cáo nêu ra một áp lực để lý giải cho hành vi của mình và cũng của dân làng. Chẳng hạn như vũ lực hay mệnh lệnh của nhóm binh lính canh không bỏ trốn mà chỉ vắng mặt một lát để có thể khẩn trương đưa người bị thương đến bệnh xá rồi quay lại ngay, ít nhất như các bị cáo dự đoán?

Khi luật sư của các bị cáo khác nhận ra rằng chiến thuật ấy bị thất bại bởi tính thành khẩn của Hanna, họ liền đổi chiến thuật mới, khả dĩ tận dụng lời khai thành khẩn của cô để đổ tội cho Hanna và qua đó giảm nhẹ cho các bị cáo khác. Họ ra tay một cách chuyên nghiệp, và bị cáo khác hòa vào với những câu nói leo phần nộ.

“Bà đã nói, bà biết rõ là tù nhân được bà chuyển đến chỗ chết - câu đó có giá trị cho riêng bà, đúng không ạ? Bà không thể biết là các nữ đồng nghiệp của bà có biết hay không. Bà có thể phỏng đoán, nhưng kỳ thực không thể quả quyết, đúng không ạ?” luật sư của một bị cáo khác hỏi Hanna.

“Nhưng tất cả chúng tôi đều biết...”

“Nói chúng tôi, tất cả chúng tôi thì đơn giản hơn là nói tôi, một mình tôi, đúng không ạ? Có đúng là hỏi ở trại có những tù nhân được bà bảo trợ riêng, toàn là các cô gái trẻ, mỗi cô một thời gian rồi lại thay sang cô khác?”

Hanna ngập ngừng. “Tôi nghĩ là, tôi không phải người duy nhất đã...”

“Đồ điều toa khốn kiếp! Chỉ mình mày, một mình mày có những đứa ưu đãi như thế!” một bị cáo khác với vẻ thô lậu, sỗ sè như con gà mái già, đồng thời khẩu khí hằn học, phản ứng gay gắt.

“Liệu có đúng là bà nói biết thay cho tin rằng, và nói tin rằng khi bà bịa đặt?” Ông luật sư lúc lắc đầu, tựa như phiền lòng khi phải nghe câu trả lời chấp thuận của cô. “Và có đúng là những tù nhân được bà bảo trợ bị chuyển đến Auschwitz, khi bà đã ngăn họ?”

Hanna không đáp.

“Đó là sự lựa chọn đặc biệt của riêng bà, đúng không ạ? Bà không muốn thừa nhận chuyện đó, muốn giấu nó sau những việc mà tất cả đều làm. Nhưng...”

“Lạy Chúa!” Cô con gái sau khi lấy cung đã ngồi vào hàng khán giả, bây giờ úp hai bàn tay lên mặt. “Sao tôi lại có thể quên chuyện đó được nhỉ?” Quan tòa hỏi cô có bổ sung lời khai. Cô không đợi được gọi lên phía trước mà đứng dậy phát biểu tại chỗ trong hàng khán giả.

“Đúng, bà ta có những người ưu tiên, bao giờ cũng trong đám gái trẻ, gầy yếu. Bà ta bảo trợ họ và không bắt họ lao động, cho chỗ ở tốt hơn và ăn ngon hơn. Buổi tối bà ta gọi họ đến, và các cô gái không được phép kể bà ta đã làm gì với họ buổi tối, và chúng tôi nghĩ là bà ta đã... cũng vì tất cả họ đều bị chuyển đi, cứ như là bà ta đã vui vầy với họ và nay đã chán. Nhưng sự thật hoàn toàn không phải thế. Một lần, có một cô gái đã kể lại cho chúng tôi biết các cô gái đọc truyện cho bà ta nghe, tối nào cũng thế. Thế còn hơn là phải... cũng hơn là làm khổ sai cho đến chết ngoài công trường. Chắc tôi cũng nghĩ thế là hơn. Nếu không thì tôi đã không quên được chuyện ấy. Nhưng có đúng như thế là tốt hơn không?” Cô ngồi xuống.

Hanna quay lại nhìn tôi. Ánh mắt cô tìm thấy tôi ngay, và tôi nhận ra rằng toàn bộ thời gian cô đã biết tôi ở đó. Cô chỉ nhìn tôi. Khuôn mặt cô không cầu xin, không quả quyết hay hứa hẹn gì. Nó chỉ tồn tại đấy. Tôi nhận ra cô căng thẳng và kiệt quệ đến mức nào. Dưới mắt cô thâm quầng, mỗi bên má một nếp nhăn từ trên xuống dưới mà ngày xưa tôi không thấy, tuy không sâu nhưng đủ hằn vào mặt như vết sẹo. Khi mặt tôi đỏ lên dưới ánh mắt cô thì cô quay nhìn về phía ghế băng của tòa.

Ông luật sư đã thẩm vấn Hanna lúc này được quan tòa hỏi xem còn muốn bị cáo cho biết gì nữa không. Quan tòa cũng hỏi luật sư của Hanna. Hỏi cô ấy đi chứ, tôi thầm nghĩ. Hỏi xem cô chọn những cô gái yếu đuối và mảnh mai có phải vì họ đăng nào cũng không chịu nổi công việc ngoài công trường, vì đăng nào họ cũng sắp bị chuyển đi Auschwitz, và vì cô muốn cho họ những tháng cuối cùng trong đời được thanh thản? Đó là lý do khiến cô chọn những cô gái gầy yếu. Và không có lý do khác, không thể có lý do nào khác.

Nhưng luật sư không hỏi Hanna, còn tự mình thì cô không nói gì.

25. Chương 25

Bản tiếng Đức của cuốn sách mà cô con gái viết về thời gian ở trại tập trung được phát hành sau vụ xử án. Trong khi xử án tuy đã có bản thảo, nhưng chỉ dành riêng cho các phe liên đới. Tôi phải đọc bản tiếng Anh, khá lạ lẫm và khó khăn lúc bấy giờ. Và một ngoại ngữ không thông thạo, buộc phải vất vả lộn thì bao giờ cũng vừa xa lạ lại vừa gần gũi một cách kỳ dị. Tôi nghiền ngẫm cuốn sách một cách kỹ lưỡng và rồi vẫn không nhập tâm được. Nó vẫn xa lạ như chính ngôn ngữ đó vậy.

Nhiều năm sau, tôi đọc lại cuốn sách và phát hiện ra chính quyển sách đã tạo ra sự xa lạ. Nó không mời gọi ta đồng cảm, không gây cảm tình với ai, cả bà mẹ lẫn cô con gái lẫn những người chia sẻ số phận với họ tại các trại giam khác nhau, sau này cả ở Auschwitz và trại ngoại vi gần Krakov. Những người cao tuổi nhất phòng, nữ quản tù và lính canh không được cuốn sách thể hiện đủ rõ mặt mũi và tính cách để ta kết nối hay đánh giá tốt xấu hơn thực tế. Nó tỏa hơi thuốc mê như tôi đã cố gắng miêu tả. Tuy nhiên trong làn thuốc mê ấy cô con gái không mất đi khả năng nhận thức và phân tích. Và cô cũng không bẻ cong ngòi bút của mình vì tự thương hại hay tự tin rõ rệt sau khi không những đã sống sót mà còn chịu đựng được những năm trời ở trại tập trung và đưa chúng vào văn học. Cô viết về mình, về tư cách trẻ ranh, bà cụ non, và khi cần thiết cũng rất ma giảo của mình, với từ ngữ tỉnh khô như viết về các chuyện khác.

Cuốn sách ấy không nêu tên Hanna hoặc bằng cách nào đó để nhận diện hay suy đoán ra. Thịnh thoảng tôi cho là đã nhận ra cô trong nhân vật được miêu tả là một nữ quản tù xinh đẹp, mẫn cán thi hành nhiệm vụ của mình một cách lạnh lùng, nhưng tôi không chắc lắm. Khi quan sát các bị cáo khác, tôi thấy nhân vật nữ quản tù ấy chỉ có thể là Hanna mà thôi. Nhưng còn có những quản tù khác nữa. ở một trại giam, cô gái biết một nữ quản tù mang biệt danh ngựa cái, cũng trẻ, đẹp và tận tụy, nhưng tàn ác và nóng nảy. Những người khác có so sánh như vậy không? Hanna có biết thế không, cô có nhớ lại và thấy chạnh lòng khi tôi so sánh cô với con ngựa?

Trại ngoại vi Krakov là trại cuối cùng của hai mẹ con trước khi đến Auschwitz. Không có gì khá hơn, công việc nặng nhưng đơn giản hơn, ăn uống tốt hơn, và sáu phụ nữ trong một phòng thì còn hơn là hàng trăm người trong nhà vách gỗ. Cũng ấm áp hơn, trên đường từ nhà máy đến trại họ được nhặt củi đem về. Họ sợ bị chọn để chuyển đi, nhưng không sợ ghê gớm như ở Auschwitz. Mỗi tháng 60 phụ nữ bị chuyển về đó, 60 trong số khoảng 1200 người, như vậy có hy vọng sống sót là hai mươi tháng nếu sức khỏe ở mức tương đối, ít nhất thì họ cũng được phép hy vọng khỏe hơn mức trung bình. Thêm vào đó còn được mong đợi chiến tranh biết đâu sẽ chấm dứt sớm hơn hai mươi tháng nữa.

Nỗi bất hạnh bắt đầu với việc giải tán trại và khởi hành đi về phía Tây. Trời đã vào đông, tuyết rơi, mớ quần áo làm những người đàn bà rét run ở nhà máy và chỉ đủ tạm giữ ấm ở trại, nay hoàn toàn thiếu, giày dép lại càng thiếu hơn. Họ phải quấn giấy và giấy báo, lúc đi đứng còn giữ được, nhưng không thể buộc chặt để hành quân đàng đàng trong băng tuyết. Những người đàn bà không những chỉ phải hành quân, họ bị thúc phải chạy. “Chuyến đi tử thần?” cô con gái hỏi trong sách và tự trả lời. “Nhiều người gục ngã trên đường, những người khác sau vài đêm trong vừa cỏ hay bên một bức tường đã không tỉnh dậy nữa. Sau một tuần, nửa số phụ nữ đã chết.

Nhà thờ là một mái trú tốt hơn so với vừa cỏ hay bức tường mà những người phụ nữ trước đó đã trải qua. Khi gặp các nông trại bỏ hoang và ngủ qua đêm ở đó, lính canh và quản tù chọn lấy khu nhà ở. Ở ngôi làng gần như bỏ hoang này, chúng chiếm nhà linh mục và ít nhất cũng chứa lại cho tù nhân nhiều hơn là vừa cỏ và bức tường. Hành vi ấy, và thậm chí cả một nồi canh nóng trong làng hiện ra viễn cảnh tới hồi kết của nỗi bất hạnh. Và những người đàn bà ngủ thiếp đi. Một lát sau bom rơi. Chừng nào chỉ có tháp chuông bốc lửa, ở trong nhà thờ nghe tiếng nhưng không thấy lửa cháy. Khi nóc tháp chuông sập xuống đè lên khung mái, hãy còn mấy phút nữa cho đến khi ánh lửa hiện ra. Rồi thì lửa nhỏ giọt xuống đốt cháy áo quần, vì kèo cháy rục rơi xuống làm bén lửa hàng ghế và bục giảng kinh, chỉ một lát sau cả khung mái đổ ập xuống nền nhà và tất cả cháy rừng rực.

Cô con gái cho rằng những người phụ nữ lẽ ra có thể tự cứu thoát được, nếu như họ cùng hợp sức phá ngay lập tức một cánh cửa. Nhưng khi họ nhận ra cái gì đang xảy ra, sắp xảy ra, và không ai mở khóa cho họ thì mọi việc đã quá muộn. Giữa đêm đen thì tiếng bom đánh thức họ. Một hồi lâu họ chỉ nghe tiếng động là lạ và đe dọa từ tháp chuông vắng xuống, họ giữ im lặng để nghe rõ và đoán xem tiếng động đó là gì. Đến lúc nhận ra đó là tiếng lửa cháy phần phật, ánh lửa thỉnh thoảng bùng lên sau cửa sổ, và tiếng rền phía trên đầu là dấu hiệu lửa đã lan từ tháp chuông xuống mái - những người đàn bà đã quá chậm chân, khi ngọn lửa trong khung mái cháy sáng trước mắt. Họ hiểu ra tình thế và rú lên trong kinh hoàng, hét gọi cứu trợ, nhao ra phía cửa và lay cửa, đập vào cửa và hét.

Khi khung mái cháy rục ụp xuống nền nhà thờ, dãy tường bao quanh tạo ra vòng kín như một cái bếp lò ủ lửa. Đa số các tù nhân không chết ngạt, mà chết cháy trong ngọn lửa sáng trắng réo ù ù. Cuối cùng, thậm chí các cánh cửa nhà thờ nép sát rên cũng bị lửa đốt thủng toang và cháy trụi. Nhưng lúc đó đã nhiều tiếng đồng hồ trôi qua.

Hai mẹ con thoát chết, bởi người mẹ đã hành động đúng trong một nhăm lẩn. Lúc những người đàn bà lâm vào cơn hoảng loạn, họ không chịu nổi giữa đám người ấy nữa nên bỏ chạy lên vệt đường đi chạy vòng sát tường tầng trên, kệ cho chỗ đó gần lửa hơn, họ chỉ muốn một mình, ra khỏi đám phụ nữ đang chen lấn, kêu hét và bốc cháy. Vệt đường đi hẹp đến nỗi hầu như không bị kèo cháy rơi phải. Hai mẹ con ép sát vào tường, họ nghe và nhìn đám cháy hoành hành. Ngày hôm sau vẫn chưa dám xuống và đi ra ngoài. Đêm hôm sau tối mịt, họ sợ không nhìn thấy bậc thang và lối đi. Hôm sau nữa, lúc trời hửng họ ra khỏi nhà thờ, mấy người dân làng bắt gặp sưng sốt nhìn họ trần trụi, nhưng cho họ đồ ăn, quần áo và để họ đi tiếp.

26. Chương 26

“Vì sao bà không mở khóa?”

Quan tòa đặt câu hỏi ấy cho từng bị cáo. Từng bị cáo đưa ra câu trả lời như nhau. Họ không thể mở khóa được. Tại sao? Họ bị thương vì bom rơi trúng nhà linh mục. Hoặc họ bị sốc bom. Hoặc sau khi bom nổ họ chăm sóc lính canh bị thương và các nữ quản tù khác, cứu họ ra khỏi đồng đồ nát, băng bó, săn sóc họ. Họ không nghĩ đến ngôi nhà thờ, không ở gần đó, không thấy nhà thờ cháy, không nghe thấy tiếng gọi từ trong nhà thờ.

Quan tòa buộc tội từng bị cáo rằng tinh thần bản báo cáo không đúng thể. Cách trình bày ngữ nghĩa rất cần thận. Nếu nói là báo cáo tìm thấy trong hồ sơ SS có ghi gì khác thì sai, nhưng đúng là tinh thần báo cáo có khác. Trong đó ghi tên những ai bị chết và bị thương trong nhà linh mục, ai chở người bị thương trên xe tải đến bệnh xá, và ai đi kèm trên xe tải không mui. Báo cáo ghi lại là các nữ quản tù ở lại để đợi cháy xong, chống lửa lan rộng và đề phòng tù nhân lợi dụng hỏa hoạn chạy trốn. Ghi cả việc các tù nhân đã chết.

Do tên các bị cáo không có trong danh sách của báo cáo, có thể suy ra rằng họ ở trong số nữ quản tù ở lại. Vì quản tù ở lại để ngăn tù nhân chạy trốn, có thể suy ra rằng sau khi cứu người bị thương ra khỏi nhà linh mục và đưa tới bệnh xá thì mọi việc chưa phải đã kết thúc. Những quản tù ở lại, như trong báo cáo cho thấy, để mặc cho ngọn lửa hoành hành trong nhà thờ bị đóng cửa. Theo báo cáo, các bị cáo ở trong số những quản tù ở lại.

Không, mọi bị cáo đều nói, sự việc không phải như thế. Bản báo cáo sai. Có thể nhận ra qua đoạn nói về nhiệm vụ của các quản tù ở lại là để chống lửa lan ra. Làm sao họ có thể đảm nhận việc ấy được? Chuyện vô lý, và cũng vô lý như vậy là nhiệm vụ ngăn tù nhân chạy trốn nhân hỏa hoạn. Vô lý. Chạy trốn? Khi họ không phải chăm sóc đến đồng đội và quay sang chú ý đến tù nhân thì chẳng còn gì có thể chạy trốn được nữa. Không, bản báo cáo không thể hiện được những gì là họ trong đêm hôm ấy đã làm, đã đạt được và đã chịu đựng. Từ đâu để ra một bản báo cáo

sai đến mức độ ấy? Họ cũng không biết.

Cho tới khi mục sồ sề đến lượt. Mục biết chứ. “Ông hỏi người kia kìa!” Mục chỉ tay vào Hanna. “Nó đã viết báo cáo. Tội nó hết, mình nó thôi, nó định dùng bản báo cáo để xóa dấu vết và lôi chúng tôi vào”.

Quan tòa hỏi Hanna, đó cũng là câu hỏi cuối cùng: “Vì sao bà không mở khóa?”

“Chúng tôi... chúng tôi đã...” Hanna cố tìm câu trả lời. “Chúng tôi không biết làm gì khác”.

“Các bà không biết làm gì khác?”

“Một số người của chúng tôi đã chết, những người khác trốn mất. Họ nói là họ đưa người bị thương đến bệnh xá rồi quay lại, nhưng họ biết là sẽ không quay lại, chúng tôi cũng biết thế. Có khi họ cũng chẳng đi đến bệnh xá, những người bị thương cũng không nặng đến thế. Chúng tôi định đi theo, nhưng họ bảo là cần chỗ cho người bị thương, và đằng nào thì họ cũng không... đằng nào thì họ cũng không muốn cho nhiều đàn bà đi theo. Tôi không biết họ đi đâu”.

“Thế bà làm gì?”

“Chúng tôi không biết nên làm gì. Mọi việc xảy ra rất nhanh, nhà linh mục bốc cháy, đàn ông và ô tô vừa còn đây, giờ thì biến mất, đột nhiên chúng tôi chỉ còn lại một mình với những người đàn bà trong nhà thờ. Bọn họ để lại vũ khí gì đó, nhưng chúng tôi đâu biết sử dụng, mà có biết chẳng nữa thì phỏng có ích gì cho mấy mống đàn bà chúng tôi? Làm sao chúng tôi có thể canh giữ chừng ấy tù phụ nữ? Một đoàn người như thế kéo thành vệt dài, nếu muốn dồn lại và canh giữ trên một đoạn đường dài thì cần nhiều hơn là mấy người chúng tôi”. Hanna nghĩ nói. “Rồi bắt đầu có tiếng kêu thét, mỗi lúc một kinh khủng hơn. Giả sử chúng tôi mở khóa, và tất cả cùng túa ra thì...”

Quan tòa đợi một lúc. “Bà sợ? Bà sợ tù nhân sẽ áp đảo được bà?”

“Áp đảo chúng tôi... không, nhưng làm sao chúng tôi lập lại trật tự được nữa? Sẽ sinh ra tán loạn mà chúng tôi không sao kiềm chế nổi. Và nếu họ định chạy trốn...”

Quan tòa lại đợi một lúc, nhưng Hanna không nói hết câu. “Bà sợ rằng nếu họ chạy trốn thì bà sẽ bị bắt, bị buộc tội và xử bắn?”

“Chúng tôi sẽ không để họ chạy thoát được dễ dàng! Chúng tôi chịu trách nhiệm... Ý tôi muốn nói là chúng tôi đã canh giữ họ suốt thời gian ở trại và trong chuyến đi, có nghĩa là chúng tôi canh giữ họ chứ không cho chạy trốn. Do vậy chúng tôi không biết phải làm gì. Chúng tôi cũng không biết sẽ có bao nhiêu phụ nữ sống sót trong những ngày tới. Đã có nhiều người chết rồi, và những người còn sống cũng yếu đến nỗi...”

Hanna hiểu ra rằng những lời nói ra không có lợi cho mình. Nhưng cô không biết nói gì khác. Cô chỉ biết cố gắng trình bày tốt hơn, miêu tả và giải thích tốt hơn những gì cô định nói mà thôi. Nhưng càng nói nhiều thì chuyện của cô càng tệ đi. Vì không biết phải làm gì, cô quay sang quan tòa.

“Ở địa vị tôi ông sẽ làm gì?”

Nhưng giờ thì cô cũng biết là cô không nhận được câu đáp. Cô không đợi câu trả lời. Chẳng ai đợi câu trả lời. Quan tòa lắc đầu im lặng.

Không phải người ta không tưởng tượng ra tình cảnh tiến thoái lưỡng nan mà Hanna trình bày. Đêm tối, giá buốt, băng tuyết, lửa khói, tiếng phụ nữ gào thét trong nhà thờ, những kẻ đi cùng và ra lệnh cho quần tù đã biến mất - hoàn cảnh không thể đơn giản được. Nhưng nhận ra hoàn cảnh phức tạp liệu có giảm nhẹ nỗi kinh hoàng về những gì các bị cáo đã làm hay đã bỏ mặc không làm? Đâu phải là một tai nạn ô tô trên đường vắng giữa đêm đông lạnh lẽo, có người bị thương, xe cộ nát bét, và người ta không biết phải làm gì? Cũng không phải sự xung khắc giữa hai trách nhiệm đều đòi hỏi chúng ta ra tay? Nghĩa là người ta có thể, nhưng không muốn tưởng tượng ra những gì Hanna trình bày.

“Bà đã viết bản báo cáo?”

“Chúng tôi cùng nhau suy nghĩ nên viết gì. Chúng tôi không muốn đổ tội cho những người đã bỏ trốn, nhưng cũng không muốn tự buộc cho mình đã làm gì sai”.

“Vậy bà nói là mọi người cùng nhau suy nghĩ. Ai là người viết?”

“Mày!” Bị cáo kia lại chỉ tay vào Hanna.

“Không, tôi không viết. Ai viết thì có quan trọng không?”

Một công tố viên đề nghị gọi giám định viên so sánh chữ viết báo cáo với chữ của bị cáo Schmitz.

“Chữ tôi? Ông định so chữ tôi...”

Quan tòa, công tố viên và luật sư của Hanna tranh luận, liệu dạng chữ viết sau hơn 15 năm có còn nguyên để nhận dạng. Hanna chú ý nghe và mấy lần định nói hay hỏi câu gì, về căng thẳng ngày càng lộ rõ. Rồi cô nói: “Các ông không cần gọi giám định viên. Tôi xin nhận là đã viết bản báo cáo”.

27. Chương 27

Tôi không nhớ gì về các buổi học của lớp chuyên đề vào thứ Sáu. Ngay cả khi tưởng tượng ra phiên tòa tôi cũng không nhớ ra là chúng tôi thảo luận khoa học về cái gì. Chúng tôi nói về đề tài gì nhỉ? Muốn biết gì? Giáo sư đã dạy gì?

Nhưng các Chủ nhật thì tôi nhớ. Từ những ngày ở tòa án tôi mang theo về sự thèm khát mới mẻ về sắc màu và mùi vị của thiên nhiên. Vào các ngày thứ Sáu và thứ Bảy tôi đã học đuổi những gì bị lơ do vắng mặt ở trường, đủ để theo kịp trong giờ làm bài tập và hoàn tất được chương trình của học kỳ. Chủ nhật là lúc tôi lên đường.

Núi Heiligenberg, nhà thờ Thánh Michael, tháp Bismarck, đường Philosophenweg, bờ sông - tôi ít thay đổi đường đi từ Chủ nhật này đến Chủ nhật sau. Tôi tìm ra đủ sự phong phú trên đường, vì từ tuần này qua tuần sau đã thấy cây lá màu mỡ hơn, bình nguyên sông Rhein khi thì trong hơi nước nóng rực, khi thì trải dài dưới trời mây đông. Tôi ngửi hương dâu và hoa trong rừng khi mặt trời thiêu đốt, mùi đất và lá mục của năm ngoái khi có mưa. Nói chung, tôi ít cần và ít tìm sự phong phú. Mỗi chuyến đi lại xa hơn chuyến đi trước một chút, kỳ nghỉ này ở nơi mà kỳ trước tôi đã phát hiện và thích nó - một thời gian dài tôi cho là mình nên táo bạo hơn và ép mình đến tận Ceylon, Ai Cập và Brazil, trước khi chuyển sang làm quen kỹ hơn những địa phương mà tôi đã quen. Ở đó tôi nhìn thấy nhiều hơn.

Tôi đã tìm thấy một địa điểm trong rừng, nơi bí mật của Hanna chợt bừng lên trước mắt tôi. Địa điểm ấy không có gì đặc biệt, hồi xưa cũng không có gì đặc biệt, chẳng có một thân cây hay mỏm đá với dáng độc đáo hoặc tầm nhìn khác lạ về hướng thành phố và xuống bình nguyên, chẳng có tí gì khơi gợi liên tưởng bất ngờ. Trong khi suy tư về Hanna, luôn quần quanh hết tuần này đến tuần sau trên những con đường cũ, một ý nghĩ đã tách ra, đi theo con đường riêng của nó và rồi cuộc dẫn đến kết quả. Khi ý nghĩ đó đã chín là nó đã chín. Chuyện có thể xảy ra mọi nơi hay ít nhất thì cũng ở mọi nơi mà môi trường quen thuộc và khung cảnh cho phép nhận diện và đón lấy sự bất ngờ. Sự bất ngờ ấy không ập lên ta từ bên ngoài, mà phát triển từ bên trong. Chuyện xảy ra trên một con đường dốc lên núi, cắt ngang đường ô tô, qua một cái giồng, ban đầu còn luồn dưới những cây cổ thụ, cao và rậm lá, sau đó đi qua đám cây lưa thưa.

Hanna không biết đọc và viết.

Vì thế cô nhờ người khác đọc truyện cho mình. Vì thế cô để tôi đọc và viết trong chuyến đi xe đạp, và hôm thứ Hai ở khách sạn cô phát sốt lên khi bắt được mảnh giấy của tôi, mừng rỡ ra cảnh tôi mong đợi là cô hiểu nội dung mảnh giấy đủ để sợ bị bẽ mặt. Vì thế mà cô trốn tránh đề nghị nâng cấp ở công ty tàu điện; khi làm soát vé thì điểm yếu của cô có thể còn giấu được, trong lớp đào tạo lái tàu ắt sẽ lộ ra. Vì thế mà cô trốn tránh đề nghị nâng cấp ở Siemens và trở thành quản tù. Vì thế mà cô thừa nhận đã viết bản báo cáo để khỏi phải đối mặt với giám định viên. Phải chăng đó là lý do để cô nói văng mạng trong phiên tòa? Vì cô không đọc được cuốn sách của cô gái cũng như bản cáo trạng, không mong đợi gì vào cơ may bào chữa và không được chuẩn bị trước khi ra tòa? Phải chăng đó là lý do mà cô chuyển những cô gái đọc truyện đi Auschwitz để bịt mồm họ, nếu họ chẳng may nhận ra dấu hiệu gì? Và vì thế mà cô chọn ra những cô gái ốm yếu?

Vì thế sao? Tôi hiểu được rằng cô xấu hổ do không biết đọc biết viết nên thà xua đuổi tôi còn hơn bị bẽ mặt. Xấu hổ là lý do cho lối hành xử trốn tránh, chống đỡ, giấu giếm, ngụy tạo và cả xúc phạm nữa, tôi biết cả. Nhưng Hanna xấu hổ không biết đọc biết viết, và đó là lý do cho hành vi của cô trước tòa và trong trại giam? Sự bẽ mặt của một tội phạm sinh ra từ nỗi sợ bẽ mặt do mù chữ? Phạm tội vì sợ bẽ mặt do mù chữ?

Hồi đó và từ đó đến nay đã bao lần tôi tự đặt cho mình những câu hỏi lặp lại. Nếu động cơ của Hanna bắt nguồn từ nỗi sợ bẽ mặt là người mù chữ, tại sao không chọn sự bẽ mặt nho nhỏ do mù chữ thay vì sự bẽ mặt khủng khiếp là tội phạm? Hay cô tưởng là mọi sự sẽ trôi chảy mà không phải chịu bẽ mặt? Hay đơn giản là cô ngu dốt? Liệu cô có hoang tưởng và độc ác đến mức trở thành tội phạm chỉ để trốn tránh nỗi bẽ bàng?

Tôi đã gạt bỏ suy nghĩ đó, từ hồi ấy và luôn luôn từ hồi ấy đến nay. Không, tôi tự nhủ, Hanna không chọn con đường phạm tội. Cô không chọn việc nâng cấp ở Siemens và chẳng may sa chân vào công việc quản tù. Và cô không chuyển những cô gái yếu đi Auschwitz vì trước đó họ đã đọc truyện cho cô nghe, mà chọn họ cho đọc truyện để những tháng cuối cùng trong đời họ được thanh thản, trước khi đăng nào cũng bị đưa đến Auschwitz. Và trước tòa Hanna không cân nhắc giữa sự bẽ bàng do mù chữ và sự bẽ bàng của tội phạm. Đó không phải là tính toán và chiến thuật. Cô chấp nhận bị quy trách nhiệm, không chỉ muốn phải nhận thêm vào do nỗi bẽ bàng. Cô không theo đuổi ý muốn riêng mà đấu tranh cho sự thật và công lý của riêng cô. Sự thật là, công lý ấy - chỉ vì cô luôn luôn phải ngụy tạo chút ít, vì cô không bao giờ được hoàn toàn cởi mở, không bao giờ được là chính mình - là một chân lý thê thảm, một công lý thê thảm, nhưng là của riêng cô, và cuộc đấu tranh giành lấy chân lý và công lý ấy là cuộc đấu tranh của riêng cô.

Chắc chắn là cô đã hoàn toàn kiệt sức. Cô không chỉ đấu tranh trước tòa, cô đã và vẫn luôn đấu tranh, không để chứng minh năng lực của mình, mà để che giấu những bất lực của mình. Một cuộc đời mà những

lúc vùng dậy là những cuộc rút lui hiên ngang, những chiến thắng là những thất bại che đậy.

Giữa sự giằng xé của Hanna khi rời bỏ thành phố quê hương tôi và những tưởng tượng suy diễn của tôi ngày ấy là một nghịch lý làm tôi xúc động khó tả. Tôi đã từng tin chắc là mình đã hắt hủi Hanna qua hành động phản bội và chối bỏ cô, song thực tế là cô chỉ muốn tránh sự bẽ bàng ở công ty tàu điện. Tuy vậy, dù tôi không hắt hủi cô thì cũng chẳng vì thế mà tôi không phản bội cô. Tôi vẫn có tội. Còn nếu tôi không có tội - vì phản bội lại một kẻ tội phạm không quy thành tội - thì tôi vẫn có tội vì đã từng yêu một kẻ tội phạm.

28. Chương 28

Việc Hanna thú nhận đã viết bản báo cáo làm cho tình thế của các bị cáo khác trở nên đơn giản. Cô không hành động đơn phương, mà đã hối thúc, cưỡng ép và đe dọa những người khác. Cô giành lấy vị trí chỉ huy. Cô làm chủ tiếng nói và ngòi bút. Cô quyết định.

Những người dân trong làng làm nhân chứng không thể khẳng định hay phủ định điều đó. Họ nhìn thấy nhiều phụ nữ mặc đồng phục canh giữ ngôi nhà thờ cháy nên không dám mở cửa. Sáng sớm hôm sau họ gặp lại những người đàn bà ấy khi họ khởi hành và nhận ra họ là những bị cáo hôm nay. Nhưng bị cáo nào sáng sớm hôm ấy chỉ huy, và có bị cáo nào chỉ huy hay không, họ không thể nói được.

“Nhưng các bị cáo không loại trừ khả năng là bị cáo kia”, luật sư của một bị cáo khác chỉ tay vào Hanna, “đã ra quyết định?”

Họ không loại trừ khả năng đó được, mà làm sao có thể loại trừ được cơ chứ. Nhìn các bị cáo kia, rõ ràng già hơn, mệt mỏi hơn, hèn nhát hơn và cay cú hơn thì họ cũng chẳng muốn loại trừ. So với các bị cáo kia thì Hanna là cầm đầu. Ngoài ra, nếu có một kẻ cầm đầu thì nhẹ tội cho dân làng; đứng trước một đơn vị có chỉ huy chặt chẽ mà không ra tay cứu giúp thì thuận lợi hơn là không ra tay trước một nhóm đàn bà hỗn loạn.

Hanna tiếp tục đấu tranh. Cô thừa nhận điều nào đúng, phản bác những gì sai. Cô phản bác với sự mãnh liệt ngày càng tuyệt vọng. Cô không lớn tiếng. Nhưng sự mãnh liệt trong câu nói cũng gây phản cảm cho tòa án.

Rốt cuộc thì cô đầu hàng. Cô chỉ nói khi người ta đặt câu hỏi. Cô trả lời cộc lốc, sơ sài, nhiều khi vu vơ. Như thể tỏ ra là mình đã bỏ cuộc, bây giờ trong khi phát biểu cô vẫn ngồi lì trên ghế. Ông chánh án khi mới vào phiên tòa đã nhiều lần nói là cô không phải đứng dậy mà cứ ngồi nói, giữ đây nhìn bằng con mắt phật ý. Thỉnh thoảng vào lúc cuối giờ tôi có ấn tượng là tòa án đã ngán ngẩm, chỉ muốn làm cho xong việc, không còn tập trung nữa mà phiêu diêu nơi khác, trở lại hiện tại sau nhiều tuần trong quá khứ.

Tôi cũng ngán ngẩm. Nhưng tôi không thể làm cho xong việc. Phiên tòa đối với tôi chưa kết thúc mà mới bắt đầu. Tôi đã là khán giả, nay đột nhiên trở thành liên đới, liên can và liên trách nhiệm. Tôi không lựa chọn vai trò ấy, nhưng tôi nhận vai trò ấu dủ muốn hay không, bất kể tôi làm gì hay hoàn toàn thụ động.

Phải làm gì đây - chỉ có một trọng tâm thôi, tôi có thể đến nói với thẩm phán rằng Hanna mù chữ. Rằng cô không khai chủ thể chính và tội phạm chính như những bị cáo kia nặn ra. Rằng lối cư xử của cô trước tòa không phải do cứng đầu, ngoan cố hay bướng bỉnh, mà bắt nguồn từ việc không biết trước cáo trạng và bản thảo, cũng có thể không có khả năng gì về chiến lược và chiến thuật. Rằng cô rất bị hạn chế trong bào chữa. Rằng cô có tội, nhưng không nặng đến mức như ấn tượng bên ngoài.

Có thể tôi không thuyết phục được thẩm phán, nhưng có thể tôi xin ông ta nghĩ lại và xem xét. Kết quả sẽ cho thấy là tôi có lý, và Hanna sẽ bị trừng phạt, nhưng với mức phạt nhẹ hơn. Cô sẽ bị đi tù, nhưng chóng được thả hơn, chóng được tự do hơn - đó không đáng là mục tiêu mà cô vẫn tranh đấu hay sao?

Phải, cô đấu tranh vì thế, nhưng không muốn trả giá cho thành công ấy bằng sự bẽ bàng do mù chữ. Cô sẽ không đồng ý tôi đánh đổi sự bệch bạch của cô lấy mấy năm tù. Tự cô có điều kiện, nhưng lại không chịu đổi chác, nghĩa là cô không muốn. Cô chấp nhận mấy năm tù thay vì sự bệch bạch.

Nhưng nó có đáng giá ấy không? Sự bộc bạch điều trá đã trói chặt cô, làm tê liệt và ngăn cô phát triển? Với năng lượng mà cô vẫn dùng để giữ vững sự dối trá suốt đời ấy, lẽ ra cô đã học đọc học viết xong từ lâu.

Hồi đó tôi thử tranh luận vấn đề này với các bạn. Cậu hãy tưởng tượng ra ai đó lao vào một lỗi bất hạnh, có chủ ý, và mình có thể cứu họ - cậu có cứu không? Cậu hãy tưởng tượng ra một cuộc phẫu thuật và một bệnh nhân, người này dùng loại ma túy có phản ứng với thuốc mê nhưng xấu hổ do dùng ma túy nên không nói cho bác sĩ gây mê biết - cậu có nói cho bác sĩ gây mê biết không? Hãy tưởng tượng ra một phiên tòa và một bị cáo sẽ bị kết án nếu không thú nhận rằng mình thuận tay trái và do vậy không thể là thủ phạm - hành vi gây ra bởi tay phải - khi bị cáo xấu hổ vì mình thuận tay trái, cậu có nói cho thẩm phán biết không? Hãy tưởng tượng ra bị cáo là đồng tính luyến ái và đã đồng tính thì không thể gây hành vi phạm tội, nhưng xấu hổ vì đồng tính. Ở đây không nói đến chuyện có đáng xấu hổ vì thuận tay trái hay đồng tính - hãy cứ đơn giản tưởng tượng là bị cáo xấu hổ.

29. Chương 29

Tôi quyết định nói chuyện với bố. Không phải vì chúng tôi gần gũi đến mức ấy. Bố tôi là người hướng nội, ông không bộc lộ tình cảm với chúng tôi là các con ông, mà cũng chẳng biết đón nhận tình cảm do chúng tôi mang lại. Một quãng thời gian dài tôi vẫn phỏng đoán đằng sau tính cách kín đáo ấy là một kho báu tiềm ẩn. Nhưng về sau tôi tự hỏi, liệu ở đó có gì thật không. Có thể lúc bé và mới lớn lên, bố tôi giàu tình cảm nhưng không thể hiện ra, qua nhiều năm tháng những tình cảm ấy đã khô kiệt và tàn lụi đi.

Song chính vì khoảng cách giữa hai chúng tôi mà tôi muốn trò chuyện với ông. Tôi muốn nói chuyện với một triết gia đã từng chấp bút về Kant và Hegel mà tôi biết rằng đó là những người nghiên cứu về vấn đề đạo lý. Ông cũng có khả năng bàn về vấn đề của tôi ở mức trừu tượng, chứ không như các bạn tôi cứ vướng víu vào những ví dụ hạn chế mà tôi đưa ra.

Khi các con muốn nói chuyện với bố, ông hẹn giờ như hẹn tiếp chuyện sinh viên vậy. Ông làm việc ở nhà, chỉ đến trường đại học khi giảng bài hay hướng dẫn thảo luận. Các đồng nghiệp và sinh viên muốn nói chuyện với ông thì đến nhà. Tôi nhớ là sinh viên xếp hàng trong hành lang, đứng dựa lưng vào tường chờ đến lượt. Vài người đọc sách, những người khác ngắm tranh thành phố treo ở hành lang, người khác nữa nhìn vào hư vô, tất cả im lặng, chỉ lúng túng chào khi bọn trẻ chúng tôi vừa chào vừa đi qua hành lang. Chúng tôi thì không đợi ở hành lang khi bố hẹn giờ, nhưng cũng phải gõ cửa phòng làm việc đúng giờ đã hẹn trước và được gọi vào.

Tôi biết hai phòng làm việc của bố. Phòng thứ nhất là nơi Hanna vừa đi qua vừa lấy ngón tay đếm gáy sách, có cửa sổ nhìn ra phố và dãy nhà. Cửa sổ phòng thứ hai quay ra sông Rhein. Ngôi nhà nằm ở sườn núi phía trên thành phố, chúng tôi chuyển đến đây đầu những năm sáu mươi và bố mẹ tôi còn ở lại đó khi các con đã lớn. Các cửa sổ ở cả hai phòng không mở rộng không gian ra thế giới, mà biến thế giới thành bức tranh treo lên tường. Phòng làm việc của bố tôi là một cái vỏ bọc mà trong đó sách ở, giấy má, tư tưởng, khói thuốc lá và xì gà tạo ra một bầu khí quyển khác với thế giới bên ngoài. Đối với tôi vừa quen lại vừa lạ.

Bố bảo tôi hãy trình bày vấn đề của mình, ở dạng trừu tượng và ở dạng thí dụ. “Chuyện liên quan đến phiên tòa, đúng không?” Nhưng ông lắc đầu để cho tôi hiểu là ông không đợi câu trả lời, không gắng hỏi tôi, không muốn biết bất cứ điều gì mà tôi không tự muốn thổ lộ. Rồi ông ngồi nghiêng đầu, hai tay bám chặt vào thành ghế và suy nghĩ. Ông không nhìn tôi. Tôi ngắm bố, ngắm mái tóc bạc, gò má luôn luôn cạo dối, nếp nhăn sau giữa hai mắt và từ cánh mũi xuống khóe miệng. Tôi chờ.

Rồi ông nhập đề từ xa. Ông giảng cho tôi về cá nhân, tự do và phẩm giá, về con người là chủ thể, và không được phép biến con người thành khách thể. “Con có nhớ hồi bé con đã nổi cáu ra sao, khi mẹ biết rõ hơn con là cái gì tốt cho con? Được phép làm việc đó với trẻ con đến mức độ nào, thật sự đã là một vấn đề. Một vấn đề triết học, nhưng triết học không quan tâm đến trẻ con, mà đẩy chúng sang cho sự phạm là lĩnh vực không hay lắm cho chúng. Triết học đã bỏ quên trẻ con”. Ông mỉm cười với tôi, “vĩnh viễn bỏ quên chúng, chứ không thỉnh thoảng như bố đối với các con đâu”.

“Nhưng...”

“Nhưng đối với người lớn thì bố tuyệt đối không thấy lời biện hộ nào cho việc đánh giá một điều tốt đối với người khác cao hơn là người đó tự đánh giá điều gì tốt cho mình”.

“Kể cả khi người ấy về sau thấy thỏa mãn?”

Ông lắc đầu. “Chúng ta không bàn đến thỏa mãn, mà bàn đến phẩm giá và tự do. Lúc nhỏ con đã biết sự khác biệt ra sao. Con không bằng lòng đâu, khi mẹ lúc nào cũng đúng”.

Đạo này tôi ưa nhớ lại cuộc nói chuyện với bố. Tôi đã quên nó cho đến sau khi ông qua đời, lúc tôi lục lại trong đáy sâu hồi ức để tìm ra những lần gặp gỡ, kỷ niệm và trải nghiệm đẹp đẽ với ông. Khi đã tìm thấy, tôi ngạc nhiên và sung sướng chiêm ngưỡng. Hồi đó, thoát tiên tôi bối rối trước sự trộn lẫn trừu tượng và cụ thể. Sau đó tôi suy diễn lời ông nói, rằng tôi không nhất thiết phải nói chuyện, hoàn toàn không được phép nói chuyện với ông thăm phán, và thấy thanh thản trong người.

Bố tôi đọc ra ý nghĩ ấy. “Con thích kiểu triết học đó à?”

“Không hẳn, trong tình thế mà con vừa kể lại thì con không biết là có phải hành động không, và thật ra con không bằng lòng với ý nghĩ người ta phải hành động. Giờ thì người ta hoàn toàn không được phép hành động. Con thấy thế là...” Tôi không biết nên nói gì. Thanh thản? Yên tâm? Dễ chịu? Nghe không có vẻ đạo đức và trách nhiệm. Con thấy thế là tốt - nghe có vẻ đạo đức và trách nhiệm, nhưng tôi không thể nói rằng tôi thấy đó là tốt, là hơn cả thanh thản.

“Dễ chịu?” bố tôi gợi ý.

Tôi gật đầu và nhún vai.

“Không có giải pháp dễ chịu cho vấn đề của con. Tất nhiên là người ta phải hành động, khi tình thế mà con vừa kể là tình thế đẩy đến cho ta một trách nhiệm hay buộc ta đảm nhận trách nhiệm đó. Khi ta biết điều gì tốt cho người khác mà người ấy vẫn không biết, ta phải tìm cách khiến họ mở mắt ra. Ta phải dành cho họ quyết định cuối cùng, nhưng phải nói chuyện với họ, nói thẳng với họ chứ không nói sau lưng họ với người khác”.

Nói chuyện với Hanna? Tôi phải nói gì với cô? Rằng tôi đã nhận ra sự dối trá của đời cô? Rằng cô đang sắp hy sinh cả cuộc đời mình cho sự dối trá ngu xuẩn ấy? Rằng sự dối trá ấy không đáng để hi sinh? Rằng lẽ ra cô nên đấu tranh để không phải ngồi tù lâu hơn mức cần thiết, rồi sau đó còn nhiều việc trong đời cần làm nữa? Nhưng việc gì cơ chứ? Dù ít hay nhiều - cô còn việc gì trong đời? Liệu tôi có được phép loại bỏ sự dối trá khỏi đời cô mà lại không mở cho cô một viễn cảnh sống? Viễn cảnh dài hạn thì tôi không biết, tôi cũng chẳng biết đứng trước mặt cô ra sao để nói cho cô biết rằng, đúng thôi, đối với những gì mà cô đã làm thì viễn cảnh ngắn hạn và trung hạn sẽ là nhà giam. Tôi không biết nên đứng trước mặt cô ra sao để nói với cô bất cứ điều gì.

Tôi hỏi bố: “Còn nếu không nói được với họ thì sao?”

Ông nhìn tôi nghi hoặc, và tôi tự biết là câu hỏi đi chệch sự việc. Chẳng có gì để nói về đạo lý nữa. Tôi chỉ còn phải hạ quyết định nữa mà thôi.

“Bố đã không giúp con được”. Bố tôi đứng dậy, tôi cũng đứng lên theo. “Không, con không phải đi, bố chỉ đau lưng thôi”. Ông lom khom ép hai tay vào vùng thắt. “Bố không thể nói rằng đáng tiếc không giúp con được, nghĩa là với tư cách một triết gia đã được con hỏi. Đối với người bố, không giúp được con mình thì buồn quá”.

Tôi chờ, nhưng bố không nói tiếp. Tôi cho rằng ông đã đơn giản hóa sự việc; tôi biết khi nào ông lẽ ra có thể chăm sóc con cái nhiều hơn, lẽ ra có thể giúp được các con nhiều hơn. Rồi tôi nghĩ rằng có thể chính ông cũng biết điều đó và cảm thấy đau lòng. Nhưng dù sao chẳng nữa, tôi không thể nói ra câu gì với bố. Tôi thấy khó xử, và linh cảm rằng ông cũng thấy khó xử.

“Vậy thì...”

“Con có thể đến đây lúc nào cũng được”. Bố nhìn tôi. Tôi không tin ông. Và gật đầu.

30. Chương 30

Tháng Bảy. Các thành viên tòa án bay sang Israel hai tuần. Lấy cung ở đó mất vài hôm là xong, nhưng các thẩm phán và công tố viên kết hợp công việc tòa án với du lịch, đến Jerusalem và Tel Aviv, Negev và Hồng Hải. Xét về nguyên tắc công vụ, nghỉ ngơi và chi phí thì chắc chắn cũng ổn. Tuy nhiên tôi thấy chuyện đó kỳ cục.

Tôi dự định hai tuần ấy hoàn toàn dành cho học hành. Nhưng nó không diễn ra như tôi tưởng tượng và dự kiến. Tôi không thể tập trung theo dõi bài học, giáo sư và sách vở. Chốc chốc đầu óc tôi lại phiêu lãng tận đâu đâu và chìm vào những hình ảnh.

Tôi nhìn thấy Hanna bên nhà thờ bốc lửa, với khuôn mặt rắn đanh, quần phục đen và roi quất ngựa. Cô lấy roi vẽ những hình ảnh ngoằn ngoèo trên tuyết và đập vào thân ửng. Tôi nhìn thấy Hanna bảo người khác đọc truyện cho mình nghe. Cô chăm chú lắng nghe, không hỏi, không nhận xét. Khi giờ đọc kết thúc, cô báo với cô gái đọc truyện là ngày mai bị chuyển đi Auschwitz. Cô gái đọc truyện, một tạo vật nhom nhem tóc đen cạo lớm chớm và cặp mắt cận thị òa khóc. Hanna đập tay lên tường, hai phụ nữ bước vào, cũng là tù nhân trong bộ đồ kẻ sọc, và lời cô gái đọc truyện ra ngoài. Tôi nhìn thấy Hanna đi dọc con đường trong trại giam, bước vào lán gỗ và giám sát công tác xây dựng. Cô làm mọi việc với khuôn mặt rắn đanh, ánh mắt giá lạnh và mồm mím chặt muôn thuở, còn tù nhân rúm người, công lưng làm việc, ép sát vào tường, lún vào tường, muốn biến mất trong tường. Đôi khi có nhiều tù nhân xuất hiện hoặc chạy đôn chạy đáo, xếp hàng hay hành quân, Hanna đứng trong đám ấy và quất tháo ra lệnh, khuôn mặt quất tháo biến dạng kinh tởm, quất roi ngựa thúc giục. Tôi nhìn thấy tháp chuông đổ ập lên khung mái và những tia lửa bắn tung tóe lên, nghe thấy âm thanh tuyệt vọng của những người đàn bà. Tôi nhìn thấy nhà thờ cháy rụi trong buổi sớm hôm sau.

Cạnh những hình ảnh đó tôi thấy những hình ảnh khác. Hanna đi tắt trong bếp, Hanna giữ ấm khăn bông trước bồn tắm, Hanna vấy tung bay trên xe đạp, Hanna trong phòng làm việc của bố tôi, Hanna nhảy múa trước gương, Hanna ở trong bể bơi nhìn về phía tôi, Hanna lắng nghe tôi, nói với tôi, cười với tôi, yêu tôi. Thật kinh khủng khi những hình ảnh ấy bị sáo trộn lẫn nhau. Hanna yêu tôi với ánh mắt giá lạnh và mồm mím chặt, Hanna yên lặng nghe tôi đọc truyện và xong rồi thì đập tay lên tường, Hanna nói chuyện với tôi trong khi khuôn mặt biến dạng kinh tởm. Khủng khiếp nhất là những giấc mơ mà trong đó Hanna rắn đanh, hồng hách, tàn bạo kích động nhục cảm của tôi, và chúng khiến tôi bừng tỉnh trong khát khao, tủi hổ và cảm giận. Và trong nỗi lo sợ: đó là tôi thật sao?

Tôi biết rằng những hình ảnh trong tưởng tượng chỉ là những hình rập khuôn thảm hại, không phù hợp với một Hanna như tôi từng biết và đang biết. Tuy thế, chúng chứa một sức mạnh đủ nghiền nát những hình ảnh hồi ức về Hanna và hòa trộn với những hình ảnh của trại tập trung mà tôi có trong đầu.

Bây giờ, khi nghĩ về thời kỳ ấy tôi thấy nổi bật một điều là thật ra có quá ít cách nhìn, qua ít hình ảnh thể hiện cuộc sống và cái chết ở các trại tập trung. Chúng ta biết Auschwitz qua cánh cửa với hàng chữ bên trong, những phản gỗ nhiều tầng, đồng tóc và kính và va li, chúng ta biết Birkensen qua ngôi nhà có tháp cao ở cổng vào, dây nhà ngang, đường ray tàu hỏa xuyên qua, chúng ta biết Bergen-Belsen qua núi xác người mà quân đồng minh phát hiện và chụp ảnh hôm giải phóng trại. Chúng ta đọc một vài lời thuật lại đã được công bố ngay sau chiến tranh và mãi đến thập kỷ 80 mới được tái bản, giữa hai thời điểm ấy chúng không nằm trong chương trình của các nhà xuất bản. Ngày nay có nhiều sách và phim đến nỗi thế giới trại tập trung là một phần của thế giới tập thể tưởng tượng lẫn hoàn thiện thế giới tập thể hiện hữu. Trong thế giới ấy có đủ chỗ cho trí tưởng tượng, và từ khi có bộ phim nhiều tập Holocaust, phim truyện Sự lựa chọn của Sophie và đặc biệt là Danh sách Schindler, trí tưởng tượng trở nên sống động trong thế giới ấy, không những chỉ được lĩnh hội mà còn bổ sung và thêm thắt. Hồi ấy trí tưởng tượng hầu như không sinh động, nó cho rằng sự sinh động ấy không phù hợp với nỗi kinh hoàng mà thế giới trại tập trung gây ra. Nó nhìn đi nhìn lại mấy bức tranh từ ảnh chụp của quân đồng minh và hồi ức của tù nhân cho đến khi chúng đông cứng thành rập khuôn.

31. Chương 31

Tôi quyết định phải lên đường. Nếu tôi có điều kiện đứng dậy đi ngang ngay đến Auschwitz thì tôi cũng làm. Nhưng cần mấy tuần lễ để xin thị thực nhập cảnh. Vì vậy tôi đến Struthof ở Alsace là trại tập trung gần nhất. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một trại tập trung. Tôi muốn để thực tại xóa đi những rập khuôn.

Tôi vậy xe đi nhờ và còn nhớ chuyến đi trên một chiếc xe tải mà người lái xe uống hết chai bia này đến chai bia khác, nhớ đến một người lái chiếc Mercedes đi găng tay trắng. Qua Strasbourg tôi gặp may, chiếc xe ấy đi về Schirmeck, một thành phố gần Struthof.

Khi tôi kể cho người lái xe đích đến cụ thể, ông im lặng. Tôi nhìn sang ông nhưng không nhận ra trên nét mặt ông lý do gì khiến ông đang sôi nổi trò chuyện bỗng dừng im bật. Ông đã đứng tuổi, khuôn mặt gân guốc, thái dương trái có vết tràm hay vết bỏng đỏ sẫm, tóc đen chải thành vệt và rẽ ngôi nghiêm chỉnh. Ông chăm chú quan sát mặt đường.

Phía trước mặt là những quả đồi của vùng đất trũng sắp chấm dứt. Chúng tôi đi qua những đồi nho, tới một thung lũng rộng, hơi dốc lên. Bên phải và bên trái là cánh rừng pha tạp bao phủ sườn đồi, thỉnh thoảng thấy một bãi khai thác đá, một nhà máy xây bằng gạch mái nhấp nhô, một trại an dưỡng cũ kỹ, một biệt thự lớn với những tháp nhọn nhỏ giữa những tán cây cao, đường tàu hỏa lúc bên phải, lúc bên trái đường.

Sau đó ông lại nói tiếp. Ông hỏi tại sao tôi đi thăm Struthof, tôi kể về phiên tòa và cách nhìn hững hờ của tôi.

“À, thì ra anh muốn hiểu tại sao con người có thể làm những chuyện kinh khủng như thế”. Giọng ông nghe có chút gì mỉa mai. Nhưng có thể đó chỉ là pha âm hưởng của giọng nói và tiếng địa phương. Trước khi tôi kịp trả lời ông đã nói tiếp: “Thật ra anh muốn ngộ ra điều gì? Rằng người ta giết người vì đam mê, vì tình, hay vì căm ghét, hay vì danh dự và phục thù, anh hiểu chứ?”

Tôi gật đầu.

“Anh cũng hiểu rằng người ta giết người vì tiền bạc hay quyền lực? Rằng người ta giết người trong chiến tranh hay trong cách mạng?”

Tôi gật đầu tiếp. “Nhưng...”

“Nhưng những người ở trại tập trung không làm gì phương hại đến kẻ giết họ, anh định nói thế chứ gì? Anh định nói là ở đó chẳng có lý do để căm ghét, và chẳng có chiến tranh?”

Tôi không muốn gật đầu tiếp. Những gì ông ta nói thì đúng, nhưng cách ông nói ra thì không.

“Anh có lý, không có chiến tranh và không có ký do để căm ghét. Nhưng tên đao phủ tuy không ghét kẻ tử tội mà vẫn cứ hành quyết kẻ đó. Vì hấn bị ra lệnh chứ gì? Anh cho là hấn hành động vì bị ra lệnh? Và anh cho rằng tôi đang nói về mệnh lệnh và sự tuân thủ, về nhân viên trong trại bị ra lệnh và họ phải tuân lệnh?” Ông cười khinh miệt. “Không, tôi không nói đến mệnh lệnh và sự tuân thủ. Đao phủ không tuân thủ lệnh nào. Hấn làm công việc của hấn, không ghét những người hấn hành quyết, không trả thù gì họ, không giết họ vì họ cản chân hấn hay đe dọa hoặc công kích hấn. Hấn hoàn toàn đứng dưng trước họ, đứng dưng đến mức giết họ hay để họ sống cũng như nhau”.

Ông chăm chú nhìn tôi. “Không nhưng nữa à? Nói đi chứ, anh hãy nói là không người nào được phép đứng dưng như vậy trước người khác. Anh không được học điều đó à? Đoàn kết với tất cả những gì có nhân diện? Phẩm giá con người? Sùng kính sự sống?”

Tôi tức tối và bất lực. Tôi lục tìm một chữ, một câu khả dĩ phủi bằng những gì ông ta vừa nói và khiến ông ta câm miệng.

“Đã có lần”, ông nói tiếp, “tôi xem một tấm ảnh chụp cảnh xử bắn người Do Thái ở Nga. Những người Do Thái trần truồng đứng thành một hàng dài, có mấy người đứng cạnh mép hố, sau họ là lính dùng súng bắn họ vào gáy. Vụ xảy ra ở một bãi khai thác đá, phía trên đám người Do Thái và lính trắng là một viên sĩ quan ngồi trên bệ vách, thả chân đung đưa và hút thuốc. Trông anh ta có vẻ ngán ngẫm, có thể vì công việc không chóng vánh như anh ta muốn. Nhưng anh ta có gì đó hài lòng trên nét mặt, thậm chí vui thích, có

lẽ vì ít nhất thì công việc hôm nay đang tiến hành và sắp hết ngày rồi. Anh ta không ghét người Do Thái. Anh ta không...”

“Đó là ông chứ gì? Ông ngồi trên vách đá đó và...”

Ông ta dừng xe. Mặt xám bệch, và vết chàm trên thái dương ửng đỏ. “Cút!”

Tôi xuống xe. Ông ta quay xe sát sạt làm tôi phải nhảy vội sang bên. Tôi còn nghe tiếng xe ở mấy khúc rẽ. Sau đó là tĩnh mịch.

Tôi đi theo đường lên dốc. Không có xe nào vượt tôi, không xe nào đi ngược lại. Tôi nghe tiếng chim, tiếng gió trong tán cây, đâu đó có tiếng suối chảy. Tôi thở khoan khoái. Mười năm phút sau tôi đến trại tập trung.

32. Chương 32

Mới đây tôi lại đến Struthof vào một ngày đông trong trẻo và lạnh giá. Đi qua Schirmeck là rừng ngập tuyết, phủ trắng cây cối và nền đất. Khuôn viên của trại tập trung là một khoảnh đất thuôn dài trên nền đồi dốc xuống với tầm nhìn xa xuống vùng đất trũng trắng xóa dưới ánh mặt trời. Những tháp canh hai, ba tầng và dây lán quét sơn xanh xám tương phản thân thiện trên tuyết. Dĩ nhiên, có cổng vào chẳng mất cáo mạng dòng chữ Struthof-Natzweiler và quanh trại là hai lớp rào dây thép gai. Nhưng nền đất giữa những lán gỗ còn sót lại bị lấp dưới lớp tuyết phủ lóng lánh, nơi ngày xưa các lán xây sát nhau, không nó gọi lại chút gì về trại giam nữa. Có thể lẫn nó với sườn dốc trượt tuyết cho bọn trẻ con đang nghỉ đông trong những lán gỗ thân thiện có cửa sổ chia ô ấm cúng, và người ta sắp gọi chúng vào nhà uống cacao nóng.

Trại giam đóng cửa. Tôi dò dẫm đi lại trong tuyết và ướt cả chân. Có thể nhìn sâu vào khu trại và nhớ lại hôm xưa, khi đến đây lần đầu, tôi đo bước chân dọc những bậc thang giữa móng tường của những lán gỗ bị dỡ đi ra sao. Tôi cũng nhớ đến những là thiêu người mà ngày xưa người ta trưng bày trong lán, và trong một lán khác là các xà lim. Tôi nhớ hồi đó đã cố gắng vô ích ra sao để mượn tượng cụ thể ra cảnh trại giam đầy tù nhân và lính gác cũng như nỗi khổ ải ở đó. Thật sự là tôi có cố gắng ngắm nghía một lán gỗ, nhắm mắt lại và xếp những lán gỗ như thể sát vào nhau trong tưởng tượng. Tôi lấy bước chân đo lán, dựa theo tờ hướng dẫn tham quan để tính ra số lượng tù nhân và tưởng tượng ra cảnh chật ních. Tôi được biết là những bậc thang giữa các lán được dùng làm nơi điểm danh và nghĩ ra những tấm lưng sát cạnh nhau trên các bậc từ đầu trại đến cuối trại. Nhưng nhọc công vô ích, và tôi thấy mình bất lực đến thăm hại và xấu hổ. Trên đường về tôi thấy ở chân dốc một ngôi nhà nhỏ đối diện quán ăn, ghi là phòng hơi ngạt. Nhà quét màu trắng, cửa ra vào và cửa sổ có viền khung sa thạch, có thể coi là kho đựng rom cỏ hay nhà ở của lao động cũng được. Ngôi nhà ấy cũng đóng, tôi nhớ là ngày xưa đã vào bên trong rồi. Tôi dừng xe một lát để nhìn ra nhưng không tắt động cơ, rồi lại đi tiếp.

Mới đầu tôi ngại đi quanh co qua các làng xóm của vùng Alsace trên đường về nhà và tìm quán ăn. Nhưng nỗi ngại ngần ấy không xuất phát từ linh cảm nào rõ rệt, mà do suy nghĩ, sau khi đến xem một trại tập trung người ta phải có cảm xúc gì. Tôi tự nhận ra điều đó, nhún vai và tìm thấy ở cuối dốc một quán ăn mang tên Cậu bé. Từ chỗ ngồi, tôi có thể nhìn ra vùng đất trũng. Hanna vẫn gọi tôi là cậu bé.

Lần đầu đến xem trại tập trung, tôi đi quanh quẩn cho đến giờ đóng cửa. Sau đó tôi ngồi xuống bên đài kỷ niệm phía trên trại giam và nhìn xuống khu trại. Tôi thấy cực kỳ trống trải trong lòng, tựa như khi đi xem tôi đã không tìm gì ngoài trại, mà tìm ngay trong chính mình và nhận ra là trong tôi chẳng có gì.

Trời đã tối. Tôi phải chờ một tiếng trước khi một chiếc xe tải không mui cho tôi leo lên sàn chở hàng và đi đến ngôi làng gần đó. Tôi bỏ ý định vẫy xe đi nhờ về đến nhà trong cùng ngày. Tôi kiếm được một phòng trọ rẻ ở quán ăn trong làng, gọi một lát thịt mỏng dính với khoai tây và tỏi.

Ở bàn bên cạnh, bốn người đàn ông ăm ỉ chơi bài. Cửa mở, một ông già nhỏ thó bước vào. Ông mặc quần ngắn, có một chân gỗ. Ông gọi một cốc bia ở quầy. Ông quay lưng và cái sọ to tướng hói trụi lại với bàn bên. Mấy người đang chơi đặt bài xuống, moi trong gạt tàn mấy đầu mẩu thuốc và ném trúng ông. Ông già đứng bên quầy hươ tay sau gáy như đuổi ruồi. Chủ quán đem bia lại. Không ai nói gì.

Tôi không nhìn được, đứng dậy đi đến bàn bên. “Các ông thôi đi!” tôi giận run. Đúng lúc đó ông già nhảy lò cò lại gần, ngó ngoáy đùi rồi chợt cầm chiếc chân gỗ trong tay và nện đánh rầm lên mặt bàn làm cốc chén và gạt tàn nhảy tung rồi thả phịch người xuống chiếc ghế trống vừa cười hình hích với chiếc mồm móm, những người khác cũng cười theo, tiếng cười ồn ã của hơi men. “Các ông thôi đi!”, họ cười và chỉ tay vào tôi. “Các ông thôi đi!”

Buổi đêm gió thổi như bão quanh nhà. Tôi không thấy lạnh, và tiếng gió hú, tiếng cành cây nghiêng và thỉnh thoảng tiếng cửa sổ đập cũng không to đến mức khiến tôi phải mất ngủ. Nhưng trong lòng tôi xáo động càng lúc càng dữ, đến lúc tôi run khắp người. Tôi kinh hãi, không phải vì đợi chuyện gì khủng khiếp xảy ra, mà vì thể trạng mình. Tôi nằm đó, lắng nghe tiếng gió và thở phào khi thấy gió nhẹ và lặng dần, chỉ sợ nó lại mạnh lên và không biết ngày mai làm sao thức dậy để vẫy xe đi nhờ về nhà, tiếp tục học hành và tương lai có công việc, có vợ con.

Tôi vừa muốn thấu hiểu vừa muốn lên án tội ác của Hanna. Nhưng nó quá ghê rợn. Nếu tôi cố thấu hiểu tội ác ấy thì lại có cảm giác không thể lên án nó ở mức độ xứng đáng. Nếu tôi lên án nó ở mức độ xứng đáng thì không có chỗ cho sự thấu hiểu. Nhưng đồng thời tôi muốn hiểu Hanna; không hiểu cô sẽ đồng nghĩa với phản bội cô lần nữa. Tôi không đến được hồi kết. Tôi muốn đương đầu với cả hai: thấu hiểu và lên án. Nhưng cả hai đều bất thành. Ngày hôm sau lại là một ngày hè tuyệt đẹp. Vẫy được xe ngay, vài tiếng sau tôi về đến nhà. Tôi đi qua thành phố, cứ như vắng mặt lâu lắm; phố xá, nhà cửa và mọi người đều lạ. Nhưng thế giới xa lạ của trại tập trung không vì thế mà nhích lại gần tôi hơn. Ấn tượng về Struthof hòa đồng vào một vài hình ảnh của Auschwitz, Birkenau và Bergen-Belsen mà tôi đã sẵn có, và đông cứng lại cùng chúng.

33. Chương 33

Rồi tôi vẫn tìm gặp ông thẩm phán. Tôi không đủ sức đến với Hanna. Nhưng chẳng làm gì thì tôi cũng không chịu nổi.

Tại sao tôi không thể nói chuyện với Hanna? Cô đã bỏ tôi đi, đã làm tôi lầm tưởng, cô không phải là người mà tôi trông thấy hay tưởng tượng ra trong cô. Và tôi đã là gì trong mắt cô? Thằng nhỏ đọc truyện mà cô sử dụng, thằng nhỏ làm tình để cô tiêu khiển? Liệu cô có thể chuyển tôi đến phòng hơi ngạt nếu cô không rời bỏ tôi được, nhưng lại muốn tống tôi đi?

Tại sao tôi không chịu nổi nếu không làm gì? Tôi tự nhủ là tôi phải ngăn chặn một bản án sai, tôi phải làm gì vì công lý, không dính dáng gì đến sự dối trá trọn đời của Hanna, nghĩa là công lý cho Hanna và chống Hanna. Nhưng tôi không thật sự vì công lý. Tôi không thể bỏ mặc Hanna, cho dù cô đã thế nào hay muốn như thế nào. Tôi phải can thiệp vào chuyện của cô, phải đạt được một dạng ảnh hưởng hoặc tác động đến cô, nếu không trực tiếp thì gián tiếp.

Thẩm phán đã biết lớp chuyên đề chúng tôi và sẵn sàng tiếp chuyện tôi sau một phiên xử. Tôi gõ cửa, được gọi vào, chào hỏi và ngồi xuống chiếc ghế trước bàn giấy. Chiếc áo choàng vắt trên tựa lưng và thành ghế. Ông đã mặc nguyên áo choàng ngồi xuống và thả nó tụt xuống. Trông ông thanh thoi như một người vừa xong công việc trong ngày và hài lòng với nó. Thiếu vẻ lúng túng mà ông vẫn nấp đằng sau nó trong phiên tòa, ông có một khuôn mặt viên chức dễ mến, thông minh và vô hại. Ông bắt chuyện ngay và hỏi tôi đủ thứ. Nào là lớp tôi nghĩ gì về phiên tòa, giáo sư chúng tôi định dùng biên bản làm gì, chúng tôi đang ở học kỳ mấy, tôi ở học kỳ mấy, tại sao tôi học Luật, bao giờ tôi thi tốt nghiệp, tôi phải chú ý để không đăng ký thi quốc gia quá trễ.

Tôi trả lời mọi câu hỏi. Sau đó tôi nghe ông kể về hồi ông đi học và thi ra sao. Ông làm mọi việc đều ổn. Ông làm mọi bài tập cần thiết và cuối cùng là bài thi đúng thời điểm và thành công. Ông thích nghề luật và thẩm phán, và nếu phải làm lại lần nữa công việc đã làm thì ông sẽ làm hết như thế.

Cửa sổ để ngỏ. Từ bãi đỗ xe có tiếng ô tô đóng cửa và động cơ nổ. Tôi nghe theo tiếng xe cho đến khi tiếng

động bị nuốt đi trong tiếng xe cộ ồn ào. Sau đó có tiếng trẻ con chơi đùa âm ỉ ở bãi đỗ đã trống. Đôi khi nghe thấy rõ vài âm thanh vắng tục hay gọi nhau.

Thẩm phán đứng dậy và từ biệt tôi. Tôi được phép quay lại nếu còn câu hỏi nào nữa. Hoặc cần lời khuyên nào về học hành. Và lớp chuyên đề nên cho ông biết sẽ tổng kết và đánh giá phiên tòa ra sao.

Tôi đi qua bãi đỗ trống vắng. Tôi hỏi một đứa trẻ con khá lớn đường ra ga. Nhóm đi cùng xe đã quay về ngay sau phiên xử, tôi phải đi tàu hỏa. Đó là chuyến tàu tan tành, ga nào cũng dừng, người lên người xuống, tôi ngồi cạnh cửa sổ, xung quanh liên tục có người mới, chuyện mới và mùi vị mới. Bên ngoài là nhà cửa trôi qua, phố xá, ô tô, cây cối và xa nữa là núi đồi, thành cổ và bãi khai thác đá. Tôi nhìn thấy tất cả và không cảm thấy gì. Tôi không còn thấy xúc phạm vì bị Hanna bỏ, nói dối và sử dụng. Tôi cũng không việc gì phải can thiệp vào chuyện của cô nữa. Tôi nhận ra sự tẻ nhạt trong khi theo dõi những sự kiện khủng khiếp ở phiên tòa đã đề lên cảm giác và suy nghĩ của mấy tuần vừa qua. Nói là tôi vì vậy mà vui mừng thì quá lời. Nhưng tôi cho rằng thế là ổn. Nó tạo cho tôi con đường quay về với cuộc sống bình thường và tiếp tục sống trong đó.

34. Chương 34

Cuối tháng Bảy thì án được tuyên. Hanna lĩnh án chung thân. Những người kia bị phạt tù.

Phòng xử án đầy kín người như hôm khai mạc. Nhân viên tòa án, sinh viên trường tôi và một trường địa phương, một lớp phổ thông, phóng viên trong và ngoài nước và những người vẫn luôn có mặt tại các phòng xử án.Ồn ào. Khi các bị cáo được dẫn vào, mới đầu không ai chú ý đến họ. Nhưng sau đó khán giả im bật, những người im tiếng đầu tiên ngồi ở hàng ghế trước, gần các bị cáo. Họ hích người ngồi bên cạnh và quay xuống những người ngồi đằng sau họ. “Nhìn kia”. Họ thì thào, và những người nhìn lên cũng im tiếng, hích người bên cạnh, quay xuống hàng sau và thì thào “Nhìn kia”. Cuối cùng, phòng xử án im phăng phắc.

Tôi không rõ, liệu Hanna có biết mình trông ra sao, liệu cô thậm chí có định xuất hiện như thế. Cô mặc một bộ đồ đen, áo sơ mi trắng, và kiểu may cộng với cà vạt trên sơ mi làm cô trông như mặc đồng phục. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy đồng phục của phụ nữ làm việc cho SS. Nhưng tôi nghĩ, cũng như tất cả khán giả nghĩ rằng phụ nữ làm việc cho SS có bộ đồng phục như thế, và việc đó chính là lý do khiến Hanna bị truy tố.

Khán giả lại bắt đầu thì thào. Nhiều người công phẫn ra mặt. Họ cho rằng Hanna phỉ báng phiên tòa, bản án và cả họ, những người đến nghe tuyên án. Họ làm ồn lên, vài người réo lên cho Hanna biết họ nghĩ gì về cô. Cho đến khi hội đồng xét xử tiến vào và thẩm phán đọc lời tuyên án sau khi bối rối đưa mắt nhìn về phía Hanna. Hanna đứng nghe, dáng đứng nghiêm và bất động. Trong khi đọc lý do bản án thì cô ngồi. Tôi không rời mắt khỏi đầu và gáy cô.

Đọc bản án mất mấy tiếng. Khi vụ xử kết thúc và các bị cáo bị dẫn đi, tôi đợi xem Hanna có nhìn về phía tôi. Tôi vẫn ngồi chỗ mọi khi. Nhưng cô nhìn thẳng và nhìn xuyên qua tất cả. Một ánh mắt kiêu hùng, thương tổn, lạc lõng và mệt mỏi vô biên. Một ánh mắt không muốn thấy ai, không muốn thấy gì.

35. Chương 35

Mùa hè sau vụ án tôi chỉ ở trong phòng đọc của thư viện trường đại học. Tôi đến khi phòng đọc mở cửa và về khi đóng cửa. Cuối tuần tôi học ở nhà. Tôi học cắm cúi và mê muội, đến nỗi mọi tình cảm và ý nghĩ vốn đã bị phiên tòa làm tẻ nhạt thì nay vẫn giữ nguyên trạng thái tẻ nhạt. Tôi tránh tiếp xúc. Tôi chuyển ra khỏi nhà, thuê một phòng, cự tuyệt cả mấy mống quen mặt vẫn bắt chuyện tôi ở phòng đọc hay đôi khi ở rạp xem phim.

Trong học kỳ mùa đông hầu như tôi cũng không cư xử khác đi. Mặc dù vậy tôi vẫn được hỏi có đi trượt tuyết cùng một nhóm sinh viên trong kỳ nghỉ lễ Giáng sinh. Tôi ngạc nhiên nhận lời.

Tôi trượt tuyết không giỏi, nhưng ham, và ưa trượt nhanh, có thể sánh cùng những ai trượt giỏi. Nhiều khi tôi liều lĩnh bất chấp nguy cơ tai nạn khi trượt dốc dốc là môn mà thật ra tôi không đủ trình độ. Tôi cố tình làm thế. Một sự liều mạng khác mà tôi dẫn vào và rốt cuộc cũng xảy ra thì tôi hoàn toàn không nhận ra.

Tôi không bao giờ biết lạnh. Trong khi mọi người mặc áo len và áo khoác đi trượt tuyết thì tôi mặc sơ mi. Bọn họ chỉ lắc đầu nhìn và trêu chọc tôi. Nhưng ngay cả những lời cảnh báo lo lắng của họ tôi cũng không quan tâm. Khi mới chớm ho, tôi cho rằng do hút loại thuốc lá của Áo. Lúc đã bắt đầu sốt, tôi lại thích tình trạng đó. Tôi thấy người yếu nhưng đồng thời nhẹ nhõm, mọi cảm quan nhẹ đi một cách dễ chịu, mềm như bông, ấm áp. Tôi bay lơ lửng.

Rồi tôi sốt cao, bị đưa đến bệnh viện. Khi xuất viện, cảm giác tê dại mất đi. Tất cả các vấn đề, sợ hãi, cáo buộc và tự trách cứ, mọi nỗi kinh hoàng và đau đớn bùng phát trong phiên tòa và lập tức bị tê liệt, bây giờ quay lại và trụ lại đó. Tôi không biết các bác sĩ chẩn đoán gì, nếu một người không rét khi đáng lẽ phải rét. Tôi tự chẩn đoán là cảm giác tê dại đã từng chế ngự cơ thể tôi, trước khi nó buông tôi ra, trước khi tôi thoát được nó.

Sau khi tốt nghiệp tôi bắt đầu giai đoạn tập sự, lúc đó là mùa hè của phong trào sinh viên. Tôi quan tâm đến lịch sử và xã hội học, và trong lúc thực tập vẫn còn dính nhiều đến trường đại học nên tiếp thụ được tất cả. Tiếp thụ không có nghĩa là tiếp tay - nói cho cùng thì tôi đứng dưng trước đại học và cải cách đại học chẳng khác gì trước Việt cộng và Hoa Kỳ. Chủ đề thứ ba, chủ đề chính của phong trào sinh viên, là sự xung đột với quá khứ Quốc xã. Trong lĩnh vực này tôi nhận thấy một khoảng cách giữa mình và các sinh viên khác, đến nỗi tôi không muốn cùng họ đi cổ động và biểu tình.

Thỉnh thoảng tôi nghĩ rằng sự xung đột với quá khứ Đức Quốc xã không phải là lý do, mà là biểu hiện của mối xung khắc giữa các thế hệ, và người ta dễ nhận ra mối xung khắc đó là động lực của phong trào sinh viên. Những mong đợi của lớp cha mẹ mà thế hệ nào cũng phải vùng ra khỏi, chúng đơn giản đã bị hất bỏ, vì lớp cha mẹ trong Đế chế thứ ba hay chậm nhất là sau đó đã tỏ ra bất lực. Những người đã từng phạm tội ác phát xít, hoặc trở mặt nhìn chúng phạm tội ác, hoặc sau 1945 dung túng cho phép hay thậm chí chấp nhận bọn tội phạm chung sống với mình - làm sao để những người ấy dạy bảo con cái được? Nhưng mặt khác thì quá khứ Đức Quốc xã cũng không muốn trách cha mẹ mình điều gì. Đối với họ xung đột với quá khứ Đức Quốc xã không phải là thể hiện của mối xung khắc thế hệ, mà chính là cốt lõi vấn đề.

Tội lỗi tập thể dù có bản chất gì về đạo lý hay pháp lý chẳng nữa - đối với thế hệ sinh viên chúng tôi đó là một thực tế đang được trải nghiệm. Không chỉ trong quan hệ với những gì ngày xưa xảy ra trong Đế chế thứ ba. Chuyện bia mộ của người Do Thái bị bôi bẩn với hình chữ thập ngoặc, nhiều tên Nazi ngày xưa tiến thân ở tòa án, cơ quan công quyền và trường đại, CHLB Đức không công nhận nhà nước Israel, di cư và phản kháng ít được lưu truyền hơn là cuộc sống thích ứng - tất cả khiến chúng tôi phải hổ thẹn, kể cả khi chúng tôi vạch mặt những kẻ có tội. Vạch mặt những kẻ có tội nhưng không làm người ta trốn được hổ thẹn, nhưng nó cũng chế ngự được nỗi đau khi hổ thẹn, biến nỗi đau thụ động khi hổ thẹn thành năng lượng, hành động, vũ lực. Và cuộc xung đột với lớp cha mẹ tội lỗi hàm chứa đầy năng lượng.

Tôi không vạch mặt ai được. Với bố mẹ tôi đã đành là không, vì tôi chẳng có gì để buộc tội họ. Sự năng nổ kháo cứu trong thời kỳ theo lớp chuyên đề khiến tôi buộc bố tôi phải hổ thẹn, nay đã biến mất trong tôi, giày vò tôi. Và những tội trạng mà những người trong xã hội xung quanh tôi mắc phải đều ít hơn so với hành động của Hanna. Thật ra tôi phải vạch mặt Hanna mới đúng. Nhưng hóa ra tôi tự vạch mặt mình. Tôi đã yêu Hanna. Không những yêu cô, tôi còn chọn cô. Tôi cố tự nhủ rằng khi chọn Hanna tôi không biết gì về những việc cô đã từng làm. Qua đó tôi cố cãi cho mình vô tội, vô tội như trẻ con yêu cha mẹ vậy. Nhưng tình yêu dành cho cha mẹ là tình yêu duy nhất mà người ta không phải chịu trách nhiệm.

Và đôi khi người ta vẫn phải chịu trách nhiệm cho tình yêu dành cho cha mẹ. Hồi đó tôi ghen tị với các sinh viên khác khi họ đã tách khỏi được cha mẹ họ, như vậy là đã tách khỏi cả thế hệ của những thủ phạm, của những kẻ trở mặt nhìn, quay mặt đi, dung túng và chấp nhận, qua đó nếu như không chế ngự được hổ thẹn thì cũng chế ngự được nỗi đau trong hổ thẹn. Nhưng từ đâu sinh ra sự tự mãn hãnh tiến mà tôi hay chứng kiến ở họ? Làm sao người ta có thể cảm nhận tội lỗi và hổ thẹn, đồng thời tự mãn hãnh tiến? Liệu

tách khỏi cha mẹ chỉ là âm thanh hùng biện át đi mối liên đới bất khả phủ nhận với tội lỗi của cha mẹ khi ta vẫn dành tình yêu cho họ?

Những ý nghĩ ấy sau này mới có. Nhưng cả sau này chúng cũng không phải là niềm an ủi. Nỗi đau khổ của tôi khi yêu Hanna xét về khía cạnh nào đó là số phận của thế hệ tôi, số phận Đức, số phận mà tôi khó trốn tránh hơn, khó che giấu hơn những người khác. Làm sao nỗi đau ấy lại là niềm an ủi được? Mặc dù vậy, kể như nếu hồi đó tôi có thể hòa đồng hơn vào thế hệ của mình thì vẫn tốt cho tôi.

36. Chương 36

Trong thời gian tập sự tôi đã lấy vợ. Gertrud và tôi làm quen nhau hồi đi trượt tuyết, và khi mọi người hết kỳ nghỉ ra về thì cô ở lại đợi tới khi tôi được ra viện và đưa tôi cùng về. Cô cũng là luật gia. Chúng tôi cùng học, cùng thi đỗ, cùng trở thành luật gia tập sự. Chúng tôi cưới nhau khi Gertrud có mang.

Tôi không kể gì về Hanna cho cô nghe. Tôi nghĩ, ai lại muốn nghe kể về những quan hệ ngày xưa của người kia khi họ không hạnh phúc? Gertrud thông minh, tận tụy và trung thành. Giả sử cuộc đời chúng tôi là một nông trại với nhiều người làm công, nhiều trẻ con, nhiều công việc và không có thì giờ cho nhau, có lẽ chúng tôi sẽ thỏa mãn và hạnh phúc. Nhưng cuộc đời chúng tôi lại là một căn hộ ba phòng trong khu nhà mới xây ở ngoại ô, và con gái Julia và công việc luật gia tập sự của Gertrud và tôi. Tôi không thể so sánh cuộc sống chung với Gertrud và với Hanna. Khi hai chúng tôi ôm nhau, tôi luôn có cảm giác rằng có gì đó không ổn, rằng cô không ổn, rằng ôm cô thấy khác và có cảm giác khác, rằng cô có mùi khác và vị khác. Tôi hi vọng chuyện đó sẽ hết dần. Tôi muốn thoát hẳn khỏi Hanna. Nhưng cảm giác bất ổn không bao giờ hết.

Khi Julia lên năm, chúng tôi ly hôn. Chúng tôi không thể cố hơn được nữa, chia tay nhau không hề cay đắng và vẫn duy trì quan hệ. Tôi đau khổ vì không giữ được tổ ấm cho Julia như nó rõ ràng mong muốn. Mỗi khi Gertrud và tôi hòa thuận và âu yếm nhau, Julia bơi trong bầu không khí ấy như cá trong nước. Đó là đất sống của nó. Khi nhận ra sự căng thẳng giữa hai chúng tôi, nó chạy từ người này qua người kia và quả quyết rằng chúng tôi rất đáng yêu và nó yêu cả hai. Nó chỉ muốn có một đứa em trai, hoặc giả nhiều hơn thì càng vui. Một thời gian dài nó không hiểu ly hôn là gì. Khi tôi đến thăm, nó muốn giữ chân tôi lại, và đến thăm tôi thì nó muốn có Gertrud đi cùng. Lúc tôi đi, nó nhìn qua cửa sổ, và tôi đau khổ bước lên ô tô dưới ánh mắt buồn bã của nó. Tôi có cảm giác Julia không chỉ mong muốn, mà còn có quyền đòi những gì mà chúng tôi đã không cho nó được. Chúng tôi đã truất quyền ấy của con qua cuộc ly hôn, và cuộc ly hôn thuận tình không có nghĩa là lỗi lầm chỉ còn một nửa.

Tôi cố gắng tiếp cận và khơi sâu những mối quan hệ sau đó cho tốt hơn. Tôi tự tạo cho mình ảo ảnh rằng ôm một cô gái nào cũng có chút gì giống Hanna, có chút cảm giác giống Hanna, có chút mùi vị giống Hanna - có thể thì ở bên nhau mới ổn. Và tôi kể về Hanna. Tôi cũng kể cho cô gái khác nghe về mình, nhiều hơn là từng kể cho Gertrud; họ sẽ phải tự rút ra kết luận từ cách hành xử hay tâm trạng của tôi mà họ thấy kỳ quặc. Nhưng họ không muốn biết nhiều. Tôi còn nhớ đến Helen, một cô gái Mỹ nghiên cứu khoa học. Trong khi nghe tôi kể chuyện, cô im lặng xoa lưng tôi như dỗ dành, và cũng im lặng tiếp tục xoa lưng tôi như dỗ dành lúc tôi đã kể xong. Gesina, một cô gái làm nghề tâm phân học cho rằng tôi phải khắc phục hậu quả từ quan hệ với mẹ tôi, chẳng lẽ tôi chưa tự nhận thấy là mẹ tôi hầu như không xuất hiện trong chuyện này hay sao? Hilke, nha sĩ, lúc nào cũng muốn biết về thời gian trước khi chúng tôi đi với nhau, nhưng rồi quên ngay những gì tôi vừa kể. Thế rồi tôi không kể nữa. Nếu sự thật của những gì ta nói ra chính là hành động của ta, thì nói để làm gì.

37. Chương 37

Khi tôi làm bài thi quốc gia thứ hai, ông giáo sư phụ trách lớp trại tập trung qua đời. Gertrud đọc báo thấy tin cáo phó. Lễ mai táng diễn ra ở nghĩa trang trên núi, cô hỏi tôi có muốn đến dự không.

Tôi không muốn. Tang lễ vào chiều thứ Năm, mà sáng thứ Năm và thứ Sáu tôi phải viết bài kiểm tra. Và lại ông giáo sư và tôi cũng không thật gần gũi. Và tôi không ưa tang lễ. Và tôi không muốn bị nhắc nhở đến vụ án.

Song đã quá muộn. Hồi ức đã đánh thức, và khi tôi viết xong bài kiểm tra hôm thứ Năm thì trong tôi như đã có cuộc hẹn với dĩ vãng không được phép để lỡ.

Tôi đi tàu điện - một chuyện mà bình thường ra tôi không làm. Chính đó đã là một cuộc gặp gỡ với quá khứ, giống như quay lại một điểm mà ta thân quen nhưng đã thay đổi bộ mặt. Hồi Hanna làm việc ở công ty tàu điện, các chuyến tàu có hai hoặc ba toa, có sàn đứng ở đầu và cuối toa, có bậc lên xuống mà khi tàu đã chuyển bánh người ta vẫn có thể nhảy lên được. Dọc toa tàu là một dây cáp để lái tàu giạt chuông báo hiệu khởi hành. Vào mùa hè không có mái che sàn, nhân viên kiểm soát có nhiệm vụ bán vé, bấm lỗ và soát vé, gọi tên các bến, báo hiệu tàu rời bến, ngóng chừng lũ trẻ con chen chúc trên sàn đứng, quát tháo những khách nhảy tàu khi tàu đang chạy, ngăn người lên tàu khi đã chật chỗ. Có nhân viên soát vé vui vẻ, khôi hài, nghiêm trang, bảnh tính và thô lỗ, và không khí trên toa cũng thường giống tính khí hay tâm trạng của người soát vé. Tôi thật ngốc ngếch là sau khi định gây bất ngờ không thành cho Hanna trên chuyến đi Schwetzingen cứ ngần ngại lên tàu và xem Hanna làm soát vé ra sao.

Tôi leo lên tàu điện không có nhân viên soát vé và đi đến nghĩa địa núi. Ngày thu trời lạnh, bầu trời xám quanh mây, mặt trời vàng thiếu hơi ấm có thể nhìn thẳng vào mà không chói mắt. Tôi phải tìm một hồi lâu mới thấy nấm mộ, nơi cử hành lễ mai táng. Tôi đi dưới hàng cây cao trụi lá, giữa những tấm bia cũ kỹ. Đôi lúc một người làm vườn nghĩa trang hay một bà cụ cầm bình tưới và kéo tĩa cành đi ngược lại. Thật im ắng, từ xa tôi đã nghe thấy bài thánh ca ngân lên bên mộ giáo sư.

Tôi đứng tách ra và quan sát nhóm người dự tang lễ. Mấy người trong số họ rõ ràng là người ẩn dật và lập dị. Trong điệu văn về cuộc đời và sự nghiệp của giáo sư có nói đến chuyện ông đã rút lui khỏi những áp lực của xã hội, do đó mất hết quan hệ với xã hội, ông đã sống tự lập và do đó trở thành ẩn sĩ.

Tôi nhận ra mặt một sinh viên của lớp trại tập trung ngày xưa; anh ta hoàn thành bài thi quốc gia trước tôi, mới đầu làm luật sư, sau mở quán rượu. Anh mặc áo măng tô dài màu đỏ. “Bọn mình ở cùng lớp chuyên đề, cậu không nhớ nữa à?”

“Có chứ”. Chúng tôi bắt tay nhau.

“Tớ đến tòa án vào thứ Tư, và thỉnh thoảng tớ vẫn chở cậu đi cùng ô tô”. Anh cười. “Cậu đến đó hằng ngày, hằng ngày và hằng tuần. Bây giờ cậu cho tớ biết tại sao?” Anh ta nhìn tôi, thân thiện và tọc mạch, và tôi nhớ hồi ở lớp chuyên đề đã để ý đến ánh mắt ấy.

“Tớ rất quan tâm đến vụ án”.

“Vụ án rất làm cậu quan tâm?” Anh ta lại cười. “Vụ án hay cô bị cáo mà cậu vẫn nhìn chòng chọc? Cô nom khá được mắt ấy? Cả lớp hỏi nhau là hai người liệu có gì không, song không ai dám hỏi thẳng cậu. Hồi đó ai cũng miễn cảm và tế nhị đến phát khiếp. Cậu có nhớ đến...” Anh nhắc đến một sinh viên khác trong lớp, anh này nói lấp và ngọng, nói nhiều và dốt, vậy mà cả lớp chăm chú nghe, tựa như hấn nhả ngọc phun châu. Anh ta còn nêu tên mấy sinh viên khác trong lớp, hỏi đó ra sao và bây giờ làm gì, kể trảng ngang đại hải. Nhưng tôi biết là rốt cuộc anh ta sẽ quay lại hỏi tôi: “ Thế nào, chuyện ngày ấy giữa cậu với cô bị cáo ra sao?” Và tôi không biết làm thế nào để trả lời, chối cãi, thú nhận hoặc tăng lờ.

Chúng tôi đã ra đến cổng nghĩa trang, và anh ta hỏi. Tàu điện vừa rời bến, tôi kêu: “Đi nhé” và chạy vút đi, cứ như là có bậc để nhảy lên tàu vậy, tôi chạy bên cạnh tàu và xòe tay đập lên cửa. Rồi chuyện không tin nổi và không mong đợi đã xảy ra: tàu điện dừng lại, cửa mở ra, và tôi trèo lên.

38. Chương 38

Sau kỳ tập sự tôi phải quyết định chọn lấy một nghề. Tôi chần chừ một dạo. Gertrud bắt tay ngay vào làm thẩm phán, bận túi bụi, và may là tôi ở nhà trông Julia. Khi Gertrud đã qua được những khó khăn ban đầu và Julia đi nhà trẻ thì đến lúc phải quyết định.

Tôi lưỡng lự, không ưa bất cứ một vai trò nào của các luật gia mà tôi đã thấy trong phiên tòa xử Hanna. Làm công tố viên tôi thấy cũng kỳ quặc như luật sư, và thẩm phán thì, để nói cho đơn giản, có lẽ là nghề kỳ quặc nhất. Tôi cũng không thể tưởng tượng ra mình sẽ làm viên chức hành chính; hồi đi tập sự tôi đã làm việc ở sở thị chính và thấy phòng làm việc, hành lang, không khí và các nhân viên ở đó thật là vô vị và buồn tẻ.

Thế thì chẳng còn nhiều việc trong ngành luật nữa để mà chọn, và tôi không biết là mình sẽ làm gì nếu như một giáo sư về lịch sử tư pháp không mời tôi làm việc ở chỗ ông. Gertrud nói rằng đó là sự trốn tránh, đào tẩu trước thử thách và trách nhiệm của cuộc sống, và cô có lý. Tôi đã trốn tránh và vui mừng vì đã trốn được. Cũng chẳng phải làm việc này mãi, tôi nói với cô và với chính mình; tôi còn trẻ, đủ thời gian để sau vài năm lịch sử tư pháp còn kiếm được một nghề tử tế dành cho luật gia. Nhưng rồi việc ấy cứ kéo dài mãi, tiếp theo cuộc trốn tránh này là một cuộc trốn tránh khác, khi tôi rời trường đại học chuyển sang một cơ sở nghiên cứu và tìm được ở đó một địa hạt ngách để theo đuổi đề tài lịch sử tư pháp của mình, ở đó tôi không cần ai mà cũng chẳng phiền đến ai.

Tuy nhiên, trốn tránh không chỉ là chạy trốn, mà cũng là đến đích. Và quá khứ, nơi tôi là nhà nghiên cứu lịch sử tư pháp đặt chân đến, không hề kém sinh động hơn hiện tại. Cũng không phải, như người ngoài cuộc có thể nhận định, là người quan sát cuộc sống quá khứ và vẫn tham gia cuộc sống hiện tại. Nghiên cứu sử là bắc cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, là quan sát cả hai bên bờ và làm việc ở cả hai bên bờ. Một trong những hành vi nghiên cứu của tôi là luật pháp của Đế chế thứ ba, và ở đây có thể mục sở thị quá khứ và hiện tại gặp nhau trong thực tế ra sao. Trốn tránh ở đây không là nghiên cứu quá khứ, mà chính là quyết định tập trung vào hiện tại và tương lai đang nhắm mắt trước di sản của quá khứ. Chúng ta mang dấu ấn của di sản ấy và phải chung sống với nó.

Ở đây không muốn che giấu cảm giác mãn nguyện khi được thâm nhập vào quá khứ mà ý nghĩ của nó đối với hiện tại không nhiều nhận gì. Lần đầu tiên có cảm giác đó là khi tôi khảo cứu về các bộ luật và dự luật của thời kỳ Khai sáng. Cơ sở của các tác phẩm ấy là niềm tin rằng trên thế giới đã được định sẵn một nền trật tự tốt đẹp và vì thế có thể đưa thế giới vào một nền trật tự tốt đẹp. Tôi mãn nguyện khi thấy các điều khoản được tạo ra từ đức tin ấy như những người kính gác vinh hạnh cho nền trật tự tốt đẹp, và chúng tụ họp thành các bộ luật tốt đẹp, đem vẻ đẹp ấy đi minh chứng cho chân lý của luật pháp. Một thời gian dài tôi đã tin vào tiến bộ trong lịch sử luật, dù có những thất bại và thoái trào khủng khiếp vẫn là bước phát triển hướng tới tầng cao hơn của cái đẹp và chân lý, hợp lý và nhân đạo. Từ khi ngộ ra niềm tin đó chỉ là ảo vọng, tôi phát triển một hình ảnh khác về tiến trình của lịch sử luật. Theo đó thì tiến trình lịch sử tư pháp có hướng về mục đích, song mục đích đó khi đã đạt được sau vô vàn chấn động, rối ren và lầm lạc là điểm xuất phát ban đầu, và chưa kịp ngồi nóng chỗ ở đích đã phải xuất phát lại từ đầu.

Hồi đó tôi đọc lại *Odyssey*, sau lần đầu tiên đọc ở trường và ghi nhớ là truyện một chuyến hồi hương. Nhưng đó không phải truyện một chuyến hồi hương. Người Hy Lạp, vốn biết rằng không ai lội hai lần xuống cùng một dòng sông, làm sao có thể tin vào hồi hương. Odysseus không quay về để dừng chân, mà để lên đường lần nữa. *Odyssey* là câu chuyện về chuyển động, vừa có hướng lại vừa vô hướng, thành công hà hoài công. Lịch sử tư pháp nào có khác gì!

39. Chương 39

Tôi bắt đầu đọc *Odyssey* sau khi chia tay với Gertrud. Nhiều đêm ròng tôi chỉ ngủ vài tiếng; tôi nằm chong mắt, và khi tôi bật đèn thì mắt địu lại, tắt đèn đi tôi lại tỉnh. Vậy tôi đọc thành tiếng để mắt không địu lại

nữa. Trong cơn suy tưởng rối rắm về cuộc hôn nhân, về đứa con gái và cuộc đời mình, vòng vo trong những cung tròn cam go, chập chờn nửa thức nửa ngủ, trộn lẫn ký ức và mộng mị, Hanna liên tục ẩn hiện chế ngự. Vì vậy tôi đọc cho Hanna. Tôi đọc cho Hanna vào băng cassette.

Đợi đến lúc gửi băng đi, kéo dài mất vài tháng. Đầu tiên tôi không muốn gửi từng đoạn và chờ đến khi thu băng xong toàn bộ Odyssey. Sau đó tôi nghỉ ngơi, liệu Hanna có thích Odyssey đến mức ấy không, và tôi thu vào băng những truyện tôi đọc sau Odyssey. Truyện của Schnitzler và Chekhov. Rồi tôi cứ lần lữa cho đến khi gọi điện cho tòa án đã xử Hanna và tìm ra địa chỉ nơi cô thụ hình. Sau khi đã có mọi thứ - địa chỉ của Hanna ở một nhà tù gần thành phố xử án ngày trước, một máy chạy băng cassette và các cuộn băng đánh số từ Chekhov cho đến Schnitzler và Homer - tôi đã gửi gói bưu phẩm với máy cassette và các băng ghi âm.

Mới đây tôi tìm lại được cuốn vở ghi những truyện mà tôi đã đọc cho Hanna trong nhiều năm. 12 cuốn đầu rõ ràng là ghi vào cùng một hôm; hình như tôi cứ đọc bữa phứa rồi mới nhận ra nếu không ghi chép thì tôi sẽ không nhớ được đã đọc gì. Ở các truyện tôi đọc sau đó thỉnh thoảng có ghi ngày tháng, thỉnh thoảng không, nhưng kể cả không có ngày tháng thì tôi cũng vẫn biết là tôi gửi bưu phẩm đầu tiên cho Hanna vào năm thứ tám trong tù, bưu phẩm cuối cùng là năm thứ 18. Đến năm thứ 18 thì đơn xin ân xá của cô được pháp thuận.

Nhìn chung, tôi đọc cho Hanna những truyện mà tôi cũng đang muốn đọc. Lúc đọc Odyssey, ban đầu tôi thấy khó khăn vì khi phải đọc to thì không tập trung lĩnh hội được như đọc khẽ cho riêng mình. Rồi cũng quen dần. Một điểm yếu cố hữu của việc đọc truyện là lâu hơn. Nhưng bù lại thì tôi ghi nhớ tốt hơn những gì đọc to. Cho đến tận hôm nay tôi còn nhớ rất rõ nhiều đoạn.

Tôi cũng đọc cả những sách mà tôi đã biết và yêu thích. Vì vậy Hanna nhận được nhiều tác phẩm của Keller và Fontane, Heine và Moerike. Lâu lâu tôi không dám bạo gan đọc thơ, nhưng sau đó tôi rất thích và tôi nhớ thuộc lòng một loạt bài thơ đã đọc. Hôm nay tôi cũng đọc thuộc lòng được.

Tổng cộng các đầu sách thể hiện một sự tin tưởng cội rễ vào giáo dục kinh điển. Tôi cũng không nhớ là có bao giờ tự đặt câu hỏi rằng tôi nên đọc những tác giả khác ngoài Kafka, Frisch, Johnson, Bachmann, Lenz, và cả văn học thử nghiệm là thứ văn học tôi không nhận ra cốt truyện và không ưa các nhân vật. Đối với tôi thì đã rõ, văn học thử nghiệm là thử nghiệm với độc giả, thứ đó thì cả Hanna và tôi đều không thiết.

Khi chính tôi cũng bắt đầu viết văn, tôi đọc cho Hanna cả tác phẩm của riêng tôi. Tôi chờ đến khi đọc xong bản thảo viết tay cho đánh máy, sau đó chữa bản thảo đánh máy, rồi có cảm giác là tất cả đã hoàn thành, khi đọc lên, tôi xét xem cảm giác ấy có chuẩn không. Nếu không, tôi còn chữa lại lần nữa và ghi âm đề lên bản thu cũ. Nhưng đó là việc tôi không ưa. Tôi muốn đọc lên là kết thúc. Hanna trở thành cấp bậc khiến tôi tập trung mọi sức lực, sáng tạo và trí tưởng tượng phê phán một lần nữa trước khi gửi bản thảo cho nhà xuất bản.

Tôi không ghi âm thêm câu chữ nào của riêng mình vào cassette, không hỏi thăm Hanna, không kể về mình. Tôi đọc đầu đề, tên tác giả và truyện. Khi hết truyện, tôi đợi một lát, đóng sách lại và ấn nút tắt máy.

40. Chương 40

Đạo ấy tôi không hề nghĩ đến một ngày nào đó Hanna sẽ ra tù. Trao đổi thư từ và cassette đã trở thành việc làm bình thường và quen thuộc, và Hanna đối với tôi vừa gần lại vừa xa một cách nhẹ nhõm, tôi có thể duy trì tình trạng đó mãi cũng được. Thật dễ chịu và ích kỷ, tôi biết.

Rồi một hôm tôi được thư của bà giám đốc trại giam.

Bà Schmitz và ông đã thư từ với nhau nhiều năm nay. Đó là quan hệ duy nhất của bà Schmitz với bên ngoài, do vậy tôi muốn nói chuyện với ông, mặc dù tôi không biết quan hệ đó mật thiết đến đâu và ông là người họ hàng hay bạn của bà Schmitz.

Trong năm tới bà Schmitz sẽ đệ đơn xin ân xá lần nữa, và tôi tạm tin rằng hội đồng ân xá sẽ chấp thuận đơn. Bà Schmitz sẽ được thả sớm - sau 18 năm tù. Tất nhiên chúng tôi cũng có thể lo cho bà nhà ở và công việc hay cố gắng giúp bà việc đó; sẽ không dễ kiếm việc làm ở tuổi bà, ngay cả khi bà còn hoàn toàn khỏe khoắn và tỏ ra rất khéo tay ở xưởng may của trại. Nhưng có lẽ nếu họ hàng và bạn bè lo được việc đó thì tốt hơn chúng tôi, vì họ ở gần bà Schmitz và quan tâm hỗ trợ bà. Ông không thể tưởng tượng sau 18 năm tù người ta sẽ cô đơn và yếu nhược ra sao khi ra ngoài.

Bà Schmitz có thể tương đối tự lập và sống một mình cũng được, chỉ cần ông tìm cho bà một chỗ ở và việc làm, mấy tháng đầu thỉnh thoảng thăm hỏi và mời bà đến chơi, và hướng dẫn cho bà biết chương trình của cộng đồng tôn giáo, lớp học buổi tối, cơ sở hỗ trợ gia đình v.v. là đủ. Ngoài ra, lần đầu tiên sau 18 năm đi vào thành phố mua sắm, ra công sở trình diện, đến nhà hàng, nhất định sẽ không dễ dàng. Có người đi cùng sẽ dễ dàng hơn.

Tôi biết là ông không đến thăm bà Schmitz. Nếu có thì tôi đã không biên thư mà mời ông đến nói chuyện nhân dịp vào thăm. Bây giờ không làm được gì khác là ông hãy đến thăm bà Schmitz trước khi bà ra tù. Vào dịp đó, phiên ông ghé qua chỗ tôi.

Bức thư kết thúc với lời chào thân mật, không dành cho tôi mà có ý nhấn nhủ rằng đó là một việc hệ trọng của bà giám đốc. Tôi đã nghe nói về bà ta; trại của bà ta được tiếng là xuất sắc, và ý kiến của bà có trọng lượng trong các vấn đề về cải cách hệ thống nhà tù. Tôi thấy cảm tình với bức thư.

Nhưng tôi không cảm tình với việc gì sắp xảy ra với tôi. Tất nhiên là tôi lo phải kiếm công việc và chỗ ở, và cũng đã làm được. Bạn bè tôi có căn hộ liền trong nhà mà không thể sử dụng hay cho thuê, họ sẵn sàng dành cho Hanna với giá rẻ. Ông thợ may người Hy Lạp vẫn hay sửa quần áo cho tôi muốn nhận Hanna vào làm việc, sau khi bà chị gái làm chung hiệu may với ông muốn trở về Hy Lạp. Tôi cũng đã quan tâm đến các chương trình xã hội và khóa học của nhà thờ và bên ngoài, trước khi có tin của Hanna rất lâu. Nhưng tôi cứ lần lữa trước khi vào thăm Hanna.

Chính vì Hanna đối với tôi vừa gần lại vừa xa một cách nhẹ nhõm mà tôi không muốn vào thăm cô. Tôi có cảm giác là cô chỉ có vị trí ấy đối với tôi khi thật sự cách xa tôi. Tôi sợ cái thế giới nhỏ bé, mỏng manh và yên ổn của những bức thư và băng ghi âm sẽ quá dối giả tạo và yếu ớt để có thể chịu đựng được sự gần mặt mà không thể không nhớ đến những gì đã từng xảy ra giữa hai người?

Cả năm trời trôi qua như vậy, và tôi không đến thăm cô. Tôi cũng lâu lâu không nghe thấy gì từ bà giám đốc trại giam; một bức thư của tôi thông báo về tình hình nhà ở và việc làm cho Hanna không thấy được hồi âm. Có lẽ bà giám đốc cho rằng sẽ nói chuyện với tôi nhân dịp tôi vào thăm Hanna. Bà không thể biết rằng chẳng những tôi trì hoãn chuyến đi thăm, mà còn trốn tránh nó. Nhưng rồi thì quyết định ân xá và phóng thích Hanna cũng được ban hành, và bà giám đốc gọi điện cho tôi. Liệu tôi có vào được không? Một tuần nữa Hanna sẽ được ra.

41. Chương 41

Chủ nhật kể đó tôi đến chỗ Hanna. Đó là lần đầu tiên tôi vào thăm trong tù. Ở cửa vào tôi bị kiểm tra, nhiều cửa dọc đường được mở khóa và đóng lại. Khu nhà mới và sáng sủa, ở bên trong các cửa đều mở và phụ nữ đi lại tự do. Cuối đường đi là cửa ra bên ngoài, dẫn ra một bãi cỏ nhỏ xôn xao tiếng người, có cây cối và ghế băng. Tôi đưa mắt tìm kiếm. Bà trật tự viên dẫn tôi đi chỉ về cái ghế băng gần đó dưới bóng râm của một cây dẻ.

Hanna? Người đàn bà trên ghế là Hanna? Tóc bạc, khuôn mặt với những nếp nhăn sâu chạy dọc trên trán, má và chung quanh miệng, thân hình nặng nề. Cô mặc một chiếc áo dài màu xanh nhạt quá hẹp, chật căng ở ngực, bụng và đùi. Hai tay cô đặt trong lòng, giữ một cuốn sách. Cô không đọc. Qua rìa bên trên cặp kính đọc sách cô quan sát một bà đang ném ruột bánh mì cho mấy con chim sẻ. Rồi cô cảm thấy ai đó nhìn mình và quay mặt sang hướng tôi.

Tôi thấy nỗi mong ngóng trên mặt cô, thấy mặt cô ngời lên khi nhận ra tôi, thấy ánh mắt cô dò dẫm trên mặt tôi khi tôi tiến lại gần, thấy ánh mắt cô hiện lên vẻ tìm tòi, dò xét, bối rối và tổn thương, thấy mặt cô tối lại. Cô mỉm cười khi tôi đến bên cô, một nụ cười thân thiện và mệt mỏi. “Cậu bé lớn quá rồi nhỉ”. Tôi ngồi xuống bên cô, và cô nắm tay tôi.

Ngày xưa tôi đặc biệt yêu mùi cô. Mùi cô lúc nào cũng mới: mới tắm, hay mới thay quần áo, hay mới toát mồ hôi, hay mới được yêu. Thỉnh thoảng cô dùng nước hoa, tôi không biết loại gì, và hương thơm ấy còn tươi mới hơn tất cả các mùi khác. Ẩn trong những hương thơm tươi mới ấy còn có một hương vị khác nữa, một hương vị nặng, trầm và gắt. Tôi hay đánh hơi trên cô như một con thú tộc mạch, bắt đầu từ cổ và vai là nơi tỏa mùi mới tắm, hít sâu giữa cặp vú có mùi mồ hôi mới, trộn lẫn với hương vị trầm nặng ấy gần như tinh khôi, giữa hai đùi thoảng thêm mùi quả chín làm tôi rạo rực, tôi cũng hít hà ống chân và bàn chân cô, đến đùi thì lạc mất hương vị kia, ở khoeo chân lại có mùi mồ hôi mới, và bàn chân mang mùi xà phòng, mùi da hay mùi của mỗi mệ. Lưng và tay cô không có hương vị riêng, chẳng có mùi gì, nhưng vẫn được mùi cô - mùi mực in trên vé, mùi kim loại của kim bấm, mùi hành hay cá, mùi mỡ rán, bột giặt hay hơi nóng của bàn ủi. Khi cô vừa rửa tay xong thì chẳng nhận ra những mùi ấy. Song xà phòng chỉ phủ lên chúng, và một chốc sau chúng lại hiện ra, thoang thoang, tan lẫn trong hương vị duy nhất của ngày làm việc, của ngày làm việc đã kết thúc, của buổi tối, của đường về nhà và của căn nhà ấm cúng.

Tôi ngồi cạnh Hanna và ngửi thấy mùi một bà già. Tôi không rõ cái gì tạo nên thứ mùi quen thuộc ấy ở những bà già và đọng trong hành lang các nhà dưỡng lão như một lời nguyện mà đối với nó thì Hanna còn quá trẻ.

Tôi nhích lại gần. Tôi nhận ra là đã làm Hanna thất vọng khi nãy, và muốn chữa lại lỗi lầm ấy.

“Anh rất vui mừng khi thấy em được ra”.

“Thật ư?”

“Thật, và khi thấy em sẽ ở gần”. Tôi kể cho cô nghe về nơi ở và công việc mà tôi đã tìm cho cô, về những chương trình văn hóa và xã hội ở khu phố, về thư viện thành phố. “Em đọc nhiều đấy chứ?”

“Bình thường thôi, nghe người khác đọc cho thích hơn”. Cô quan sát tôi. “Nhưng bây giờ là hết, đúng không?”

“Tại sao lại hết?” Nhưng tôi không tưởng tượng đến cảnh mình ghi âm vào cassette cho cô, hoặc gắp cô và đọc truyện cho cô nghe. “Anh rất mừng và tự hào vì em đã học chữ. Và viết những bức thư tuyệt vời!” Chuyện đó thì đúng, tôi khâm phục Hanna và vui mừng khi thấy cô đọc và viết. Nhưng tôi cũng cảm thấy niềm vui và khâm phục ấy của tôi nhỏ nhoi đến chừng nào so với công sức của Hanna bỏ ra để học đọc và viết, tôi cảm thấy nó hạ tiện làm sao, khi không thúc giục nổi tôi trả lời cô, đến thăm cô, nói chuyện với cô. Tôi đã chừa cho Hanna một ngách nhỏ, một ngách hoàn toàn quan trọng, có ý nghĩa đối với tôi và tôi cũng bỏ công sức cho nó, nhưng đó chưa phải là một chỗ đứng trong cuộc đời tôi.

Song tại sao tôi lại phải dành cho cô một chỗ đứng trong cuộc đời mình? Tôi phần nộ chống lại sự dẫn dắt đang dâng lên khi nghĩ đến Hanna bị thu lại thành một cái ngách nhỏ kia. “Chẳng lẽ trước phiên tòa em không bao giờ nghĩ đến việc đã xảy ra mà trong phiên tòa xét đến? Anh định nói là, em không bao giờ nghĩ đến việc ấy khi chúng mình bên nhau, khi anh đọc truyện cho em?”

“Anh bận tâm lắm à?” nhưng cô không đợi câu trả lời. “Em luôn có cảm giác là đằng nào cũng chẳng ai hiểu em, chẳng ai biết em là ai và cái gì khiến em làm việc này hay việc kia. Anh biết không, nếu không ai hiểu anh thì cũng không ai được phép đòi hỏi anh giải trình. Ngay cả tòa án cũng không thể bắt em phải giải trình được. Nhưng những người chết thì được phép. Họ hiểu. Họ không nhất thiết phải có mặt, nhưng khi đã có mặt thì họ hiểu rất rõ. Ở đây, trong nhà tù này, họ rất hay ở bên cạnh em. Họ đến đây hằng đêm, bất kể em muốn hay không. Trước khi ra tòa, lúc họ muốn đến thì em còn xua được họ đi”.

Cô chờ xem tôi có nói thêm gì, nhưng tôi không nghĩ ra câu nào. Tôi chỉ định nói là tôi không xua được gì cả. Nói thế cũng không đúng; người ta cũng xua đuổi ai đó bằng cách đẩy người ấy vào một ngách nhỏ.

“Anh có gia đình không?”

“Anh đã từng có. Gertrud và anh ly hôn mấy năm rồi, cháu gái ở nội trú; hy vọng là mấy năm học cuối cháu sẽ không ở đó mà chuyển về chỗ anh”. Bây giờ đến lượt tôi chờ xem cô có nói thêm hoặc hỏi gì. Nhưng cô im lặng. “Tuần sau anh đến đón em, được không?”

“Vâng”

“Thật lặng lẽ, hay có nên náo nhiệt và vui vẻ một chút?”

“Thật lặng lẽ”.

“Được, anh đón em thật lặng lẽ, không có nhạc và sâm banh”. Tôi đứng dậy. Chúng tôi nhìn nhau. Chuông đã đổ hai hồi, những người đàn bà khác đã vào nhà. Ánh mắt cô lại dò dẫm trên mặt tôi. Tôi vòng tay ôm cô, nhưng cảm giác không thật.

“Chúc cậu bé khỏe mạnh nhé”.

“Em cũng thế nhé”.

Chúng tôi từ biệt, trước khi phải chia tay ở trong nhà.

42. Chương 42

Tuần kế tiếp cực bận rộn. Tôi không nhớ là bài báo cáo mà tôi đang làm cũng đang bị áp lực thời gian, hay chính tôi tự đặt áp lực cho mình về công việc và thành tích.

Ý tưởng của tôi vào thời điểm bắt đầu bản báo cáo thì không ra gì. Khi kiểm tra lại, tôi liên tục vấp vào những sự ngẫu nhiên, thay vì ý nghĩ và quy luật. Đáng lẽ phải chấp nhận điều đó thì tôi cứ tìm tòi tiếp trong bức xúc, ngoan cố và dè dặt, tựa như ý tưởng của tôi về thực trạng đã sai thì thực trạng cũng sai theo, và tôi đã sẵn sàng bóp méo, phóng đại hay hạ thấp các số liệu. Tôi sa vào một tình trạng bất ổn kỳ lạ, lên giường muộn thì vẫn ngủ thiếp đi nhưng chỉ vài tiếng sau là tỉnh như sáo, cho đến khi tôi quyết tâm ngồi dậy đọc tiếp hoặc viết.

Tôi cũng làm những việc cần thiết để chuẩn bị cho Hanna ra tù. Tôi trang hoàng căn hộ của cô với đồ gỗ của cửa hàng Ikea và vài đồ cổ, báo tin cho ông thợ may Hy Lạp và cập nhật các chương trình xã hội cùng các khóa học. Tôi mua sẵn đồ ăn, xếp sách lên giá và treo tranh. Tôi gọi một thợ làm vườn đến chăm sóc mảnh vườn nhỏ xung quanh khoảng sân trước phòng khách. Mọi việc tôi đều làm một cách bức xúc và ngoan cố kỳ lạ, tất cả đều quá sức tôi. Nhưng ít nhất cũng đủ để tôi không phải nghĩ tới lần vào thăm Hanna nữa. Chỉ thỉnh thoảng, khi tôi đi ô tô hoặc mệt mỏi ngồi bên bàn viết thì đầu óc lại bị chế ngự bởi ký ức tuôn trào. Tôi thấy Hanna trên ghế băng, mắt nhìn tôi, thấy cô ở bể bơi, ngoảnh mặt về phía tôi, và lại phần nộ chống lại cảm giác, và tôi buộc tội cô, cho rằng cô đã lẩn trốn tội trạng của mình một cách hèn hạ và dễ dàng. Chỉ cho phép những người đã chết đòi cô giải thích, quy gọn tội lỗi và sám hối thành chứng khó ngủ và những cơn ác mộng - vậy những người sống thì sao? Nhưng cái mà tôi ám chỉ không phải là những người còn sống, mà là tôi. Tôi không được đòi cô giải thích hay sao? Tôi không được làm điều đó sao?

Buổi chiều trước hôm đi đón Hanna tôi gọi điện đến nhà tù. Trước tiên tôi nói chuyện với bà giám đốc.

“Tôi hơi chộn rộn. Bình thường ra thì không ai được thả sau một thời gian dài như vậy mà trước đó không ra ngoài vài giờ hay vài ngày. Bà Schmitz không chịu, và ngày mai sẽ không đơn giản”.

Tôi được nối điện thoại với Hanna.

“Em nghĩ xem ngày mai chúng mình sẽ làm gì nhé. Em muốn về nhà ngay, hay chúng ta đi vào rừng, hay ra bờ sông”.

“Em sẽ suy nghĩ. Anh vẫn luôn là người vạch kế hoạch giỏi, đúng không?”

Tôi bực mình. Tôi bực mình như đôi khi nghe các bạn gái nói là tôi không bột phát mấy, hành động quá thiên về lý trí thay cho cảm tính.

Qua sự im lặng, cô nhận ra tôi bực mình và cười. “Chớ bực mình, cậu bé ạ, em không nói theo nghĩa xấu”.

Tôi gặp lại Hanna ngồi trên ghế băng là một bà già. Cô trông như một bà già và thoảng mùi như một bà già. Tôi không chú ý đến giọng nói. Giọng cô vẫn còn rất trẻ.

10

Sáng hôm sau Hanna đã chết. Cô thất cổ lúc bình minh.

Khi tôi đến nơi, người ta đưa tôi gặp bà giám đốc. Lần đầu tiên tôi thấy bà, một người phụ nữ nhỏ gầy, tóc vàng sẫm, đeo kính. Trông bà mờ nhạt, cho đến khi bà bắt đầu phát biểu với mãnh lực và nhiệt tâm, ánh mắt nghiêm trang và cử chỉ dứt khoát. Bà hỏi tôi về cuộc điện thoại tối qua và lần gặp nhau trước đây một tuần. Liệu tôi có linh cảm hay phỏng đoán điều gì. Tôi lắc đầu. Cũng không có điều gì trong linh cảm hay phỏng đoán mà tôi cố quên đi.

“Hai người quen nhau từ đâu?”

“Chúng tôi sống gần nhau”. Bà nhìn tôi dò hỏi, và tôi nhận thấy phải nói thêm. “Chúng tôi sống gần nhau, làm quen nhau và kết bạn. Lúc còn là sinh viên tôi đã ở phiên tòa xử bà ấy”.

“Vì sao ông gửi cassette cho bà Schmitz?”

Tôi im lặng.

Ông đã biết bà ấy mù chữ, đúng không? Sao ông biết?”

Tôi nhún vai. Tôi cho là chuyện Hanna và tôi chẳng liên quan gì đến bà. Nước mắt tôi nghẹn trong ngực và cổ. Tôi sợ không nói lên lời. Tôi không muốn khóc trước mặt bà.

Chắc là bà thấy được tâm trạng của tôi. “Ông đi với tôi, tôi chỉ cho ông xem phòng của bà Schmitz”. Bà đi trước, luôn quay lại để nói với tôi hay giải thích điều gì. Nơi này là có vụ bọn khủng bố tấn công, đây là xưởng may mà Hanna đã làm việc, ở kia Hanna đã ngồi đình công cho đến khi quyết định cắt ngân sách thư viện được chỉnh lý, đây là đường tới thư viện. “Bà Schmitz không sắp xếp đồ đạc. Ông chứng kiến căn phòng như lúc bà ấy sống ở đó”.

Giường tủ, bàn ghế, giá sách gắn ở tường phía trên bàn, ở góc nhà sau cánh cửa là bồn rửa tay và bồn vệ sinh. Thay vì cửa sổ là gạch kính. Bàn trống. Trên giá là sách, đồng hồ báo thức, con gấu vải, hai cốc, cà phê bột, hộp trà, máy cassette và các băng của tôi ghi để trong hai ngăn thấp.

“Không phải tất cả băng ghi âm ở đó”. Bà giám đốc dõi theo ánh mắt tôi. “Bà Schmitz hay cho tổ dịch vụ của tù nhân khiếm thị mượn vài cuốn băng”.

Tôi lại gần giá sách. Primo Levi, Elie Wiesel, Tadeusz Borowski, Jean Améry - sách của các nạn nhân bên cạnh tự thuật của Rudolf Hoess, ghi lại của Hannah Arendt về Eichmann ở Jerusalem cũng như sách nghiên cứu về trại tập trung.

“Hanna đã đọc những sách này?”

“Bà ấy luôn chọn sách với chủ định rõ rệt. Trước đây mấy năm tôi đã phải kiểm cho bà ấy danh mục tổng quát về trại tập trung, rồi trước đây một, hai năm bà ấy nhờ tôi tìm hộ sách về phụ nữ trong trại tập trung - tù nhân và quản tù. Tôi viết thư đến Viện lịch sử hiện đại và cận đại, ở đó người ta gửi cho tôi một danh mục sách đặc biệt. Sau khi học đọc, bà Schmitz bắt đầu đọc ngay về trại tập trung”.

Phía trên giường treo nhiều tranh nhỏ và mảnh giấy. Tôi quỳ chân lên giường và đọc. Câu trích dẫn, thơ, tin ngắn, cả công thức nấu ăn mà Hanna chép lại hoặc cắt trong báo ra. “Mùa xuân thổi dải lụa xanh phát phới bay trong gió”, “Bóng của mây in trên đồng” - những bài thơ tràn đầy vui sướng và khát vọng thiên nhiên, và trong tranh là rừng xuân sáng rực, đồng cỏ sắc sỡ hoa, cây anh đào với những quả anh đào chín, cây dẻ hực lửa thu vàng đỏ. Một bức ảnh cắt trong báo cho thấy hai người đàn ông bắt tay nhau, một già một trẻ trong bộ đồ sẫm màu, tôi nhận ra mình là người trẻ đang cúi mình. Tôi vừa tốt nghiệp phổ thông và nhận quà từ tay thầy hiệu trưởng. Vào thời điểm đó Hanna đã bỏ thành phố đi từ lâu. Hanna không biết đọc, nhưng cô có đặt mua dài hạn tờ báo địa phương mà trong đó có đăng tấm ảnh này? Dù thế nào

thì cô cũng đã bỏ ít nhiều công sức để biết đến tấm ảnh và kiếm được nó. Khi xử án liệu cô có tấm ảnh này trong tay? Tôi lại thấy nước mắt nghẹn trong ngực và cổ.

“Bà ấy đã học với ông. Bà mượn ở thư viện những cuốn sách mà ông đọc vào băng rồi lần theo từng chữ, từng câu mà bà đã nghe. Máy ghi âm không chịu nổi bật tắt, tua đi tua lại nhiều lần như vậy, hay bị hỏng và phải đem chữa. Muốn chữa phải viết đơn xin, vì vậy tôi cũng biết bà Schmitz làm gì. Mới đầu bà ấy không muốn nói ra, nhưng khi bắt đầu viết và nhờ tôi tìm một quyển sách có chữ viết thì bà ấy không cố giấu nữa. Đơn giản là bà ấy tự hào đã làm được việc ấy và muốn chia sẻ niềm vui”.

Trong khi bà giám đốc kể, tôi vẫn quỳ trên giường xem các tranh và giấy ghi chép và cổ cầm nước mắt. Bà nói, khi tôi quay lại và ngồi xuống giường: “Bà Schmitz luôn hi vọng là ông sẽ viết thư. Bà ấy chỉ nhận được bưu phẩm của mình ông, khi phát thư, bà ấy hỏi Không có bưu phẩm cho tôi à? và không dám chỉ gói cassette. Tại sao ông không viết thư bao giờ?”

Tôi lại im lặng. Nếu mở mồm thì tôi cũng không nói được, chỉ nghẹn lời và khóc mà thôi.

Bà đi ra giá sách lấy hộp trà, ngồi xuống cạnh tôi và rút trong túi áo ra một tờ giấy gấp đôi. “Bà Schmitz để lại cho tôi một bức thư, một dạng di chúc. Tôi đọc cho ông nghe đoạn nói đến ông”. Bà mở tờ giấy. “Trong hộp trà màu tím còn có tiền. Nhờ bà đưa cho Michael Berg để chuyển số tiền này cùng với 7000 Mark ở quỹ tiết kiệm cho cô con gái đã sống sót trong vụ cháy nhà thờ cùng mẹ. Cô ấy sẽ tự quyết định làm gì với số tiền. Và nhờ bà chuyển hộ lời tôi chào anh ấy”.

Thế nghĩa là cô không để lại lời nào cho tôi. Cô muốn nhục mạ tôi? Cô muốn trừng phạt tôi? Hay tâm hồn cô đã mệt mỏi đến mức cô chỉ còn có thể làm và viết những chuyện cần thiết nhất? “Trong tất cả những năm ở đây, bà ấy như thế nào”, tôi đợi đến khi nói được, “và trong những ngày cuối như thế nào?”

“Bà ấy sống ở đây nhiều năm như trong tu viện. Tựa như tự nguyện lui về đây và tự nguyện chịu đựng nội quy ở đây, tựa như công việc khá đơn điệu ở đây là một kiểu ngồi thiền. Bà thân mật nhưng giữ khoảng cách và có uy tín lớn đối với những người phụ nữ khác. Hơn thế nữa, bà còn được trọng vọng, được hỏi ý kiến khi có vấn đề, và khi bà can thiệp vào một vụ cãi cọ thì quyết định của bà được chấp nhận. Cho đến khi bà buông trôi mọi việc từ cách đây vài năm. Bà ấy luôn chú trọng mình, cao lớn nhưng giữ người thon thả, và sạch sẽ đến phát sợ. Giờ thì bắt đầu ăn nhiều, ít tắm rửa, lên cân và có mùi. Trông bà không có vẻ bất hạnh hay không bằng lòng. Thực ra thì nguyên nhân là rút lui vào tu viện có lẽ chưa đủ, tựa như ngay trong tu viện cũng còn quá đông đảo và ẩm ỉ và vì thế bà phải trốn vào một trai phòng cô đơn để không thấy mặt ai, và ở đó thì bộ dạng, trang phục và mùi vị chẳng còn ý nghĩa gì nữa. Không nói là bà ấy buông trôi mọi việc là sai. Bà tự xác định một chỗ mới của mình, với một phương thức đúng cho mình, nhưng không được những người khác nể trọng”.

“Và những ngày cuối?”

“Vẫn như mọi khi”.

“Tôi có được nhìn thấy bà ấy?”

Bà gật đầu, nhưng vẫn ngồi. “Những năm cô đơn phải chăng đã làm người ta không chịu nổi cuộc đời này nữa? Thà tự sát còn hơn rời chốn tu viện ẩn dật để quay lại với cuộc đời?” Bà quay sang tôi. “Bà Schmitz không viết tại sao tự sát. Còn ông không nói giữa hai người có gì khả dĩ đưa đến chuyện bà Schmitz tự sát trong đêm cuối cùng, trước khi ông đến đón”. Bà gấp giấy lại, đứng dậy và phúi váy cho phẳng. “Ông biết không, cái chết của bà Schmitz làm tôi bàng hoàng, và trong giây phút này tôi đang trong cơn thịnh nộ đối với bà Schmitz và với ông. Nhưng ta đi thôi”.

Bà lại đi trước, lần này lặng tiếng. Hanna nằm trong một phòng nhỏ của bệnh xá. Chúng tôi vừa vịn lết vào giữa xe cang và tường. Bà giám đốc lật tấm khăn ra.

Người ta buộc một dải khăn quanh đầu Hanna để nâng cao cảm cho đến xác cứng lại. Khuôn mặt không quá bình lặng, cũng không quá đau đớn, cứng đờ tử khí. Tôi nhìn một lúc lâu, và trong khuôn mặt chết hiển hiện khuôn mặt sống, trong khuôn mặt già nua hiện lên khuôn mặt trẻ trung. Đó phải là cảm giác của những đôi vợ chồng già, tôi nghĩ vậy; đối với bà vợ thì trong ông chồng già vẫn còn nguyên chàng trai trẻ, và ông vẫn thấy trong bà vợ già vẻ đẹp và duyên dáng của cô vợ trẻ. Tại sao tôi không nhìn thấy vẻ hiển hiện ấy trước đây một tuần?

Tôi không khóc. Một hồi sau, khi bà giám đốc nhìn tôi dò hỏi thì tôi gật đầu, và bà đẩy lại tấm khăn lên mặt Hanna.

43. Chương 43

Đến tận mùa thu tôi mới hoàn thành được việc Hanna giao. Cô con gái sống ở New York, và tôi nhân dịp đi họp ở Boston để đem tiền đến cho cô: một tờ ngân phiếu với số dư trong sổ tiết kiệm và hộp trà đựng chỗ tiền mặt. Trước đó tôi đã viết thư tự giới thiệu mình nghiên cứu lịch sử ngành tư pháp và nhắc đến vụ án. Tôi xin phép được gặp mặt cô, và cô mời tôi đến uống trà.

Tôi đi tàu từ Boston đến New York. Rừng cây bùng sắc nâu, vàng, cam, nâu đỏ, và ánh đỏ rực lửa của lá phong. Tôi liên tưởng đến những bức tranh thu trong phòng Hanna. Một vì tiếng bánh xe lăn và tàu lắc, tôi mơ thấy Hanna và tôi ở trong một ngôi nhà giữa những quả đồi đầy sắc thu mà tàu hỏa đang đi qua. Hanna già hơn so với khi tôi mới quen cô, và trẻ hơn khi tái ngộ, già hơn tôi, đẹp hơn ngày xưa, ở tuổi này lại có dáng điệu thanh thần hơn và tự tin hơn với cơ thể mình. Tôi thấy cô ra khỏi ô tô và ôm các túi đựng đồ vừa mua, thấy cô đi qua vườn vào nhà, thấy cô đặt túi và lên cầu thang trước tôi. Khát vọng về Hanna mạnh đến đau đớn. Tôi chống lại khát vọng ấy, phản biện rằng nó đi lệch với thực tế của tôi và của Hanna, lệch với lứa tuổi và hoàn cảnh sống của chúng tôi. Hanna không nói tiếng Anh, làm sao sống ở Mỹ được? Và cô cũng không biết lái ô tô.

Tôi tỉnh dậy và biết Hanna đã chết. Tôi cũng biết rằng khát vọng ấy xoay quanh cô nhưng không xuất phát từ cô. Đó là khát vọng được trở về nhà.

Cô gái sống ở New York, trong một phố nhỏ gần công viên Central Park. Hai bên đường là dãy nhà liền kề bằng sa thạch sẫm màu cũ kỹ, cầu thang lên tầng trên cũng làm từ loại sa thạch màu đỏ. Trông khắc khổ, nhà nối tiếp nhà, mặt tiền tựa tựa nhau, cầu thang nối tiếp cầu thang, cây bên đường mới trồng cối khoảng cánh đều đặn, vài chiếc cây trên cành khẳng khiu.

Cô gái mời tôi uống trà trước cửa sổ lớn nhìn xuống các mảnh vườn nhỏ trong khuôn viên, nơi thì đủ màu, có nơi chỉ toàn đồ lộn xộn. Sau khi ngồi xuống và rót trà, cô không nói tiếng Anh như lúc chào tôi mà chuyển sang tiếng Đức. “Ông có việc gì gặp tôi?” Cô hỏi không thân mật mà cũng không sốt sắng, giọng hoàn toàn công việc. Tất cả vẻ ngoài của cô - dáng đi, cử chỉ, trang phục - đều mang vẻ công việc. Khuôn mặt không tuổi tác. Như những khuôn mặt đã được căng da. Song cũng có thể nó đã cứng đờ bởi khổ nạn ngày xưa. Tôi cố nhớ lại mặt cô trong phiên tòa nhưng không nhớ nổi.

Tôi kể cô nghe về cái chết của Hanna và nhiệm vụ được giao.

“Tại sao lại là tôi?”

“Tôi đoán vì cô là người duy nhất còn sống”.

“Tôi nên lấy tiền làm gì?”

“Làm bất cứ gì mà cô cho rằng có ý nghĩa”.

“Và qua đó ban phép xá tội cho bà Schmitz?”

Thoạt tiên tôi muốn từ chối. Nhưng quả thật Hanna đòi hỏi nhiều. Những năm ở tù không chỉ là sự trừng phạt, Hanna muốn cho chúng một ý nghĩa, và cô muốn hành vi ấy của cô được thừa nhận. Tôi nói ý đó ra.

Cô lắc đầu. Tôi không hiểu là cô định bác bỏ cách suy luận của tôi hay cự tuyệt không chịu nhận Hanna.

“Cô có thể thừa nhận mà không xá tội được không?”

Cô cười. “Ông yêu bà ấy, đúng không? Thật ra thì quan hệ giữa hai ông bà ra sao?”

“Tôi là người đọc truyện cho bà ấy. Chuyện bắt đầu khi tôi mới mười lăm tuổi, và tiếp tục khi bà ấy ngồi tù”.

“Làm thế nào mà ông...”

“Tôi gửi băng Cassette cho bà. Gần như cả đời bà Schmitz mù chữ, vào trong tù mới học đọc và viết”.

“Tại sao ông làm những việc ấy?”

“Hồi tôi mười lăm tuổi, chúng tôi có quan hệ...”

“Ông định nói là hai người ngủ với nhau?”

“Vâng”.

“Bà này là người vô cùng tàn ác. Ông có chịu nổi chuyện bà ấy hỏi ông mười lăm tuổi đã... Không, ông tự nói rồi, lúc bà ấy trong tù ông đã bắt đầu đọc truyện lại. Ông có lập gia đình bao giờ chưa?”

Tôi gật đầu.

“Rồi hôn nhân ngắn ngủi và bất hạnh, còn đứa con, nếu có, đang ở nội trú”.

“Hàng nghìn người như thế, đâu phải viện đến một bà Schmitz”.

“Trong những năm cuối mà ông có liên lạc với bà ấy, ông có cảm giác rằng bà ấy hiểu ra đã gây ra tai họa gì cho ông?”

Tôi nhún vai. “Tối thiểu thì bà ấy đã hiểu ra mình gây tai họa gì cho người khác ở trại tập trung và trong chuyến đi. Bà ấy không chỉ nói ra với tôi, mà còn nghiên cứu kỹ đề tài ấy trong tù”. Tôi kể cho cô nghe những gì bà giám đốc trại đã cho biết.

Cô đứng dậy, đi đi lại lại trong phòng với những bước dài. “Có bao nhiêu tiền trong đó?”

Tôi quay lại nơi đặt túi ở giá treo áo và quay lại với tờ ngân phiếu và hộp đựng trà. “Đây”.

Cô nhìn tờ ngân phiếu rồi đặt xuống bàn. Cô mở hộp, đổ ra, đẩy trở lại và cầm trong tay, mắt chăm chú nhìn chiếc hộp. “Hồi còn nhỏ tôi có một hộp trà để đựng những đồ quý giá của mình. Không giống kiểu hộp này, mặc dù hồi đó đã có rồi, mà có ký tự Kyrill, nắp không ấn vào trong mà đẩy úp ra ngoài. Tôi đem chiếc hộp vào tận trại giam, ở đó nó bị đánh cắp mất”.

“Có gì trong đó?”

“Có gì đâu, một lọn tóc lông của con chó xù ở nhà, vé xem nhạc kịch mà bố tôi cho đi cùng, một cái nhẫn được thưởng hoặc tìm thấy trong hộp nào đó. Chiếc hộp không bị đánh cắp vì các thứ bên trong. Mà chính cái hộp hoặc mục đích sử dụng của nó rất giá trị trong trại tập trung”. Cô đặt chiếc hộp lên tờ ngân phiếu. “Ông có đề nghị gì về mục đích dùng tiền? Dùng nó cho mục đích gì liên quan đến vụ thẩm sát người Do Thái thì tôi thấy không khác gì ban phép xá tội, đó là chuyện mà tôi không được phép và cũng chẳng muốn”.

“Cho người mù chữ muốn học đọc và viết. Thế nào cũng có những quỹ bắt vụ lợi hay hiệp hội để đóng tiền cho họ”.

“Chắc chắn là có”. Cô suy nghĩ.

“Có những hiệp hội kiểu ấy của người Do Thái?”

“Ông tin rằng nếu đã có hiệp hội nào trên đời thì người Do Thái cũng có hiệp hội ấy. Tuy nhiên nạn mù chữ không hẳn là một vấn đề Do Thái”. Cô đẩy tờ ngân phiếu và tiền sang phía tôi.

“Ta hãy làm như sau. Ông hỏi xem có tổ chức Do Thái nào kiểu ấy, ở đây hay ở Đức, và chuyển tiền vào tài khoản của tổ chức mà ông tin tưởng nhất. “Ông có thể”, cô cười, “chuyển tiền dưới tên Hanna Schmitz, nếu ông rất chú trọng đến sự thừa nhận”.

Cô lại cầm lấy chiếc hộp. “Tôi giữ lại chiếc hộp này”.

44. Chương 44

Bây giờ thì tất cả đã lùi xa mười năm vào dĩ vãng. Những năm đầu sau khi Hanna chết, những câu hỏi đã hành hạ tôi là liệu tôi chối bỏ và phản bội cô, tôi có tội gì với cô, tôi yêu cô thì có tội không, tôi lẽ ra có nên và phải thoát khỏi cô mới đúng. Đôi lúc tôi tự hỏi, liệu tôi có chịu trách nhiệm cho cái chết của cô. Và đôi lúc tôi cảm tức cô và những gì cô đã gây ra cho tôi. Cho đến khi cơn giận hết hơi và những câu hỏi hết quan trọng. Tôi đã làm gì, không làm gì, cô đã làm gì tôi - đó chính là cuộc đời tôi mà.

Một thời gian rất ngắn sau khi Hanna chết, tôi quyết định ghi lại câu chuyện của Hanna và tôi. Từ thời điểm đó, chuyện chúng tôi đã được viết ra nhiều lần trong óc, mỗi lúc lại khác đi một chút, mỗi lúc lại thêm vào những hình ảnh, những vụn vặt mới về hành động và ý nghĩa. Vậy là bên cạnh phương án mà tôi viết ra còn thêm nhiều phương án khác nữa. Sự đảm bảo cho tính đúng đắn của phương án đã viết là tôi đã viết ra nó, còn các phương án kia không được viết ra. Phương án đã được viết ra thúc giục được viết ra, còn những phương án kia không muốn.

Thoạt tiên tôi viết ra truyện này để thoát được khỏi nó. Nhưng những hồi ức không chịu hiện ra để phục vụ mục đích ấy. Rồi tôi nhận thấy truyện vượt khỏi tay mình, tôi phải viết để níu nó lại, song để làm việc ấy cũng không gọi được hồi ức. Nhiều năm nay tôi để câu chuyện của chúng tôi yên thân. Tôi đã hòa giải với nó. Và nó quay lại, từng chi tiết một, tròn trịa, đầy đủ và ngăn nắp trong một hình thức không làm tôi buồn nữa. Một thời gian dài tôi nghĩ rằng truyện bị ai quá. Song tôi hiểu rằng truyện ấy đúng, và bị ai hay hạnh phúc không quan trọng.

Đó luôn là suy nghĩ của tôi khi tôi chợt nghĩ đến câu chuyện xưa. Khi tôi bị xúc phạm, những xúc phạm ngày xưa lại trào lên, khi tôi cảm có lỗi, những cảm giác tội lỗi ngày xưa hiện ra, và trong khát khao nhớ nhung của hôm nay tôi nhận ra khát khao nhớ nhung của ngày xưa. Những giai tầng trong cuộc đời chúng tôi nằm sát nhau đến mức chúng tôi luôn gặp tương lai trong quá khứ, không phải cái gì đã xong xuôi và hoàn tất, mà hiện tại và sinh động. Tôi hiểu. Mặc dù vậy, nhiều khi tôi thấy khó chịu đựng nổi. Có thể tôi cứ viết ra chuyện chúng tôi để giải thoát khỏi nó, kể cả khi không thành công.

Ngay sau khi từ New York về tôi chuyển số tiền của Hanna đến tay Tổ chức Do Thái chống mù chữ, với tên Hanna. Tôi nhận được một bức thư ngắn viết trên máy tính, trong đó tổ chức ấy cảm ơn bà Hanna Schmitz quỳen góp tiền. Với bức thư trong túi tôi ra nghĩa trang, đến mộ Hanna. Lần đầu tiên, và lần duy nhất tôi đứng trước mộ cô.

Chú thích

(của người dịch)

- Julien Sorel, bà de Rênal, Mathilde de la Mole: nhân vật trong tiểu thuyết Đỏ và Đen của nhà văn Pháp Stendhal (1783-1842)
- Felix Krull: nhân vật trong tiểu thuyết Bekenntnisse des Hochstaplers Felix Krull của nhà văn Đức Thomas Mann (1875-1955)
- Charlotte von Stein (1742-1842): bạn đời lâu năm của nhà thơ Đức Johann Wolfgang von Goethe (1749-1832)
- Odyssey: trường ca của nhà thơ Hy Lạp Homer (thế kỷ 8 (?) trước Công nguyên)
- Marcus Tullius Cicero (106-43 trước Công nguyên): diễn giả, chính khách và nhà văn La Mã nổi tiếng
- Lucius Sergius Catilina (108-62 trước Công nguyên): chính khách La Mã
- Ernest Hemingway (1899-1961): nhà văn Mỹ, truyện Ông già và Biển cả là tác phẩm cuối cùng được xuất bản lúc ông còn sống
- Emilia Galotti: nhân vật trong vở kịch cùng tên của nhà viết kịch Đức Gotthold Ephraim Lessing (1729-1781)
- âm mưu và tình yêu: kịch của nhà thơ Đức Friedrich Schiller (1759-1805)
- Joseph von Eichendorff (1788-1857): nhà thơ Đức

- Rainer Maria Rilke: nhà thơ Đức (1875-1926)
- Gottfried Benn: nhà thơ Đức (1886-1956)
- Natasha, Andrey, Pierre: nhân vật trong Chiến tranh và hòa bình của nhà văn Nga Lev Tolstoi (1828-1910)
- Nazi: hay Nationalsozialist, người theo chủ nghĩa Quốc xã - một tư tưởng hệ toàn trị thịnh hành ở nước Đức vào những năm 20 và 30, dẫn đến thành lập nước Đức Quốc xã 1933 dưới trướng Hitler
- Siebenbuergen: địa phương thuộc Romania hôm nay, nơi có nhiều chủng tộc chung sống
- Auschwitz: tên Đức của thành phố Oswiecim gần Krakov (Ba Lan), nơi có quần thể trại tập trung lớn nhất của phát xít Đức xây trong vùng tạm chiến (Auschwitz I-III)
- Rudolf Hoess: chỉ huy trại tập trung Auschwitz II Birkenau, người đầu tiên dùng hơi ngạt “Zyklon B” để giết tù nhân hàng loạt
- Birkenau: tên Đức của hạt Brzezinka thuộc Oswiecim, địa điểm trại tập trung Auschwitz II
- Bergen-Belsen: trại tập trung ở tỉnh Hannover (Đức)
- Struthof: trại tập trung ở Alsace (Pháp)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/nguoi-doc>